

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



DỰ THẢO BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Định, tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	1
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá	2
1.2. Tổng quan chung	4
1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn	4
1.2.2. Giới thiệu về Khoa Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh.....	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	17
Tiêu chí 1.3	20
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	22
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	22
Mở đầu	22
Tiêu chí 2.1	23
Tiêu chí 2.2	26
Tiêu chí 2.3	28
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	31
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 3.1	32
Tiêu chí 3.2	34
Tiêu chí 3.3	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	39
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 4.1	40
Tiêu chí 4.2	42
Tiêu chí 4.3	45

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	48
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 5.1	49
Tiêu chí 5.2	54
Tiêu chí 5.3	56
Tiêu chí 5.4	59
Tiêu chí 5.5	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	64
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 6.1	65
Tiêu chí 6.2	68
Tiêu chí 6.3	72
Tiêu chí 6.4	73
Tiêu chí 6.5	76
Tiêu chí 6.6	78
Tiêu chí 6.7	80
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	83
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	84
Mở đầu	84
Tiêu chí 7.1	84
Tiêu chí 7.2	87
Tiêu chí 7.3	88
Tiêu chí 7.4	91
Tiêu chí 7.5	93
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	95
Tiêu chuẩn 8. SV và hoạt động hỗ trợ người học	96
Mở đầu	96
Tiêu chí 8.1	97
Tiêu chí 8.2	101
Tiêu chí 8.3	102
Tiêu chí 8.4	105

Tiêu chí 8.5	109
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	111
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	112
Mở đầu.....	112
Tiêu chí 9.1	112
Tiêu chí 9.2	115
Tiêu chí 9.3	118
Tiêu chí 9.4	119
Tiêu chí 9.5	122
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	124
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	125
Mở đầu.....	125
Tiêu chí 10.1	125
Tiêu chí 10.2	127
Tiêu chí 10.3	129
Tiêu chí 10.4	131
Tiêu chí 10.5	133
Tiêu chí 10.6	137
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	140
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	141
Mở đầu.....	141
Tiêu chí 11.1	141
Tiêu chí 11.2	144
Tiêu chí 11.3	148
Tiêu chí 11.4	152
Tiêu chí 11.5	156
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	159
PHẦN III. KẾT LUẬN	160
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo	160
3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	160
3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	161
3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	162
3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	162

3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	162
3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	163
3.1.7. Đội ngũ nhân viên.....	164
3.1.8. SV và hoạt động hỗ trợ người học.....	165
3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	165
3.1.10. Nâng cao chất lượng.....	166
3.1.11. Kết quả đầu ra.....	167
3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại của chương trình đào tạo.....	168
3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	168
3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	168
3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	168
3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	168
3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	168
3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	169
3.2.7. Đội ngũ nhân viên.....	169
3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	169
3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	170
3.2.10. Nâng cao chất lượng.....	170
3.2.11. Kết quả đầu ra.....	171
3.3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.....	171
3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	171
3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo	171
3.3.3. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học	172
3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	172
3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học	172
3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	173
3.3.7. Đội ngũ nhân viên.....	173
3.3.8. SV và hoạt động hỗ trợ người học.....	174
3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	175
3.3.10. Nâng cao chất lượng.....	175
3.3.11. Kết quả đầu ra.....	176
3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo	177
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	181

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CĐR	:	Chuẩn đầu ra
CLĐT	:	Chất lượng đào tạo
CNTT	:	Công nghệ thông tin
CTDH	:	Chương trình dạy học
CTĐT	:	Chương trình đào tạo
CTCT & SV	:	Công tác chính trị và Sinh viên
CSVC	:	Cơ sở vật chất
CVHT	:	Cổ vấn học tập
ĐCCTHP	:	Đề cương chi tiết học phần
ĐHQN	:	Đại học Quy Nhơn
ĐTĐH	:	Đào tạo Đại học
GDDH	:	Giáo dục đại học
GD&ĐT	:	Giáo dục và Đào tạo
GDTC	:	Giáo dục thể chất
GV	:	Giảng viên
TVTS & QHDN	:	Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp
KHCN & HTQT	:	Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế
KH-TC	:	Kế hoạch – Tài chính
KT&BĐCL	:	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng
MC	:	Minh chứng
NCKH	:	Nghiên cứu khoa học
NCS	:	Nghiên cứu sinh
QP – AN	:	Quốc phòng – An ninh
SV	:	Sinh viên
TC-NH & QTKD	:	Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh
TC-NS	:	Tổ chức – Nhân sự
THPT	:	Trung học phổ thông

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

a. Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTKS bao gồm 4 phần:

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (mô tả cấu trúc, nội dung, cách mã hóa MC...);

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT...).

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí.

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn ...

Mở đầu

Tiêu chí ...

1. Mô tả hiện trạng (Mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)

2. Điểm mạnh (Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)

3. Điểm tồn tại (Nêu những điểm tồn tại của CTĐT)

4. Kế hoạch hành động (Kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại...)

5. Tự đánh giá (Tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của tiêu chí)

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT; những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

- Phần IV. Phụ lục (Gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các tài liệu và văn bản liên quan khác; danh mục MC).

b. Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá

Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QTKS gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm

theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được hướng dẫn cụ thể trong Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD thay thế Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Cục Quản lý chất lượng. Nội dung cụ thể gồm: Mục tiêu và CĐR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của NH; Đội ngũ GV, NCV; Đội ngũ nhân viên; NH và hoạt động hỗ trợ NH; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

c. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp MC” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).
- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).
- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá

a. Mục đích tự đánh giá

- Xác định mức độ đáp ứng của CTĐT ngành QTKS so với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT.
- Là cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng của CTĐT ngành QTKS.
- Là cơ sở để giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình; cơ sở cho SV lựa chọn chương trình và

nhà sử dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

- Là cơ sở để đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT.

b. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Khoa TC-NH & QTKD và các đơn vị phối hợp của Trường ĐHQN trong việc thực hiện CTĐT ngành QTKS theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

Thời gian đánh giá: giai đoạn 2018 – 2023.

c. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá CTĐT gồm các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm công tác chuyên trách;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và toàn Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

d. Phương pháp và công cụ đánh giá

Quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QTKS của Khoa TC-NH & QTKS được thực hiện dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Bên cạnh đó, quá trình tự đánh giá CTĐT ngành QTKS còn được thực hiện dựa trên các văn bản hướng dẫn cụ thể sau:

Công văn số 1074/KTKĐGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH;

Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;

Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020.

Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành QTKS được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các mô tả, phân tích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các MC cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá CTĐT, bên cạnh các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, Khoa đã huy động phần lớn các GV, viên chức của Khoa và một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn

a. Quá trình hình thành và phát triển

Cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21 tháng 12 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT), “có nhiệm vụ: Đào tạo bồi dưỡng giáo viên cấp 3 theo kế hoạch, chương trình, quy chế, chế độ của Nhà nước và Bộ Giáo dục quy định”. Sau đó, ngày 13 tháng 7 năm 1981 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 02/HĐBT về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường THPT”. Đến ngày 30 tháng 10 năm 2003 Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được đổi tên thành Trường ĐHQN theo Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và

từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội. 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Hơn 45 năm xây dựng và phát triển, từ một trường đào tạo ngành sư phạm, Trường ĐHQN đã trở thành một trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, không ngừng phát triển cả về quy mô, lĩnh vực đào tạo lẫn trình độ và CLĐT, cả về số lượng và chất lượng đội ngũ GV, viên chức. Tính đến tháng 12 năm 2022, Nhà trường có 12 khoa, 01 bộ môn thuộc Trường, 15 đơn vị chức năng và phục vụ đào tạo (gồm 10 phòng, 01 văn phòng Đảng – Đoàn thể, 02 trung tâm, 01 thư viện và 01 viện khoa học giáo dục), 07 đơn vị hạch toán độc lập (gồm 06 trung tâm và 1 viện nghiên cứu ứng dụng KH&CN) và các tổ chức, đoàn thể: Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội SV, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức. Nhà trường hiện có 729 viên chức và người lao động, trong đó có 507 GV, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 NCS (81 NCS trong nước và 36 NCS nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ thạc sĩ. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên chiếm 37,27%, vượt 12,27% so với chỉ tiêu đã đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ GV của Nhà trường giai đoạn 2010-2020. Đây là nguồn nhân lực dồi dào, nền móng vững chắc đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Nhà trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trường ĐHQN hiện đang đào tạo 48 ngành trình độ đại học thuộc các khối ngành Khoa học GD&ĐT giáo viên, nhất là giáo viên trung học phổ thông; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao, với quy mô khoảng 13.000 SV chính quy và hơn 5.000 SV không chính quy; 24 ngành/chuyên ngành trình độ ThS, 03 chuyên ngành trình độ TS với quy mô hơn 1.000 học viên, NCS. Ngoài ra, Trường còn đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng tiếng Việt cho lưu học sinh Lào thuộc các tỉnh Attapu, Champasak, Salavan và Sekong.

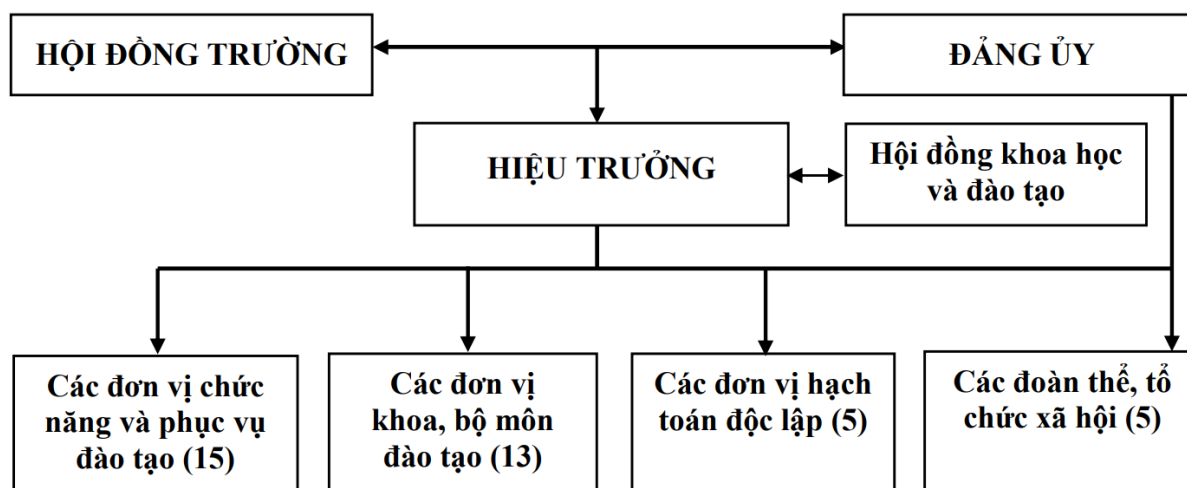
Bước vào giai đoạn mới với những thách thức và cơ hội mới, Trường ĐHQN đã và đang phát huy những thành quả đạt được, quyết tâm phấn đấu xây dựng và phát triển thành trường đảm bảo chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của khu vực và cả nước, nhằm tiếp tục khẳng định sứ mạng, mục tiêu, vai trò và chức năng nhiệm vụ của mình, góp

phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

b. Cơ cấu tổ chức, quản lý

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH, bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác;
- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;
- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện NCKH và công nghệ; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.



Hình 1.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường ĐHQN

Công tác quản lý của Trường ĐHQN được thực hiện theo quy định của Luật GDĐH, Điều lệ trường đại học, các quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT, theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQN (ban hành theo Quyết định số 902/QĐ-ĐHQN ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN). Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý trong Trường được phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả đến toàn thể viên chức qua hệ thống E-office. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, viên chức quản lý, GV, nhân viên trong Trường được quy định rõ ràng. Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Nhà trường hoạt động có hiệu quả, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong viên chức quản lý, GV, nhân viên và SV.

c. Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường ĐHQN xác định sứ mệnh và tầm nhìn phù hợp với các chức năng,

nhiệm vụ và các nguồn lực của mình; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN và được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

Sứ mệnh: “Trường ĐHQN là cơ sở GDDH đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”.

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế”.

Giá trị cốt lõi: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn”.

d. Triết lý giáo dục

Để hoàn thành sứ mạng của mình, Trường ĐHQN xác định Triết lý giáo dục của Trường là: “**Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp**”. Cụ thể nội dung triết lý giáo dục như sau:

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ SV phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho SV nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi SV; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp SV phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để SV có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục được Nhà trường công bố theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Toàn thể công chức, viên chức, SV trong Trường có trách nhiệm phổ biến, quán triệt đầy đủ, chính xác nội dung, ý nghĩa của triết lý giáo dục của Trường ĐHQN; đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường, đơn vị cho phù hợp.

Nhà trường đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu đề ra, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và có các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch, mục tiêu chiến lược đề ra.

e. Chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục

Với triết lý giáo dục: “Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp”, Trường ĐHQN xác định chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục: “Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; đảm bảo SV phát triển toàn diện các năng lực và phẩm chất, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội”.

Trường ĐHQN cam kết:

1. Xác định đảm bảo chất lượng giáo dục là trách nhiệm của Nhà trường; tất cả các hoạt động của Nhà trường được định hướng và triển khai nhằm thực hiện Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục mà Nhà trường đã công bố.

2. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động với sự tham gia của các bên liên quan.

3. Đảm bảo SV tốt nghiệp đạt được CDR tương ứng với trình độ và ngành đào tạo, có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu để phát triển bản thân, có việc làm phù hợp.

4. Phát triển đội ngũ GV, nhân viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, có tinh thần trách nhiệm với Nhà trường, SV và cộng đồng, có tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp. Duy trì và phát triển môi trường làm việc công khai, minh bạch, bảo đảm mọi thành viên của Nhà trường được phát huy tối đa năng lực của mình.

5. Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

6. Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các đối tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và các lĩnh vực khác.

7. Áp dụng chu trình “Lập kế hoạch – Triển khai – Giám sát – Cải tiến” (PDCA: Plan – Do – Check – Act) trong mọi mặt hoạt động của Nhà trường nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

f. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Từ năm 2007, Trường ĐHQN đã thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục và các CTĐT giáo viên theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Năm 2016, Nhà trường tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Năm 2017, Trường được kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHQN (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng).

Năm 2020, 03 ngành gồm Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học và Kỹ thuật điện đã được kiểm định chất lượng CTĐT và được cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học kèm theo Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD, số 92/QĐ-CEA.UD và số 93/QĐ-CEA.UD ngày 2/7/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng.

Năm 2021, 09 ngành gồm Công nghệ thông tin, Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Tài chính – Ngân hàng, Công tác xã hội, Giáo dục thể chất, Kế toán, Quản lý nhà nước, Ngôn ngữ Anh đã được kiểm định chất lượng CTĐT và được cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học kèm theo các Quyết định số 125/QĐ-CEA.UD, số 126/QĐ-CEA.UD, số 127/QĐ-CEA.UD, số 128/QĐ-CEA.UD, số 129/QĐ-CEA.UD, số 130/QĐ-CEA.UD, số 131/QĐ-CEA.UD, số 132/QĐ-CEA.UD và số 133/QĐ-CEA.UD ngày 24/4/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng.

Năm 2023, 02 ngành trình độ Thạc sĩ gồm Kế toán và Vật lý chất rắn đã được kiểm định chất lượng CTĐT và được cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học kèm theo Quyết định số số 40/QĐ-CEA.UD và số 41/QĐ-CEA.UD ngày 09/02/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng.

Vào tháng 02/2023, Trường ĐHQN đã hoàn thành đợt khảo sát chính thức đánh giá chất lượng giáo dục Trường ĐHQN chu kỳ 2.

Hiện nay Trường ĐHQN đang tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký đánh

giá ngoài 04 CTĐT trình độ đại học gồm Sư phạm Ngữ văn, Nông học, Quản trị khách sạn, Kỹ thuật điện tử - Viễn thông và 01 CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Khoa học dữ liệu theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT; Triển khai tự đánh giá CTĐT trình độ các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT AUN-QA 4.0.

Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các CTĐT là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường bảo đảm, nâng cao CLĐT, đồng thời công khai, giải trình với các bên liên quan và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục và Luật GDĐH.

1.2.2. Giới thiệu về Khoa Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh

a. Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 7 năm 1994, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã kí Hợp đồng về liên kết đào tạo ngành QTKD. Sự kiện này đã đặt “viên gạch” đầu tiên cho quá trình xây dựng và phát triển các ngành QTKD, Kế toán, QTKS và Kinh tế. Năm đầu tiên tuyển sinh ngành QTKD – tháng 9 năm 1994 – Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn tuyển được 65 SV chuyên ngành QTKD Du lịch. Nhiệm vụ quản lý SV của khóa học đầu tiên này được giao cho Khoa Sư - Chính trị.

Ngày 7 tháng 6 năm 1996, Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 118/QĐ thành lập Ban Công nghệ - Luật - Kinh tế để quản lý giai đoạn II các ngành liên kết đào tạo: QTKD Du lịch, QTKD Thương mại, Kế toán,.. (liên kết Trường Đại học Kinh tế Quốc dân), Quản trị doanh nghiệp (liên kết Trường Đại học Bách khoa Hà Nội), Luật (liên kết với Trường Đại học Luật Hà Nội), Điện tử và Điện kỹ thuật (Liên kết Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng).

Để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý đồng thời nhằm hướng tới sự phát triển lâu dài, năm 1998, phương thức đào tạo theo 2 giai đoạn được bãi bỏ. Ngày 14 tháng 07 năm 1998 Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 220/QĐ thành lập Ban Kinh tế - Luật trên cơ sở Ban Đại học đại cương và bộ phận Luật - Kinh tế của Ban Công nghệ - Luật - Kinh tế.

Sự lớn mạnh của đội ngũ GV và sự gia tăng nhanh về số lượng SV các ngành QTKD, QTKS, Kế toán, Kinh tế... đã thể hiện xu hướng phát triển khách quan của các ngành kinh tế nói chung.

Ngày 27 tháng 3 năm 2002, Bộ GD&ĐT ra quyết định số 1247/QĐ - BGDĐT-TCCB về việc thành lập Khoa Kinh tế & QTKD. Đây là bước khởi đầu chuẩn bị điều

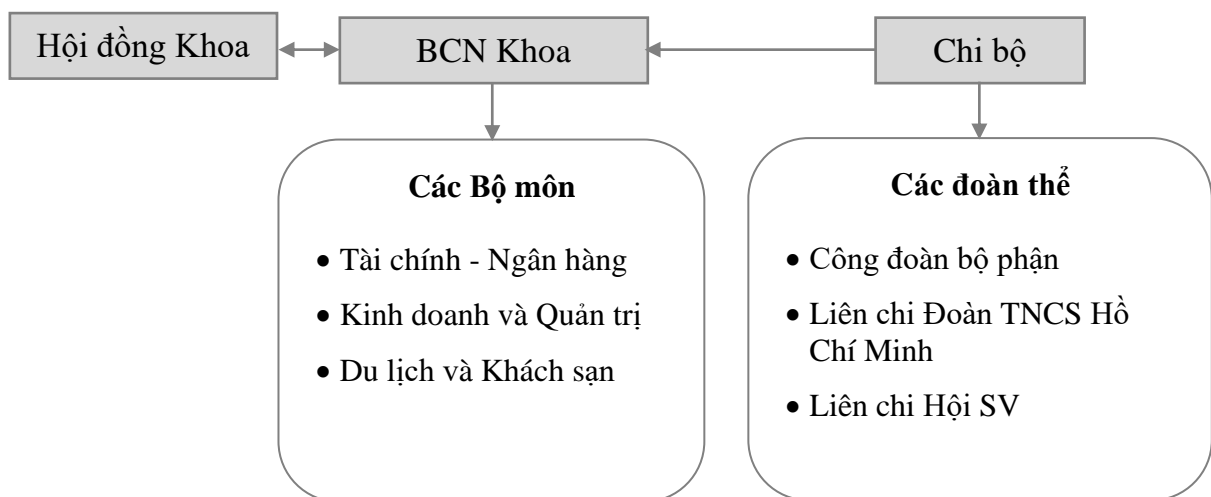
kiện để đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường ĐHQN. Cũng trong năm học 2002 – 2003, Khoa Kinh tế & QTKD chính thức được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh tự đào tạo ngành QTKD (do Trường ĐHQN cấp bằng). Hai sự kiện này là bước ngoặt lớn, tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Khoa sau này.

Sau 26 năm xây dựng và phát triển (kể từ ngày thành lập trường: 21/12/1977), ngày 30/10/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 221/2003/QĐ-TTG đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường ĐHQN. Đây là một dấu mốc quan trọng khẳng định chiến lược phát triển đa ngành, đa lĩnh vực của Trường ĐHQN, mở ra một thời kỳ phát triển mới cho các ngành ngoài sư phạm - các ngành Kinh tế & QTKD trong Nhà trường. Những năm tiếp theo, các ngành Kế toán, QTKS (tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm học 2007 – 2008) và Kinh tế lần lượt ra đời.

Ngày 14 tháng 10 năm 2009, Hiệu trưởng Trường ĐHQN đã ký Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN thành lập Khoa TC-NH & QTKD và Khoa Kinh tế & Kế toán trên cơ sở tách Khoa Kinh tế & QTKD. Khoa lấy ngày 27 tháng 3 hàng năm làm ngày truyền thống.

Đến nay, Khoa đã đào tạo và cung cấp cho tỉnh Bình Định, khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, cung cấp cho đất nước hàng ngàn cử nhân kinh tế thuộc các ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

b. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ GV, viên chức



Hình 1.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa TC-NH & QTKD

Hiện nay, Khoa có 42 GV (gồm 2 PGS, 23 TS, 6 NCS, 11 ThS) và 3 chuyên viên (gồm 1 ThS, 1 Kỹ sư, 1 cử nhân). Khoa có 03 bộ môn gồm: Tài chính – Ngân hàng, Kinh doanh và Quản trị, Du lịch và Khách sạn. Khoa TC-NH & QTKD đang từng bước

trưởng thành, phát triển và đã trở thành một địa chỉ đào tạo có uy tín.

Về tổ chức Đảng và đoàn thể, Khoa hiện có 01 chi bộ với 28 đảng viên, nhiều năm liền đạt danh hiệu “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ”, ba năm liên tiếp gần nhất đạt danh hiệu “Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Ngoài ra, Khoa còn có các tổ chức đoàn thể như Công đoàn bộ phận, Liên chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên chi Hội SV đều hoạt động tốt, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, cùng với chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng tạo thành một khối đoàn kết, thống nhất.

c. Sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu

Sứ mệnh: “Đào tạo SV toàn diện về năng lực và phẩm chất, có trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, QTKD, quản trị du lịch và khách sạn. Sứ mạng này đạt được thông qua cam kết trong việc không ngừng cải tiến chương trình theo chuẩn quốc tế, tăng cường NCKH, nâng cao chất lượng đội ngũ GV trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu; nhằm phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên”.

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Khoa TC-NH & QTKD là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng có uy tín về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, QTKD, quản trị du lịch và khách sạn, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á, đảm bảo cho SV khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu”.

Mục tiêu: “Xây dựng Khoa trở thành một đơn vị có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và tư vấn khoa học TC-NH và QTKD ở Bình Định, khu vực miền Trung và cả nước; xây dựng đội ngũ GV và quản lý có chuyên môn cao, có năng lực NCKH; các CTĐT bắt kịp trình độ GDDH trong khu vực và tiếp cận xu thế phát triển GDDH tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao và thích ứng hội nhập toàn cầu”.

- Về mục tiêu cụ thể:

+ Không ngừng nâng cao CLĐT, đảm bảo cho SV được học tập kiến thức chuyên môn hiện đại; được rèn luyện kỹ năng và trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;

+ Phát triển quy mô đào tạo một cách hợp lý, đặc biệt hình thành và tăng dần quy mô và CLĐT Thạc sĩ. Tích cực áp dụng các công cụ dạy học hiện đại trong quá trình dạy và học;

+ Thực hiện triệt để phương pháp giảng dạy tích cực với phương châm “Dạy cách học, phát huy tính chủ động của SV”. Từng bước hiện đại hóa CTĐT;

+ Đẩy mạnh NCKH, gắn kết NCKH với đào tạo và phục vụ xã hội. Tăng cường nguồn thu từ các hoạt động khoa học, sản xuất và dịch vụ;

+ Tăng cường hợp tác quốc tế để hỗ trợ hoạt động đào tạo, chuyển giao khoa học - công nghệ, khai thác tối đa các lợi ích từ hợp tác quốc tế để phục vụ xã hội;

+ Xây dựng đội ngũ GV, cán bộ quản lý đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và làm việc tiên tiến.

d. Về quy mô và ngành nghề đào tạo

Khoa hiện đảm nhận đào tạo 5 ngành đại học: Cử nhân TC-NH, Cử nhân QTKD, Cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch và lữ hành, Cử nhân QTKS và Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Về đào tạo sau đại học, Khoa đang đào tạo 01 ngành Thạc sĩ QTKD.

Hơn 20 năm kể từ ngày thành lập, Khoa TC-NH & QTKD đã góp phần đào tạo hơn 2.500 cử nhân TC-NH, 3.500 cử nhân QTKD, 85 cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, 180 cử nhân QTKS và 146 ThS QTKD. Hiện tại, Khoa TC-NH có hơn 3.000 SV hệ chính quy, 117 học viên cao học. Hầu hết SV, học viên tốt nghiệp từ Khoa đều đáp ứng tốt yêu cầu công việc và đòi hỏi của xã hội. Nhiều cựu SV, học viên giữ trọng trách với tư cách là nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nhân thành đạt và có uy tín.

e. Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Về NCKH, chỉ tính trong 05 năm trở lại đây, Khoa TC-NH & QTKD đã có 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp tỉnh, 23 đề tài cấp trường đã nghiệm thu và đang được triển khai; đã công bố 81 bài báo trên tạp chí và hội thảo quốc tế, 78 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học và kỹ thuật hội thảo trong nước; có 7 giáo trình và sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy đại học được xuất bản ở các nhà xuất bản có uy tín.

Hoạt động NCKH của SV cũng ngày càng được chú trọng và phát triển. Với sự hướng dẫn của các GV giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao, phong trào SV NCKH của Khoa ngày càng đi vào chiều sâu, tăng về số lượng và chất lượng. Nhiều SV Khoa TC-NH & QTKD đã tham gia NCKH và đạt giải cao ở các cuộc thi SV NCKH cấp quốc gia được tổ chức hằng năm như giải cấp Bộ do Bộ GD&ĐT tổ chức và Giải thưởng Eureka.

Về hợp tác quốc tế, hiện Khoa đang mở rộng liên kết đào tạo trình độ đại học và NCKH với Đại học Prince of Songkla, Thái Lan và Đại học Birmingham, Vương Quốc Anh.

Với những đóng góp to lớn đó, tập thể và một số cá nhân trong Khoa TC-NH &

QTKD đã được vinh dự nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Trong thời gian tới, Khoa TC-NH & QTKD tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ GV, nâng cao chất lượng dạy học, NCKH của GV, SV và học viên; xây dựng, cập nhật CTĐT ở các bậc học phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng nhu cầu của xã hội; phát huy hơn nữa NCKH, đặc biệt các đề tài hướng đến ứng dụng phục vụ đời sống và chuyên giao công nghệ.

f. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Năm 2021, CTĐT ngành Tài TC-NH là một trong chín CTĐT được kiểm định chất lượng và đã được cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học kèm theo Quyết định số 128/QĐ-CEA.UD ngày 24/4/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng.

CTĐT cử nhân QTKS là một trong năm CTĐT bậc đại học mà Khoa TC-NH & QTKD đang đào tạo hiện nay được xây dựng trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN. Các mục tiêu và CDR của chương trình được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Khoa và của Trường ĐHQN và được phổ biến đến GV và SV, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước nói chung, của GD&ĐT nói riêng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao CLĐT nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội, việc thẩm định, đánh giá CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Vì thế, Khoa TC-NH & QTKD Trường ĐHQN tự nguyện đăng ký tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QTKS theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT. Trường ĐHQN coi đây một cơ hội tốt để kiểm định, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT đại học ngành QTKS để từ đó xác định những việc cần làm, nhằm đảm bảo, duy trì và nâng cao chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực và quốc tế.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT là một trong những yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo đại học, vì vậy Khoa đã chú trọng xây dựng CTĐT ngành QTKS theo đúng quy định của Trường và của Bộ GD&ĐT. Chương trình QTKS được xây dựng lần đầu vào năm 2018 sau đó ngày càng được hoàn thiện qua các lần điều chỉnh ở năm 2020 và 2022. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, của Khoa và mục tiêu GDĐH. CDR của CTĐT ngành QTKS được xác định rõ ràng, bao quát được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt mà SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CTĐT của ngành QTKS được định kỳ rà soát điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng và phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKS được xác định rõ ràng bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT được mô tả trong các văn bản như: CTĐT, CTDH và bản mô tả CTĐT của ngành QTKS **[H1.01.01.01]**, **[H1.01.01.02]**, **[H1.01.01.03]**. Mục tiêu chung của CTĐT là: “Phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có kiến thức chung về kinh tế - xã hội, có kiến thức rộng và chuyên sâu về QTKS, có kỹ năng thực hành các nghiệp vụ ngành QTKS và những kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp, có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân. Đồng thời những cử nhân QTKS có thái độ tốt về nghề nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”. Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành QTKS là sau khi SV hoàn thành CTĐT sẽ đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà SV phải đạt được theo CTĐT đại học, đáp ứng yêu cầu về mục tiêu chung của chương trình của ngành QTKS và Luật GDĐH **[H1.01.01.04]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKS phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của

Trường ĐHQN nói chung và của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng. Lãnh đạo Khoa đã và luôn có ý thức xây dựng mục tiêu của chương trình theo sứ mạng, tầm nhìn của tổ chức, điều này được minh chứng khi Trường chưa công bố sứ mạng, tầm nhìn thì Khoa đã xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi riêng cho Khoa để có căn cứ xây dựng chương trình, phát triển nguồn nhân lực và làm căn cứ cho tất cả các hoạt động đào tạo và hỗ trợ khác của Khoa. Đến tháng 2 năm 2017, khi Trường ĐHQN công bố sứ mạng và tầm nhìn của Trường thì Khoa TC-NH & QTKD đã tiến hành xây dựng lại sứ mạng và tầm nhìn cho phù hợp với sứ mạng tầm nhìn chung của tổ chức **[H1.01.01.05]**. Từ đó, mục tiêu của CTĐT được thay đổi sau mỗi lần điều chỉnh chương trình nhằm thích nghi với tình hình thực tế, thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Trường và mục tiêu của GDDH **[H1.01.01.01]**, **[H1.01.01.04]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKS phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH và được lấy ý kiến của các bên liên quan **[H1.01.01.06]**. Mục tiêu của CTĐT được thể hiện chi tiết qua CDR, khung chương trình các học phần và sự đóng góp của các học phần vào việc thực hiện các mục tiêu cụ thể của CTĐT. Trong đó, CDR của CTĐT nhấn mạnh yêu cầu cần đạt được các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm của SV sau khi tốt nghiệp; nhấn mạnh đào tạo SV về kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; thể hiện qua tính linh hoạt của CTĐT gồm: các học phần bổ trợ, nhiều học phần tự chọn, nhiều học phần thực hành, thực tế và nội dung vận dụng trong từng học phần **[H1.01.01.01]**, **[H1.01.01.07]**. Điều này rất phù hợp với quy định trong điều 5 về mục tiêu GDDH của Luật GDDH **[H1.01.01.04]**. Vì vậy tỷ lệ SV ra trường có việc làm khá cao **[H1.01.01.08]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKS bao gồm: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT ngành QTKS được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN nói chung và của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT chưa được lấy ý kiến một cách bao quát và rộng rãi đối với các bên liên quan. Mục tiêu CTĐT được góp ý thông qua GV khi họp bộ môn, thông qua Hội đồng Khoa, trong đó có người đại diện đơn vị tuyển dụng, và lấy ý kiến của SV năm cuối, nhưng chưa lấy ý kiến của các đơn vị tuyển dụng ở các tỉnh lân cận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến rộng rãi hơn đối với các đơn vị tuyển dụng về mục tiêu của CTĐT.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và với mục tiêu GDĐH theo Luật giáo dục, phù hợp với yêu cầu mới của thị trường.	Khoa TC-NH & QTKD	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành QTKS được xác định rõ ràng, bao gồm các CĐR về: kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Khi xây dựng CTĐT, Khoa TC-NH & QTKD đã có ý thức xác định rõ CĐR nhằm thực hiện các mục tiêu của CTĐT đã đặt ra, thể hiện ở ma trận quan hệ giữa CĐR và mục tiêu của CTĐT. Đồng thời, ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được các CĐR [H1.01.01.01], [H1.01.01.07], [H1.01.02.01]. CĐR của CTĐT cũng được xây dựng dựa trên các hướng dẫn của

Trường ĐHQN về xây dựng CTĐT, các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT đặc biệt là văn bản: Quyết định 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam, trong đó quy định cụ thể khung trình độ về CDR mà người tốt nghiệp phải đạt được [**H1.01.02.02**].

CDR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung của cử nhân ngành QTKS và yêu cầu chuyên sâu của chuyên ngành mà SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể:

Thứ nhất, CDR về kiến thức chung: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; Kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và thực hiện hoạt động chuyên môn; Kiến thức hỗ trợ để có thể chuyển đổi công việc dễ dàng; Kiến thức về Giáo dục quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và tin học được xây dựng theo các quy định chung của Trường ĐHQN.

Thứ hai, CDR về kỹ năng chung bao gồm: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo và khởi nghiệp.

Thứ ba, Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm cao; có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Đồng thời, CDR đáp ứng được yêu cầu chuyên sâu của ngành và chuyên ngành, thể hiện qua các học phần chuyên ngành được xây dựng trong CTĐT ngành QTKS như: quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực, marketing trong du lịch và khách sạn...; các vấn đề về quản trị tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn như: quản trị kinh doanh lưu trú, quản trị lễ tân, quản trị buồng – bàn – bar, quản trị nhà hàng, quản trị bếp và ẩm thực, quản trị kinh doanh lễ hành, quản trị khu du lịch... Với nhiều học phần chuyên ngành vừa mang tính liên thông với ngành QTKD và vừa chuyên sâu giúp cho SV có nhiều lựa chọn vị trí việc làm hơn, tăng cơ hội nghề nghiệp và triển vọng việc làm theo nhu cầu của thị trường. Triển vọng vị trí việc làm được mô tả cụ thể trong CTĐT [**H1.01.01.01**].

CDR của CTĐT ngành QTKS được đo lường và đánh giá mức độ đáp ứng đối với mục tiêu của CTĐT thông qua ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT, ma trận quan hệ giữa các học phần với CDR theo ba mức: L (Low - thấp), M (Medium – trung bình), H (High – cao) [**H1.01.01.02**], [**H1.01.01.07**].

Lãnh đạo Trường rất chú trọng việc xây dựng CTĐT và CĐR của CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng nên đã tổ chức tập huấn cho các lãnh đạo Khoa, trưởng bộ môn với Chủ đề: “Xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR” [H1.01.02.03]. Bên cạnh đó, lãnh đạo Khoa cũng rất chú trọng công tác này nên đã tổ chức tập huấn cho GV trong Khoa nhằm xây dựng CĐR phù hợp với xu thế, đồng thời xây dựng CTĐT hướng đến CĐR [H1.01.02.04]. Đồng thời tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR và CTĐT qua các lần đổi mới CTĐT thông qua họp Hội đồng khoa và lấy ý kiến các bên liên quan (nhà tuyển dụng, nhà hoạch định chính sách, và SV năm cuối) [H1.01.02.05], [H1.01.02.06].

Năm 2019, Khoa đã phối hợp với Khoa Kinh tế và Kế Toán – Trường ĐHQN, Khoa Kinh tế và Quản lý – Trường Đại học Điện lực tổ chức hội thảo với chủ đề: “Đổi mới trong NCKH và đào tạo SV các ngành kinh tế”, trong đó có chuyên đề “Triển khai CTĐT đáp ứng kiểm định AUN-QA, chuẩn CDIO”, nhằm học hỏi và trao đổi kinh nghiệm trong quá trình xây dựng CTĐT và CĐR với các đơn vị đào tạo cùng lĩnh vực [H1.01.02.07]. Vì vậy, CĐR của CTĐT của ngành QTKS được xây dựng có cơ sở khoa học vững chắc.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành QTKS đã được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành QTKS được nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với SV tốt nghiệp và triển vọng việc làm của SV trong tương lai nhằm đáp ứng cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV ngành QTKS phải đạt được khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT ngành QTKS chưa được lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan, cụ thể là đối với các đơn vị tuyển dụng ở các tỉnh lân cận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến rộng rãi hơn đối với các đơn vị tuyển dụng về CĐR của CTĐT.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	

2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng CDR của CTĐT khoa học, chú trọng thay đổi CDR theo chuẩn AUN – QA.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Năm học 2024 - 2025	
---	--------------------------	--	--------------------------------------	------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT ngành QTKS phản ánh đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan thông qua khảo sát, lấy ý kiến của nhà tuyển dụng; GV trực tiếp giảng dạy ngành QTKS; và SV năm cuối của Khoa. [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Ngoài ra, Khoa TC-NH & QTKD cũng đã trao đổi kinh nghiệm với Khoa Kinh tế & Kế toán – Trường ĐHQN, Khoa Kinh tế và quản lý – Trường Đại học Điện lực thông qua hội thảo với chủ đề: “Đổi mới trong NCKH và đào tạo SV các ngành kinh tế”, trong đó chuyên đề “Triển khai CTĐT đáp ứng kiểm định AUN-QA, chuẩn CDIO”. [H1.01.02.07], [H1.01.03.04]. Kết quả thu thập từ các bên liên quan và các bài viết trong hội thảo cho biết: thị trường lao động cần những cử nhân tốt nghiệp ra trường phải có kiến thức chuyên ngành vững chắc, kiến thức bổ trợ liên ngành để có thể thích ứng với môi trường thay đổi nhanh chóng trong thời đại 4.0, đặc biệt khoa nên chú trọng đến đào tạo kỹ năng mềm và kiến thức tin học, ngoại ngữ. Từ đó, Khoa TC-NH & QTKD đã xây dựng và chỉnh sửa CDR phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn mới [H1.01.03.05].

CDR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh. Nhằm nâng cao và không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKS, từ năm 2018 đến nay, CDR của CTĐT đều được Khoa TC-NH & QTKD tiến hành rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện sau khi tiếp thu ý kiến của nhà tuyển dụng, các GV trực tiếp giảng dạy các học phần, và SV năm cuối [H1.01.03.02] [H1.01.03.06]. CTĐT ngành QTKS định kỳ 2 năm 1 lần được rà soát điều chỉnh theo quy định theo kế hoạch của Trường [H1.01.01.07], [H1.01.03.07], [H1.01.03.08]. Trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CDR của CTĐT, Khoa đều tham khảo CTĐT ngành QTKS của một số trường uy tín trong và ngoài nước [H1.01.03.05], [H1.01.03.09].

CDR của CTĐT ngành QTKS được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau. CDR sau khi được điều chỉnh, bổ sung, được Hội

đồng Khoa thông qua và được Nhà trường ban hành Quyết định công bố công khai [H1.01.02.02], [H1.01.03.10]. CDR của ngành QTKS còn được công bố rộng rãi thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, gặp mặt tân SV đầu khóa [H1.01.03.11], [H1.01.03.12], [H1.01.03.13].

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành QTKS phản ánh được yêu cầu đào tạo, có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng. CDR của CTĐT cũng được định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường và tham khảo CDR các CTĐT ngành QTKS của các trường uy tín trong và ngoài nước. CDR được công bố công khai dưới nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

CDR của CTĐT ngành QTKS đã công bố công khai nhưng một số bên liên quan chưa được tiếp cận đầy đủ như: nhà tuyển dụng, cựu sinh viên. Nguyên nhân là do CTĐT ngành QTKS mới được đào tạo từ năm 2018, nên đến năm 2022 thì mới chỉ có 1 khóa sinh viên tốt nghiệp ngành QTKS ra trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Công bố CDR của CTĐT ngành QTKS đến trực tiếp các nhà tuyển dụng, cựu SV qua các phiếu khảo sát định kỳ.	Khoa TC-NH & QTKD	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát ý kiến các bên liên quan về CDR trên hệ thống website, fanpage của Khoa một cách đều đặn và thường xuyên hơn; Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CDR định kỳ trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của	Khoa TC-NH & QTKD	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	

		Trường ĐHQN; Tăng cường công khai CDR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

CDR của CTĐT là một tiêu chí quan trọng giúp SV xác định mục tiêu học tập. Trong giai đoạn 2018 – 2023, CTĐT ngành QTKS ngày càng được hoàn thiện qua quá trình điều chỉnh ở các năm 2020 và 2022.

CDR của CTĐT ngành QTKS đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. CDR của CTĐT được phổ biến trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và các buổi gặp mặt tân SV, tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra và phù hợp với mục tiêu của GDĐH. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CDR, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD đã thực hiện nghiêm túc, đầu tư trí tuệ và tâm huyết của nhiều nhà khoa học. Bên cạnh đó Khoa TC-NH & QTKD còn tham khảo CDR của các trường có uy tín trong và ngoài nước, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của các bên liên quan về CDR khi cập nhật CTĐT chưa được đầy đủ. Việc này sẽ được khắc phục ở lần cập nhật chương trình tiếp theo.

Tiêu chuẩn 1 có 1 tiêu chí đạt mức 6/7 và 2 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Phát triển CTĐT là quá trình liên tục làm hoàn thiện CTĐT. Phát triển CTĐT đại học có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội. Quá trình đổi mới giáo dục – đào tạo đã và đang đặt ra những yêu cầu mới về CTĐT ở bậc đại học, trên cơ sở quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDĐH và quy trình xây dựng CTĐT đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ GD&ĐT. Ý thức được tầm quan trọng của việc cập nhật và phát triển CTĐT, Khoa

TC-NH & QTKD luôn chú trọng đổi mới, cập nhật và hoàn thiện CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2018, để giúp SV, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác có cơ hội tiếp cận, học tập và tìm hiểu về CTĐT ngành QTKS của Trường ĐHQN. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Hội đồng Khoa học Khoa TC-NH & QTKD đã thành lập ban soạn thảo CTĐT ngành QTKS [H2.02.01.01], từ đó xây dựng CTĐT, CDR ngành QTKS năm 2018 và công bố công khai đến các bên liên quan thông qua nhiều hình thức khác nhau [H1.01.01.06], [H1.01.02.02], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11], [H2.02.01.02].

CTĐT năm 2018 đã cung cấp đầy đủ các nội dung theo quy định: tên chương trình, văn bằng, loại hình ĐT, thời gian ĐT, số tín chỉ, mục tiêu và CDR CTĐT; cơ hội việc làm và học tập sau khi hoàn thành chương trình học, tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, danh sách các học phần, kế hoạch đào tạo; mô tả các học phần; ĐCCTHP [H1.01.01.01], [H1.01.01.07].

Theo kế hoạch rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT đại học theo định kỳ hai năm một lần [H1.01.03.07], Khoa TC-NH & QTKD tiến hành khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng, SV năm ba về CDR và CTĐT [H1.01.02.06], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của SV, nhà tuyển dụng, GV giảng dạy [H2.02.01.03], Bộ môn DL&KS tiến hành đề xuất, chỉnh sửa CTĐT ngành QTKS, và được Hội đồng Khoa TC-NH & QTKD, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHQN phê duyệt [H1.01.02.05], [H1.01.03.08].

Nội dung chương trình QTKS năm 2020 đã được bổ sung thêm 2 nội dung đó là: i) CTDH ngành QTKS; ii) bản mô tả CTĐT ngành QTKS [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. CTĐT ngành QTKS năm 2020 được điều chỉnh, bổ sung như: mục tiêu đào tạo bổ sung đầy đủ hơn, mã hóa được các mục tiêu CTĐT, CDR của CTĐT, thay đổi tên một số học phần, thay đổi số tín chỉ một số học phần, thêm vào một số học phần [H1.01.01.01], [H1.01.03.05].

Năm 2022, CTĐT ngành QTKS được tiến hành cập nhật, rà soát điều chỉnh và bổ sung một phần theo kế hoạch của Trường và đưa ra CTĐT mới năm 2022 nhằm có

sự liên thông và thống nhất các học phần chung giữa các khoa trong toàn trường **[H1.01.01.01], [H1.01.02.05], [H1.01.03.08], [H2.02.01.03]**.

Khoa TC-NH & QTKD đã thiết kế bản mô tả CTĐT với đầy đủ các nội dung, bao gồm: tên cơ sở giáo dục, tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu, CDR của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, cấu trúc CTDH, ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt CDR của CTĐT, ĐCCTHP, thời điểm thiết kế và điều chỉnh bản mô tả CTĐT, sơ đồ chương trình giảng dạy, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT PLOs, mô tả tóm tắt các học phần **[H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]**.

CTĐT ngành QTKS 2022 đã bổ sung nhiều môn học mới gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế thế giới trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, phù hợp với xu thế hội nhập và toàn cầu hóa. Nhìn chung, bản mô tả CTĐT ngành QTKS bao gồm đầy đủ các nội dung sau:

- Tên cơ sở đào tạo
- Trình độ đào tạo, ngành đào tạo, mã ngành đào tạo
- Loại hình và hình thức đào tạo
- Mục tiêu đào tạo, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể
- Vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường
- CDR gồm các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp)
- Nhiệm vụ mà SV đạt được khi hoàn thành CTĐT
- Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa
- Đối tượng tuyển sinh
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
- Cách thức đánh giá, thang điểm
- Nội dung chương trình
- Cấu trúc khóa học
- Ma trận quan hệ giữa các học phần và CDR
- Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần
- Đội ngũ GV thực hiện chương trình
- CSVC phục vụ học tập
- Hướng dẫn thực hiện chương trình.

Việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý đảm bảo số tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương, tăng cường số tín chỉ cho các học phần khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực. Một số học phần tự chọn được thay bằng học phần mới theo xu hướng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong điều kiện hội nhập.

Bản mô tả CTĐT ngành QTKS giúp SV có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT; từ đó SV có thể lựa chọn phương thức và các học phần tương ứng phù hợp với công việc của mình sau khi tốt nghiệp. Các thông tin về CĐR, CTĐT, ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR, ĐCCTHP được công bố công khai trong vở học, tờ rơi tuyển sinh và trên các trang thông tin điện tử của Khoa và Trường [H1.01.01.07], [H1.01.03.10], [H2.02.01.04].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT năm 2022 đã cập nhật và bổ sung đầy đủ các nội dung như: tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); ĐCCTHP; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT...

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan như tăng thời lượng thực hành, bổ sung các học phần mới có tính hiện đại và phù hợp với thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT ngành QTKS chưa khảo sát các nhà tuyển dụng bên ngoài tỉnh Bình Định. Việc đối sánh và cập nhật CTĐT với các trường hàng đầu ở nước ngoài còn tương đối ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành mở rộng khảo sát đối với các nhà tuyển dụng bên ngoài tỉnh Bình Định. Tăng cường cập nhật và đối sánh CTĐT với nhiều trường hàng đầu ở nước ngoài.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Năm học 2024 - 2025	

2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện các nội dung và thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành QTKS theo quy định.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục điều chỉnh, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan, bổ sung các học phần mới có tính hiện đại và phù hợp với thị trường lao động.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Bản mô tả CTĐT năm 2022 đã cập nhật và bổ sung đầy đủ các nội dung như: tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR); ĐCCTHP; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT...

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan như tăng thời lượng thực hành, bổ sung các học phần mới có tính hiện đại và phù hợp với thực tiễn.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các ĐCCTHP trong CTĐT ngành QTKS có đầy đủ các thông tin, bao gồm: thông tin chung về học phần (tên học phần tiếng Việt và tiếng Anh), mã học phần, loại học phần (bắt buộc/tự chọn), các học phần học trước, số tín chỉ và phân bổ số tín chỉ đối với các hoạt động (nghe giảng lý thuyết, làm bài tập trên lớp, thảo luận, thực hành, thực tập, hoạt động theo nhóm, tự học), khoa/bộ môn phụ trách học phần, mô tả học phần, mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm), CDR, tài liệu phục vụ môn học (tài liệu chính, tài liệu tham khảo và các loại học liệu khác), phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết (buổi học, nội dung và CDR học phần), đánh giá (hình thức, tiêu chí, thời điểm CDR của học phần và trọng số), thông tin về GV (họ và tên, chức danh, học hàm, học vị, email, điện thoại liên hệ), các quy định chung (cam kết của GV, yêu cầu đối với SV,

quy định về tham dự lớp học, quy định về hành vi trong lớp học, quy định về học vụ, và các quy định khác). ĐCCTHP cung cấp đầy đủ thông tin, thể hiện được sự tương quan giữa ba yếu tố chính: nội dung chi tiết học phần nhằm đạt CĐR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để đạt được các CĐR và phương thức đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy [H1.01.01.01], [H1.01.01.07].

Quá trình xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật đề cương các môn học của Khoa TC-NH & QTKD luôn bám sát kế hoạch của Nhà trường [H1.01.03.07], [H1.01.03.08]. Kết quả ĐCCTHP đã được cập nhật, điều chỉnh bổ sung một số học phần vào các năm 2020 và năm 2022 [H1.01.01.07].

Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng (mã học phần) do Nhà trường quy định, gồm có 7 chữ số trong đó thể hiện khoa quản lý học phần, ngành đào tạo và số thứ tự. Đề cương chi tiết các môn học ngành QTKS được mô tả chi tiết trong CTĐT hiện hành. GV viết đề cương môn học theo mẫu mới theo phương pháp tiếp cận CDIO được tập huấn và tham gia hội thảo nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu và CĐR đã đặt ra [H1.01.03.01], [H1.01.03.04].

2. Điểm mạnh

100% ĐCCTHP của ngành QTKS cung cấp đầy đủ các thông tin về: tên đơn vị/tên GV đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của học phần, ma trận liên kết nội dung, chương mục với CĐR; các yêu cầu của học phần; cấu trúc học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo...

100% ĐCCTHP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Một số ĐCCTHP có các tài liệu tham khảo khó tiếp cận. Việc bổ sung, điều chỉnh và cập nhật ĐCCTHP ngành QTKS còn hạn chế về khảo sát các đơn vị sử dụng lao động ngoài tỉnh Bình Định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	Rà soát, điều chỉnh các tài liệu tham khảo để tiếp cận hơn. Bổ	Khoa TC-NH & QTKD,	Năm học 2024 - 2025	

	tại	sung việc khảo sát về ĐCCTHP ngành QTKS với các đơn vị sử dụng lao động ở ngoài tỉnh Bình Định.	Trường ĐHQN		
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện các nội dung và thông tin liên quan đến ĐCCTHP.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
	Phát huy điểm mạnh 2	Thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật ĐCCTHP theo quy định; bám sát kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật ĐCCTHP của Nhà trường.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành QTKS và ĐCCTHP sau khi được phê duyệt đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. *Thứ nhất*, trên các tài liệu được in ấn chính thức của Khoa: Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP sau khi được phê duyệt chính thức và lưu trữ công khai tại Văn phòng khoa [H1.01.01.03], [H1.01.01.07]; trong Sổ tay năm học được phát cho SV năm nhất của Khoa khi làm thủ tục nhập học [H1.01.03.11]; trong Cẩm nang tuyển sinh gửi đến học sinh các trường THPT tại các buổi tư vấn tuyển sinh [H2.02.03.01]. *Thứ hai*, trên trang thông tin điện tử của Khoa: đã cập nhật nội dung CTĐT tại địa chỉ <http://fbm.edu.vn> (từ năm 2010-2020); sau này đổi thành địa chỉ <http://fbm.qnu.edu.vn> (từ năm 2020 trở đi) [H2.02.03.02]. *Thứ ba*, thường xuyên trao đổi trực tiếp với SV thông qua việc GV phụ trách từng học phần giới thiệu CTĐT trong quá trình giảng dạy; thông qua CVHT trong các buổi sinh hoạt lớp, trong các chương trình gặp mặt tân SV, tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa...

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai theo nhiều hình thức khác nhau và có thể dễ dàng tiếp cận sẽ tạo thuận lợi cho các cá nhân có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá chất lượng chương trình. Do vậy cả học sinh và SV có thể lựa chọn chuyên ngành phù hợp và định hướng được quá trình học tập; đơn vị sử dụng lao động có thể góp ý xây dựng chương trình phù hợp với thực tế; Khoa có thêm nhiều thông tin để rà soát, sửa đổi chương trình cho hợp lý. Ngoài ra, đây còn là nguồn thông tin giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên bên ngoài hiểu mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. 100% ĐCCTHP trong CTĐT ngành QTKS được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT chưa có bản tiếng Anh nên khó tiếp cận đối với các nhà sử dụng lao động là người nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng website của Trường và Khoa sang phiên bản tiếng Anh. Đưa các ĐCCTHP, bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh lên các website của Trường và Khoa.	Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Khai thác thêm các phương tiện công bố công khai khác như fanpage của Khoa cho phù hợp với nhu cầu tra cứu của các bên liên quan.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2024 - 2025	

3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để các bên liên quan có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2024 - 2025	
---	----------------------	--	--------------------------------	----------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Việc xây dựng CTĐT được thực hiện theo quy trình và biểu mẫu rõ ràng. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành QTKS được thể hiện đầy đủ và tường minh; Bản mô tả CTĐT ngành QTKS luôn cập nhật những vấn đề theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới của các đơn vị đào tạo trong nước phù hợp nhu cầu của thị trường lao động về lĩnh vực kinh doanh dịch vụ nhà hàng và ăn uống.

Các ĐCCTHP của ngành QTKS thể hiện đầy đủ các thông tin, thể hiện rõ các mức độ giảng dạy tương ứng với các trình độ năng lực mà SV cần đạt được sau khi học xong học phần; Tất cả các ĐCCTHP được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hai năm/lần. Đặc biệt, các CDR của học phần được rà soát lại để có thể lượng hóa chính xác mức độ đáp ứng CDR của CTĐT, đồng thời phương pháp dạy và học được chi tiết hóa theo CDR.

Bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP ngành QTKS được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau (công bố công khai trên website, cảm nang tuyển sinh, trong buổi gặp mặt SV đầu khoá học, sinh hoạt với CVHT...), tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

Việc công bố công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP trên các kênh truyền thông giúp các cá nhân và tổ chức có nhu cầu dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, việc công bố công khai các văn bản này chưa được thực hiện đầy đủ về nội dung trên quy mô rộng rãi. Bên cạnh đó, nguồn tài liệu tham khảo còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc cập nhật và đổi mới CTĐT. Đồng thời, trong quá trình đánh giá, điều chỉnh CTĐT, việc khảo sát ý kiến của các cá nhân và tổ chức quốc tế còn tương đối ít.

Tiêu chuẩn 2 có 1 tiêu chí đạt mức 6/7 và 2 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH là một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của một ngành đào tạo. CTDH ngành QTKS được xây dựng dựa trên các quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. CTDH được thiết kế có hệ thống dựa trên CĐR về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực NCKH của GV và SV. Do vậy, mỗi học phần trong CTDH đều có CĐR rõ ràng đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT. CTDH ngành QTKS có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. CTDH đã được triển khai đánh giá, thực hiện cải tiến, định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV, SV và nhà tuyển dụng lao động.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành QTKS được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của các học phần cũng như CĐR của CTĐT, được thiết kế thành bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần. CTDH chú trọng đến sự cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm kiến thức khối ngành và cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp) để đạt mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT [H1.01.01.02], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07].

Trong CTDH, mỗi học phần được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, điều này được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR trong CTDH [H1.01.01.02]. CTDH ngành QTKS năm 2022 được thiết kế với tổng cộng 135 tín chỉ (chưa kể các môn điều kiện GDTC, GD QP-AN). Chương trình được thiết kế với khối kiến thức giáo dục đại cương 24 tín chỉ, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 111 tín chỉ (trong đó Kiến thức khối ngành và cơ sở ngành 23 tín chỉ; Kiến thức ngành, chuyên ngành 51 tín chỉ; Kiến thức bổ trợ 31 tín chỉ; Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 6 tín chỉ). Khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành QTKS cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn, cung cấp các kiến thức về quản trị nhà hàng, quản trị khách sạn, tăng cường tiếng Anh chuyên

ngành trong lĩnh vực nhà hàng khách sạn và đặc biệt là tăng cường các hoạt động thực hành, thực tập thực tế về nghiệp vụ trong nhà hàng, khách sạn. CTDH từ năm 2018, năm 2020 đến năm 2022 đã ngày càng gia tăng khối lượng kiến thức, các kỹ năng mềm và nghiệp vụ thực tế trong khách sạn cho SV, giúp SV trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho công việc trong tương lai [H1.01.01.01], [H1.01.01.07].

CTDH ngành QTKS thể hiện mục tiêu của CTĐT trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Các học phần được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau, gắn quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết đối với ngành QTKS [H1.01.01.02]. Trong ĐCCTHP có CDR của mỗi học phần, mô tả kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm [H1.01.01.07]. Với kết cấu như trên, nội dung CTDH đảm bảo trang bị cho SV về kiến thức chuyên môn, các kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết trong quá trình học tập, mức tự chủ và tinh thần trách nhiệm đối với việc học tập và nghề nghiệp theo yêu cầu của CDR.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV phù hợp trong tất cả các học phần của CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR. Tất cả các học phần trong CTĐT được dạy theo phương pháp dạy học tích cực, đa dạng, chú trọng tính thực tế theo yêu cầu của ngành học. Đồng thời, lồng ghép các nghiệp vụ, kỹ năng mềm, vừa phối hợp tinh thần hợp tác thông qua hoạt động nhóm, vừa phát huy tính độc lập, tư duy hiệu quả của từng cá nhân. Trong quá trình đó, GV luôn chú trọng lấy SV làm trung tâm, rèn luyện phương pháp tự học, phối hợp giữa học tập cá nhân với học tập nhóm; GV chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn, tổ chức hoạt động. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được khoa TC-NH & QTKD chú trọng, đánh giá bằng nhiều phương pháp để đạt được CDR, thể hiện ở ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR [H1.01.01.02]. Các phương pháp đánh giá vẫn xoay quanh ba nội dung chính là: Chuyên cần, Kiểm tra giữa kỳ và Thi cuối kỳ nhưng đã có sự điều chỉnh về tỷ lệ điểm: tăng tỷ lệ của điểm quá trình (gồm Chuyên cần và Kiểm tra giữa kỳ) từ trọng số 30% tổng số điểm (trong CTDH năm 2018) lên tối đa 50% điểm [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

CTDH và từng học phần trong CTDH được thiết kế có tính khoa học, hợp lý

dựa trên CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV trong các học phần hoàn toàn phù hợp và góp phần đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần vẫn chưa thể cập nhật kịp thời phương pháp giảng dạy mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật kịp thời phương pháp giảng dạy mới của tất cả các học phần trong CTDH.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Luôn đảm bảo tính khoa học, hợp lý của CTDH và từng học phần trong CTDH dựa trên CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Đảm bảo tính phù hợp của tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV trong các học phần, góp phần đạt được CDR.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành QTKS của Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN thể hiện rõ ràng sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Mỗi học phần đều đóng vai trò nhất định trong khối kiến thức toàn khóa và thể hiện rõ mục tiêu hướng đến là đào tạo SV có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu ngành QTKS để phát triển kiến thức mới và có khả năng học tập suốt đời; có kỹ năng mềm, nghiệp vụ cần thiết cho các hoạt động nghề nghiệp. Đồng thời, những cử nhân QTKS phải có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và ý thức bảo vệ môi trường; có ý thức phục vụ nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. ĐCCTHP của các học phần đều xác định được mục tiêu và CĐR rõ ràng. Đồng thời, CĐR của mỗi học phần cũng thể hiện sự gắn kết chặt chẽ với CĐR của CTĐT thông qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT [**H1.01.01.01**], [**H1.01.01.06**].

Nội dung các học phần trong CTDH đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Các học phần được dạy và học theo phương pháp dạy học tích cực, phát triển năng lực toàn diện cho SV. Mỗi học phần đều có phương pháp đánh giá SV thông qua điểm chuyên cần, các bài kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần tương ứng với các trọng số đóng góp của chuyên cần, giữa kỳ, thi kết thúc học phần lần lượt là: 10%, 20% và 70%; 10%, 30% và 60%; hay 10%, 40% và 50%, nhằm đảm bảo tính linh hoạt và đặc thù của từng học phần, phát huy tính tự học, tích cực của SV [**H1.01.01.07**]. Kết quả đánh giá được công bố thông qua tài khoản cá nhân của từng SV do Phòng ĐTDH, Trường ĐHQN cấp và quản lý [**H3.03.02.01**].

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Khoa TC-NH & QTKD đã định kỳ triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT Cử nhân ngành QTKS theo kế hoạch rà soát, đánh giá, sửa đổi, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT đại học của Trường ĐHQN [**H1.01.03.07**], [**H1.01.03.09**]. Việc

điều chỉnh nội dung các học phần trong CTDH ngành QTKS được thực hiện dựa trên kết quả về điều tra, khảo sát ý kiến SV năm cuối và nhà tuyển dụng để tăng cường sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR [H1.01.03.06], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

2. Điểm mạnh

100% các học phần trong CTDH được xây dựng khoa học, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện rõ việc đạt được CĐR và thường xuyên được cập nhật dựa vào ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Khi xây dựng và đổi mới nội dung các học phần trong CTDH vẫn chưa thực hiện khảo sát, lấy ý kiến từ các đơn vị tuyển dụng lao động bên ngoài tỉnh Bình Định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động bên ngoài tỉnh Bình Định về nội dung của các học phần trong CTDH.	Khoa TC-NH & QTKD	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Đảm bảo 100% học phần trong CTDH được xây dựng khoa học, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.	Khoa TC-NH & QTKD	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	

3	Phát huy điểm mạnh 2	Đảm bảo 100% học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR.	Khoa TC-NH & QTKD	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục tiến hành cập nhật và điều chỉnh nội dung của các học phần dựa trên ý kiến của các bên liên quan nhằm làm rõ ràng hơn đóng góp của các học phần trong việc đạt được CDR.	Khoa TC-NH & QTKD	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Các học phần trong CTDH được thiết kế hợp lý từ học phần học trước, thời lượng cho mỗi học phần, học kỳ thực hiện cho đến các nội dung cụ thể thực hiện theo buổi học cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá SV. Bên cạnh đó, nội dung kiến thức các học phần được truyền đạt đến SV theo phương pháp dạy học tích cực. Các học phần bổ trợ, thực tập tổng hợp được thiết kế song hành với các học phần lý thuyết tạo điều kiện thuận lợi cho SV tích lũy đầy đủ các năng lực tổng hợp, phân tích, đánh giá về kiến thức chuyên ngành, thành thạo về kỹ năng thực hành và vận dụng tốt kiến thức chuyên ngành vào thực tế hoạt động liên quan đến lĩnh vực QTKS tại các đơn vị, tổ chức tuyển dụng lao động **[H1.01.01.07]**. Các học phần trong CTDH bao gồm các học phần lý thuyết, các học phần thực tập và các học phần nghiệp vụ được bố trí hợp

lý. Ví dụ, học phần Thực tập tổng hợp được bố trí trong kỳ 6 cùng với các học phần lý thuyết thuộc kiến thức chuyên ngành, từ đó giúp SV nắm vững kiến thức ngành để vận dụng tìm hiểu hoạt động thực tế tại các đơn vị. Đối với các học phần thực tập tổng hợp, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, SV được học tập thực tế tại các đơn vị kinh doanh khách sạn, khu du lịch từ 3 sao trở lên **[H3.03.03.01]**. Thêm vào đó, các học phần nghiệp vụ cũng được thực hiện tại lớp học, trung tâm thực hành ở Trường và vận dụng vào quá trình thực tập tại đơn vị.

Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, thiết kế có hệ thống, khối lượng kiến thức toàn khóa là 135 tín chỉ (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Nội dung CTDH được sắp xếp logic, liền mạch giữa khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm kiến thức khối ngành và cơ sở ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế khóa luận) **[H1.01.01.01]**, **[H1.01.01.07]**, **[H2.02.01.04]**, **[H3.03.03.02]**. Khối kiến thức toàn khóa trong CTDH ngành QTKS thể hiện rõ cấu trúc, trình tự logic từ năm thứ nhất đến năm thứ tư theo phương châm: Các học phần về khối kiến thức giáo dục đại cương trang bị đầy đủ và toàn diện cho SV có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, tuân thủ pháp luật, đồng thời cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; Các học phần kiến thức khối ngành và cơ sở ngành là nền tảng cho các học phần thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành **[H3.03.03.03]**.

CTDH ngành QTKS có nội dung cập nhật được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần nhằm điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của môi trường và theo yêu cầu của thực tiễn **[H1.01.01.06]**, **[H3.03.03.03]**. CTDH năm 2018 chú ý đến góp ý của nhà tuyển dụng, đặc biệt là bổ sung các học phần về kỹ năng mềm và nghiệp vụ mà SV còn yếu; bổ sung các học phần hiện đại theo các chương trình ngoài nước; tăng thời gian thảo luận, thực hành trong từng học phần **[H1.01.03.01]**, **[H1.01.03.05]**. CTDH năm 2020 được xây dựng lại theo hướng đáp ứng kiểm định AUN-QA, CDIO. Theo đó, CTDH ngành QTKS năm 2020 có kết cấu chặt chẽ với các học phần được xây dựng theo CDR gồm 4 cấp độ và với mức độ đóng góp rõ ràng của các học phần (được đo theo thang đo trình độ năng lực 6 bậc của Bloom). CTDH năm 2022, được tiếp tục hoàn thiện theo kế hoạch của Trường nhằm

thống nhất các môn chung và có tính liên thông với các ngành khác trong toàn trường, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV có thể học song bằng [H1.01.01.02].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

100% học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn của ngành.

CTDH được định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật hai năm một lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh với CTDH tiên tiến của các cơ sở giáo dục quốc tế chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đối sánh các CTDH tiên tiến của các cơ sở giáo dục quốc tế.	Khoa TC-NH & QTKD	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Luôn đảm bảo cấu trúc của các học phần trong CTDH có sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	
3	Phát huy điểm	Luôn đảm bảo các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý,	Khoa TC-NH & QTKD,	Hai năm một lần khi	

	manh 2	theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn của ngành.	Trường ĐHQN	tiến hành cập nhật CTĐT	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật CTDH hai năm một lần trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hai năm một lần khi tiến hành cập nhật CTĐT	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành QTKS được thiết kế dựa trên CĐR, có cấu trúc theo hệ thống logic từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hẹp. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và có sự tích hợp giữa kiến thức lý thuyết với thực tập, thực tế. Các học phần thường xuyên được cập nhật, bổ sung nhằm đạt được kết quả theo CĐR. Các học phần trong CTDH đều đóng góp vào việc đạt được CĐR. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng mềm. Nội dung chi tiết của mỗi học phần đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện tiên quyết và mục tiêu cần đạt được theo CĐR rõ ràng. ĐCCT các học phần thể hiện rõ phương pháp, hình thức dạy học theo hướng tích cực và việc kiểm tra / đánh giá SV đảm bảo tính khách quan, chính xác. Tuy nhiên, thời lượng dành cho các học phần thực hành, thực tập và thực tế chuyên môn so với các học phần lý thuyết chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 3 có 1 tiêu chí đạt mức 6/7 và 2 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học có vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định đến CLĐT. Trên cơ sở nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của phương pháp

dạy và học trong công tác cải tiến CLĐT, đồng thời dựa trên triết lý, mục tiêu giáo dục chung của Nhà trường, Khoa TC-NH & QTKD đã xác định mục tiêu đào tạo của ngành QTKS. Từ mục tiêu này, Khoa đã xây dựng CTĐT ngành QTKS trình độ đại học tiên tiến và hiện đại, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng, phù hợp và phổ biến rộng rãi đến GV, SV trong Khoa giúp cho SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR của chương trình. Ngoài ra, Khoa luôn chú trọng tổ chức các chương trình, hoạt động hỗ trợ thích hợp nhằm hướng dẫn, hỗ trợ SV hình thành ý thức học tập chủ động, tích cực cũng như năng lực tự học, tự nghiên cứu để góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành văn bản công bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trong Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN [H1.01.01.05]. Hơn nữa, triết lý giáo dục của Trường cũng đã được công bố rõ ràng trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN với nội dung “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*” [H4.04.01.01]. Trong đó, nội dung “*Toàn diện*” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo các thế hệ SV phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho SV nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội. Nội dung “*Khai phóng*” được xác định theo nghĩa hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi SV; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp SV phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. Nội dung “*Thực nghiệp*” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị cho SV những kiến thức, kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp. Triết lý giáo dục đã được phổ biến rộng rãi đến toàn thể viên chức, GV, người lao động, SV, học viên trong toàn Trường và các bên liên quan thông qua việc đăng tải công khai trên website của Trường, bảng tin điện tử

trước tòa nhà 15 tầng và các lối vào giảng đường nhà A7 cũng như website của Khoa giúp viên chức, GV, SV dễ dàng tiếp cận **[H4.04.01.02]**.

Trên cơ sở triết lý giáo dục chung của Trường, Khoa đã tiến hành xác định mục tiêu đào tạo và CDR ngành QTKS của Khoa hướng đến việc đào tạo những cử nhân ngành QTKS có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác về khách sạn, quản lý các bộ phận, các khâu trong khách sạn và các tổ chức khác một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và được công nhận bởi các tổ chức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp kinh doanh, làm việc nhóm nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh và khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời **[H1.01.01.01]**. Về mặt kiến thức, chương trình nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội cũng như những kiến thức chuyên sâu về QTKS làm nền tảng giúp SV hiểu rõ và giải thích được bản chất các nghiệp vụ khách sạn phát sinh trong thực tiễn và có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn. Về kỹ năng, chương trình trang bị cho SV kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp kinh doanh, năng lực thực hành nghề nghiệp, phân tích, lập kế hoạch, tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực khách sạn. Đồng thời, CTĐT còn hướng đến mục tiêu đào tạo SV có đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế. Các mục tiêu, CDR này đã được thể hiện trong bản mô tả CTĐT **[H1.01.01.03]**.

Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của Trường, mục tiêu đào tạo và CDR về các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV được phổ biến rộng rãi đến SV, GV, nhà tuyển dụng... thông qua nhiều kênh khác nhau. Vào buổi đón tiếp học viên đầu mỗi khóa học, Nhà trường và Khoa tổ chức phổ biến các nội dung này đến SV nhằm giúp cho SV hiểu rõ và thực hiện **[H1.01.03.12]**.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã được phổ biến nhưng một số GV, SV chưa hiểu rõ về triết lý giáo dục của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tăng cường các cách thức phổ biến triết lý giáo dục đến toàn thể cán bộ, GV, SV.	Trường ĐHQN	Bắt đầu từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật thông tin trên website của Trường để GV, SV và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa triết lý, mục tiêu giáo dục của Trường.	Trường ĐHQN	Bắt đầu từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học trong chương trình ngành QTKS được thiết kế phù hợp nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Các hoạt động dạy học được tổ chức đa dạng gồm dạy học trực tiếp thông qua thuyết giảng, dạy học gián tiếp thông qua các tình huống và học trải nghiệm thông qua các học phần thực hành, thực tập, thực tế... giúp SV đạt được các CĐR của ngành QTKS [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Các hoạt động, phương pháp dạy học được thiết kế trong chương trình hướng đến việc giúp SV tích lũy kiến thức, có kiến thức tổng hợp về kinh tế, quản trị, khách sạn; có kiến thức ngành, chuyên ngành ở trình độ cao để lãnh đạo, điều hành tại các đơn vị, tổ chức về công tác QTKS; áp dụng kiến thức cơ sở ngành để phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn về QTKS và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực QTKS; có kỹ năng đưa ra các giải pháp, kiến nghị trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn; có kỹ năng điều hành, quản trị hoạt động chuyên môn nghề nghiệp về QTKS; có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; có năng lực nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm

nghe nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập, nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp bản thân **[H1.01.01.03]**.

Đội ngũ GV của Khoa luôn tích cực, chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả bài giảng. Cụ thể, trong quá trình giảng dạy, các GV đã sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với thảo luận và làm việc nhóm. Ngoài ra, Trường cũng trang bị cơ sở dữ liệu điện tử nhằm bổ sung thêm nhiều nguồn tài liệu cho SV, giúp SV rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã thiết lập góc học tập trên website của Khoa để SV, GV có thể trao đổi, chia sẻ và tương tác giúp SV bổ sung, bồi đắp thêm kiến thức, kỹ năng **[H4.04.02.01]**.

Nhằm giúp SV có cơ hội tiếp xúc, làm quen với kỹ năng và nghiệp vụ về QTKS, CTĐT trình độ đại học ngành QTKS có cấu trúc phù hợp giữa các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp. Đặc biệt các học phần thực hành, thực tập, thực tế tại doanh nghiệp được quan tâm, chú trọng **[H4.04.02.02]**. Kết thúc mỗi đợt thực tập chuyên môn, Nhà trường và Khoa yêu cầu đơn vị thực tập đánh giá về quá trình thực tập của SV. Thông qua các thông tin và ý kiến phản hồi của các đơn vị thực tập sẽ giúp cho Nhà trường, Khoa có những đánh giá, hoàn thiện nội dung thực tập chuyên môn phù hợp với yêu cầu thực tiễn **[H4.04.02.03]**, **[H4.04.02.04]**. Ngoài ra, Nhà trường cũng ban hành các quy định, quy trình và hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi của SV và các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV **[H4.04.02.05]**. Định kỳ Khoa TC-NH & QTKD cũng đã phối hợp với các phòng, ban chức năng liên quan của Trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi từ GV, cựu SV, nhà tuyển dụng để giúp cho Khoa có thêm cơ sở đánh giá về chất lượng đào tạo của ngành. Hầu hết các đối tượng được khảo sát đều hài lòng với các hoạt động dạy và học cũng như các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT **[H1.01.02.06]**, **[H2.02.01.03]**, **[H4.04.02.06]**. Nhà trường cũng đã ban hành tài liệu tập huấn và kế hoạch xây dựng CTĐT **[H1.01.02.03]**. Từ đó, Khoa có căn cứ xây dựng kế hoạch tập huấn và tổ chức các cuộc hội thảo để lấy ý kiến SV, GV và nhà tuyển dụng về CDR của CTĐT **[H1.01.02.04]**, **[H1.01.02.05]**.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp, đa dạng, phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của SV nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và đạt được CĐR của ngành.

Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, nhận được sự phản hồi tích cực từ GV, SV và nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Các hình thức thực tập, thực tế còn hạn chế; việc kết nối giữa SV với các tổ chức nghề nghiệp chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp để tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động hỗ trợ để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV.	Khoa TC-NH&QTKD	Bắt đầu từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tích cực, chủ động cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm giúp SV tiếp thu, lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng nghề nghiệp.	Khoa TC-NH&QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tích cực, chủ động đổi mới các hoạt động học tập phù hợp để đạt được CĐR và nhận được sự phản hồi tích cực từ GV, SV và nhà tuyển dụng.	Khoa TC-NH&QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học đều nhằm mục tiêu thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của SV. Điều này được thể hiện rất rõ thông qua các ĐCCTHP. Hơn nữa, để đáp ứng mục tiêu trên cũng như bám sát nhu cầu thực tiễn, CTĐT tạo định kỳ hai năm sửa đổi bổ sung, cùng với đó ĐCCTHP cũng được cập nhật thay đổi **[H1.01.03.07]**. 100% ĐCCTHP mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập tích cực, phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm như phương pháp làm việc nhóm, thảo luận, nghiên cứu tình huống, thực hành, bài tập cá nhân... Các phương pháp này giúp cho SV có thể vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống thực tiễn, đáp ứng được chuẩn đầu ra về kỹ năng gồm kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch mục tiêu vào giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực QTKS... **[H1.01.01.01], [H1.01.01.03], H1.01.01.07]**.

Thêm vào đó, các hoạt động dạy và học đều được xây dựng và triển khai nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Cụ thể 100% ĐCCTHP mô tả đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học thể hiện thông qua phương pháp giảng dạy học tập bao gồm bài tập ở nhà, giải quyết tình huống cho sẵn... với mục đích để SV hiểu, suy luận và nắm được nội dung cốt lõi của học phần, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập, tình huống cụ thể. 100% ĐCCTHP mô tả việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp dạy học nhằm thúc đẩy rèn luyện kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV như thảo luận, làm việc nhóm. Từ đó, đáp ứng được CDR về mức tự chủ và trách nhiệm đó là: (1) có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân và khả năng học tập suốt đời góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội; (2) chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc; (3) hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn; (4) tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; (5) có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực QTKS ở quy mô vừa **[H1.01.01.01], [H1.01.01.03], H1.01.01.07]**. Để giúp cho SV tăng cường tiếp cận với

công việc thực tế trong tương lai ngay khi ngồi trên ghế nhà trường, SV được thực hành tại Trung tâm Thực hành Nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn dưới sự hướng dẫn của GV qua các tiết thực hành **[H4.04.02.04]**. Hơn nữa, việc đưa vào các học phần thực tế chuyên môn, thực tập tổng hợp, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp với sự hướng dẫn và giám sát của các GV và cán bộ tại cơ sở giàu kiến thức và kinh nghiệm đã giúp SV phát huy năng lực tự nghiên cứu, tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình, từ đó tạo ra sự say mê học hỏi, đẩy mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV **[H4.04.02.02]**, **[H4.04.02.03]**. Ngoài ra, để khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu và nâng cao khả năng học tập suốt đời, Khoa TC-NH & QTKD còn khuyến khích SV có đam mê tham gia hoạt động NCKH **[H4.04.03.01]**. Nhóm NCKH của SV sẽ được Hội đồng Khoa lựa chọn những GV giàu kinh nghiệm nghiên cứu chịu trách nhiệm hướng dẫn. Trong quá trình tham gia NCKH, SV sẽ hình thành khả năng tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, rèn luyện kỹ năng tìm kiếm tài liệu và hiểu rõ như thế nào là một hoạt động NCKH thực thụ. Bên cạnh đó, để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và nâng cao năng lực học tập suốt đời của SV, Cổng thông tin học tập trực tuyến được thiết lập thông qua đa dạng các kênh: thư viện trực tuyến, sổ tay SV và sổ tay NCKH trên website của Khoa **[H4.04.02.01]**. Đặc biệt, Nhà trường ký các thỏa thuận hợp tác với các đối tác như Trung tâm Học liệu Trường Đại học Cần Thơ, tham gia vào Liên hợp thư viện và đóng góp kinh phí mua dùng chung cơ sở dữ liệu ProQuest Central, mua quyền khai thác cơ sở dữ liệu MathSciNet, mua tài khoản Thư viện pháp luật trực tuyến nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu, tài liệu hỗ trợ GV và SV truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học uy tín phục vụ nghiên cứu học thuật. Định kỳ, Thư viện của Trường cũng cập nhật các tài liệu mới phục vụ đào tạo trong đó có nhiều tài liệu được các trường đại học danh tiếng trên thế giới sử dụng. Cùng với đó, hiện Khoa cũng có tủ sách nhằm phục vụ nhu cầu cho SV đến tìm hiểu và nghiên cứu tài liệu **[H4.04.03.02]**.

Hầu hết đội ngũ GV đã được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, luôn tích cực nghiên cứu, học hỏi trao đổi kinh nghiệm để góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng bài giảng của mình, đặc biệt sử dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các phương pháp giảng dạy đó bao gồm dạy trực tiếp (thuyết giảng, thảo luận, tham

luận), dạy gián tiếp (câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm), học trải nghiệm (thực tập, thực tế, nghiên cứu tình huống), dạy học tương tác (thảo luận, làm việc nhóm), tự học (bài tập ở nhà, giải quyết tình huống cho sẵn) [H1.01.01.01], [H1.01.01.03], [H1.01.01.07]. Để giúp cho GV có thông tin phản hồi kịp thời từ SV, định kỳ Nhà trường và Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV [H4.04.02.05], [H4.04.02.06]. Đồng thời, hàng năm Nhà trường cũng lấy ý kiến phản hồi của SV năm cuối về CĐR và CTĐT [H1.01.03.02], [H1.01.03.06], [H3.03.02.02]. Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng chung của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV theo lớp học phần cũng như CĐR và CTĐT dùng làm cơ sở để đối sánh, cải tiến chất lượng hoạt động giảng dạy. Mặt khác, Khoa TC-NH & QTKD luôn bám sát những phản hồi của người sử dụng lao động để hoàn thiện phương pháp giảng dạy, cập nhật liên tục vào CTĐT [H1.01.03.03], [H2.02.01.03]. Kết quả phản hồi được sử dụng để hỗ trợ GV thay đổi, điều chỉnh phương pháp giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá để đạt được các yêu cầu của CĐR.

2. Điểm mạnh

Tất cả ĐCCTHP đều mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

Tất cả ĐCCTHP đều mô tả và hướng đến rèn luyện các kỹ năng cho SV thông qua các phương pháp dạy và học đa dạng, hiệu quả, từ đó nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời. Đội ngũ GV của Khoa được đánh giá cao về năng lực và chuyên môn, năng động, luôn tìm tòi hỏi học những phương pháp mới trong giảng dạy nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

SV chưa được tiếp cận với các phần mềm hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành nên gặp khó khăn nhất định trong việc rèn luyện kỹ năng, tiếp cận với thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cung cấp các phần mềm như SKy hotel, SMile, PMS... để hỗ trợ cho các học phần chuyên	Trường ĐHQN	Từ năm học 2024 – 2025	

		ngành nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.			
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát triển phương pháp giảng dạy theo hướng thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV.	Khoa TC-NH&QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường số giờ thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, đồng thời tích cực tìm tòi phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp SV hoàn thiện các kỹ năng cần thiết và phát huy tối đa khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.	Khoa TC-NH&QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học là yếu tố căn bản, tác động lớn tới kết quả đào tạo. Đây là nội dung trọng tâm luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của tập thể lãnh đạo, viên chức Khoa TC-NH & QTKD. Nhà trường và Khoa đã quan tâm nghiên cứu, khảo sát, cập nhật và điều chỉnh phương pháp dạy và học để không ngừng cải tiến, nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nhìn chung, dưới sự nỗ lực của Khoa, chất lượng CTĐT ngành QTKS đã đạt được những kết quả ấn tượng. Về cơ bản, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường đã được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan (GV, SV, nhà tuyển dụng...) thông qua nhiều kênh khác nhau: website của Trường, Khoa; sinh hoạt SV đầu khóa; các hội nghị, hội thảo. Bên cạnh đó, tập thể GV tích cực trau dồi kiến thức chuyên môn và tiếp cận các phương pháp giảng dạy mới, từ đó góp phần cải thiện chất lượng của công tác dạy và học. Ngoài ra, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau như: tiểu luận, thực tập, thực tế, các hội thảo khoa học, cùng các hoạt động hỗ trợ SV thiết thực khác được Khoa chỉ đạo đã góp phần đáng kể thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời của SV.

Mặc dù Khoa TC-NH & QTKD đã có sự nỗ lực đáng kể, vẫn còn tồn tại những điểm cần được tiếp tục cải tiến trong thời gian đến để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Công tác khảo sát thực tế, thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan cần được quan tâm và thực hiện sâu rộng hơn. Đồng thời, một số khó khăn về chất lượng SV đầu vào và việc kết nối với các tổ chức nghề nghiệp trong nước, quốc tế còn hạn chế, công thông tin học tập trực tuyến chưa được thiết kế hoàn chỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến CLĐT. Do vậy Nhà trường và Khoa cần tiếp tục xem xét cải tiến phù hợp hơn với tình hình bối cảnh kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của SV

Mở đầu

Kết quả đánh giá cung cấp minh chứng cho các bên liên quan về mức độ kiến thức và năng lực mà SV đạt được so với mục tiêu và CDR học phần và CTĐT là một trong những khâu quan trọng không thể tách rời trong quá trình dạy học, và kết quả này có thể ảnh hưởng khá lớn đến sự nghiệp của SV sau này. Bên cạnh việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, trong những năm qua, Khoa TC-NH & QTKD đã tập trung hoàn thiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV nhằm tạo ra sự chuyên biến cơ bản về tổ chức hoạt động giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Cũng tương tự như các ngành khác, kết quả học tập của SV ngành QTKS được đánh giá thông qua quá trình học và thi cuối kỳ. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá luôn đảm bảo sự đa dạng, độ tin cậy, giá trị và công bằng. Đồng thời, trong quá trình thực hiện, GV ghi chép lại ưu, nhược điểm cũng như mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra, đánh giá để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc đề xuất các phương pháp mới. Không những thế, các quy định, đánh giá cũng như kết quả học tập phải được thông báo một cách kịp thời và minh bạch đồng thời các quy trình khiếu nại phải được tiếp cận dễ dàng để SV có thể phản hồi kịp thời và chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Mỗi SV khi hoàn thành CTĐT luôn phải đảm bảo đáp ứng CDR của CTĐT là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của mỗi cá nhân. Khoa TC-NH & QTKD cam kết với SV, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Trong hoạt động đào tạo, Khoa luôn gắn kết công tác đánh giá kết quả học tập của SV với các CDR của chương trình theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN [H5.05.01.01], Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học tín chỉ [H5.05.01.02].

Nhà trường và Khoa luôn chú trọng cao việc xác định mức độ đáp ứng CDR của mỗi khóa học được. Trong đó, chất lượng SV đầu vào là một căn cứ quan trọng, được đánh giá cơ bản dựa vào điểm chuẩn tuyển sinh của ngành và phổ điểm trúng tuyển [H5.05.01.03]. Nhà trường cũng mời chuyên gia và tổ chức tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CDR cũng như hướng dẫn xây dựng ĐCCTHP và các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR; tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV có khả năng đo lường mức độ đạt được CDR của CTĐT. Vì vậy, trong ĐCCTHP của CTĐT ngành QTKS, các mục tiêu, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, CDR của CTĐT và mức độ đạt được của CDR được trình bày rõ ràng, cụ thể. Đây là căn cứ để kiểm tra quá trình tiếp thu kiến thức và rèn luyện của SV theo các thang bậc từ thấp đến cao (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá) [H1.01.01.07]. Từ hệ thống mục tiêu và yêu cầu của học phần này, GV xác định nội dung và phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể như: Điểm danh, kiểm tra nhanh, làm bài nhóm đối với đánh giá chuyên cần; làm bài kiểm tra, thuyết trình nhóm, bài tập nhóm, làm dự án đối với đánh giá quá trình học tập; thi tự luận đề đóng hoặc mở, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp đối với đánh giá cuối kỳ. Điều này đã góp phần thay đổi cách dạy, cách học khi chuyển phương thức đánh giá kết quả học tập từ nặng về kiểm tra trí nhớ sang đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kết hợp các kỹ năng để giải quyết vấn đề. Ngoài giờ học chính khóa, SV phải dành nhiều thời gian tự học qua các phương tiện khác nhau như học ở thư viện, học qua internet, học nhóm... để đáp ứng được các

phương thức kiểm tra, đánh giá này.

Căn cứ theo CĐR của từng học phần mà đề thi sẽ được do chính các GV giảng dạy học phần đó biên soạn [H5.05.01.04]. Hầu hết các GV trong Khoa đã tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm đại học [H5.05.01.05]. Trong khóa đào tạo, GV được bồi dưỡng về kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Các câu hỏi trong đề thi đều được đảm bảo khả năng đánh giá theo các mức độ khác nhau, phù hợp với CĐR trong ĐCCTHP và thang điểm, tiêu chí rõ ràng, cụ thể.

Ngoài các học phần lý thuyết và thực hành trên lớp, đối với các học phần Thực tập tổng hợp và Thực tập tốt nghiệp, GV hướng dẫn sẽ theo dõi và đánh giá quá trình viết báo cáo thực tập của SV, GV vẫn đáp sẽ kiểm tra sự am hiểu về nội dung thực tập và cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập cũng sẽ tham gia đánh giá năng lực SV theo quy định. Điều này thể hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV sẽ không chỉ được đánh giá bởi cơ sở đào tạo mà còn được đánh giá bởi các đơn vị sử dụng lao động. Tất cả điểm thực tập sẽ được thể hiện trên bảng điểm và công bố đến SV [H5.05.01.06]. Sau khi hoàn thành báo cáo Thực tập tốt nghiệp, SV năm cuối được chia thành hai nhóm: (1) Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc (2) học học phần thay thế khóa luận. Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, các SV phải đảm bảo điều kiện cần và đủ theo quy định của Trường ĐHQN [H5.05.01.07]. Theo đó, SV ngành QTKS có điểm trung bình chung học tập đến hết năm ba đại học đạt từ 7,0 trở lên sẽ được giao làm khóa luận tốt nghiệp. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT, có giá trị thực tiễn cao. Các GV được phân theo hội đồng và trực tiếp đánh giá khóa luận tốt nghiệp theo các yêu cầu về nội dung và hình thức của khóa luận tốt nghiệp như ý thức, thái độ, tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đưa ra làm căn cứ để đánh giá.

Ban đầu, CĐR về thái độ của SV chủ yếu được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần; điểm quá trình ở hầu hết các học phần chỉ chiếm 20% tổng điểm. Vì tỷ trọng 10%, 20%, 70% này chưa phù hợp với CĐR của một số học phần nên Nhà trường đã có văn bản quy định điều chỉnh trọng số điểm đánh giá học phần và áp dụng từ Khóa 43. Việc điều chỉnh này nhằm khuyến khích SV chủ động học tập và nghiên cứu, từ đó đáp ứng CĐR của học phần và CĐR của CTĐT [H5.05.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức Hội nghị Cố vấn học tập nhằm thảo luận,

chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp hỗ trợ SV đạt được CDR của các học phần chính khóa [H5.05.01.09].

2. Điểm mạnh

Dựa trên các yêu cầu về kiến thức, các kỹ năng và thái độ của CDR trong CTĐT mà việc đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp hơn. Quy trình đánh giá kết quả học tập theo CDR rõ ràng. Câu hỏi đánh giá được thiết kế theo các mức độ khác nhau của thang đo: Biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. Các tiêu chí, thang điểm đánh giá được quy định rõ ràng, cụ thể.

Với mục tiêu phục vụ tốt cho hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quy định, kế hoạch về hoạt động này. Các tài liệu, quy trình hướng dẫn, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đều phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

Do ngành QTKS vừa mới đào tạo được một khóa tốt nghiệp, chưa có nhiều dữ liệu nên chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập; chưa xây dựng ngân hàng đề thi theo ma trận với các mức độ khác nhau để đánh giá toàn diện kết quả học tập của SV một cách khách quan và chuẩn xác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng đầy đủ ngân hàng đề thi đối với tất cả các học phần; Thực hiện thống kê phân tích định lượng đề thi để phân loại và đánh giá kết quả học tập của SV; Tăng cường hình thức đánh giá thông qua các bài tập lớn.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện quy trình kiểm tra, đánh	Trường ĐHQN	Từ năm học 2024 – 2025	

		giá kết quả học tập theo CDR của CTĐT.			
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục hoàn thiện các tài liệu, quy trình hướng dẫn, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Bắt đầu từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN căn cứ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT [H5.05.02.01], đã hoàn thiện các quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhằm mục tiêu phục vụ tốt nhất cho công tác đánh giá kết quả học tập của SV, quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01], [H5.05.01.02]. Đồng thời các quy định này đã được thông báo công khai cho SV trên website của Nhà trường, Khoa và Sổ tay SV [H1.01.03.11], [H5.05.02.02].

CTĐT và ĐCCTHP của ngành QTKS cung cấp đầy đủ thông tin về phương pháp, tiêu chí và trọng số kiểm tra, đánh giá được quy định rõ ràng [H1.01.01.01], [H1.01.03.07]. Trong những buổi học đầu tiên, GV có nhiệm vụ công bố với SV cách thức đánh giá điểm chuyên cần, điểm quá trình học tập và hình thức thi cuối kỳ. Vào thời điểm kết thúc học phần, GV sẽ thông báo công khai điểm đánh giá cho SV và có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời nếu có phản hồi [H5.05.02.03]. Đối với khóa luận tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho SV, chương trình làm việc của hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra, các quy định và tiêu chí đánh giá khóa luận tốt nghiệp được công bố công khai trên website của Khoa để SV tiếp cận dễ dàng [H5.05.02.04]. SV tham gia thực hiện khóa

l luận tốt nghiệp sẽ được thông báo cụ thể các thông tin về hội đồng chấm khóa luận, thời gian và địa điểm. Các phản biện, phiếu chấm điểm, phiếu tổng hợp điểm chấm sẽ được tập hợp theo mỗi hội đồng khóa luận tốt nghiệp và thông báo công khai vào cuối buổi bảo vệ. Điểm khóa luận được tính từ điểm của GV phản biện, hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng) và GV hướng dẫn nhằm đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy **[H5.05.02.05]**.

Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các hoạt động chào đón tân SV, Nhà trường phối hợp với Khoa đã phổ biến những nội dung liên quan đến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, và các CDR của ngành đào tạo **[H1.01.03.12]**. Ngoài ra, những quy định về đánh giá kết quả học tập của SV (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phương thức phản hồi và các nội dung liên quan) được Nhà trường và Khoa triển khai, thông báo rộng rãi tới SV **[H1.01.01.07]**. Theo định kỳ hàng tháng, Bộ môn Du lịch và Khách sạn (phụ trách ngành QTKS) tổ chức sinh hoạt chuyên môn. Bộ môn ghi nhận và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV và các kết luận, kiến nghị được ghi vào biên bản họp Tổ bộ môn để đề xuất lên Ban chủ nhiệm Khoa nhằm kịp thời đưa ra hướng giải quyết **[H5.05.02.06]**.

Bên cạnh đó, thời gian kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần được thể hiện rõ trong kế hoạch đào tạo và được Nhà trường. Các kế hoạch này phê duyệt hàng năm sau đó được thông báo cụ thể đến SV ngay từ đầu năm học **[H3.03.03.02]**. Khi kết thúc học kỳ, Phòng KT&BDCL và bộ phận trợ lý Khoa sẽ lập kế hoạch tổ chức thi, phân công phòng thi và thông báo đến SV thông qua tài khoản cá nhân chậm nhất là hai tuần trước khi diễn ra kỳ thi kết thúc học phần **[H5.05.01.02]**, **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.07]**. Đối với những SV không thể tham gia kỳ thi với lý do chính đáng có thể làm đơn đề nghị hoãn thi **[H5.05.02.08]**. Sau đó, Nhà trường sẽ bố trí cho những SV này được phép tham dự kỳ thi ở học kỳ phụ hoặc đợt thi gần nhất nhằm đảm bảo tiến độ học tập.

Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng được một cơ sở dữ liệu SV với những thông tin cần thiết bao gồm: Hồ sơ SV, điểm thi các học phần từ đầu khóa, khung CTĐT của mỗi lớp. SV có thể đăng nhập vào hệ thống tin chỉ để tra cứu các thông tin cần thiết hoặc gián tiếp truy cập vào website của Trường có liên kết với website Đào tạo **[H5.05.02.09]**.

Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành Quy định CDR ngoại ngữ, tin học đối với SV. Những thông tin này được công khai đến toàn bộ SV của Nhà trường [H1.01.03.13]. Đây là một trong những cơ sở để xác định liệu SV có đủ điều kiện xét tốt nghiệp sau khi hoàn thành CTĐT bậc đại học hệ chính quy hay không. Theo đó, SV ngành QTKS phải đạt chuẩn tiếng Anh bậc B1 hoặc bậc 3/6 của Trường ĐHQN và CDR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã công bố đầy đủ các văn bản về đánh giá kết quả học tập như quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Các quy định đã xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV.

Các tài liệu trên được công bố công khai với SV vào buổi học đầu tiên của các học phần. Bên cạnh đó, các kế hoạch, quy trình, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo CTĐT ngành QTKS được bộ phận trợ lý đào tạo, các GV của Khoa và Nhà trường thông báo công khai, rõ ràng đến SV qua nhiều kênh thông tin khác nhau trước mỗi khóa học, kỳ học và học phần.

3. Điểm tồn tại

Năng lực nhận thức của SV chưa đồng đều nên một số SV chưa nắm rõ cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dù các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương học phần, được GV và CVHT phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên website của Nhà trường...

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chú trọng hơn nữa công tác thông tin, phổ biến cho SV (đặc biệt là SV năm nhất) về cách thức kiểm tra, đánh giá, hình thức tra cứu kết quả học tập.	Khoa TC-NH & QTKD, CVHT	Từ năm học 2024 – 2025	

2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện các quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hai năm một lần khi cập nhật ĐCCTHP	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc thông báo công khai, rõ ràng các quy định đánh giá, kết quả đánh giá đến SV; thực hiện tốt quy định về đánh giá kết quả học tập của SV.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, các GV tại Khoa TC-NH& QTKD đánh giá kết quả học tập bằng nhiều phương pháp khác nhau với hình thức kiểm tra rất đa dạng: bài kiểm tra viết tại lớp, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm... [H5.05.01.02]. Với dạng đề thi tự luận, có thể có dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu, đề trắc nghiệm... Các đề thi luôn được thiết kế khoa học, đúng quy định của học phần [H5.05.01.04].

Mỗi học phần đều có bộ câu hỏi ôn tập được Bộ môn thông qua. Các câu hỏi được thiết kế đảm bảo đo lường đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong ĐCCTHP [H1.01.01.01], [H1.01.01.07]. Vì vậy, các phương pháp đánh giá kết quả học tập áp dụng tại Khoa luôn đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng được bảo đảm xuyên suốt quy trình biên soạn đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, và bảo quản đề thi. Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần vào cuối mỗi học kỳ, theo đó Phòng KT&BDCL xây dựng kế hoạch thi, Khoa quản lý học phần phân công GV coi thi và chấm thi. Trợ lý Khoa có nhiệm vụ làm phách bài thi và nhập điểm thi vào phần mềm quản lý đào tạo khi GV hoàn thành việc chấm thi [H5.05.02.07], [H5.05.03.01].

Mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể, vì vậy đảm bảo tính tin cậy cao. Đề thi và đáp án thi cuối kì được từng GV kiểm tra, rà soát kỹ lưỡng trước khi nộp về Phòng KT&BDCL [H5.05.01.04]. Việc chấm thi được thực hiện nghiêm túc theo đáp án. Quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai GV cùng chấm, vào điểm...) tại Trường để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với SV. Việc chấm thi được tiến hành độc lập bởi hai GV. Bảng điểm mỗi học phần đều phải có chữ ký của hai GV chấm thi và xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa để đảm bảo sự khách quan, công bằng trong công tác chấm bài [H5.05.01.02]. Trường hợp, SV nhận thấy điểm thi không đúng theo tình hình hoàn thành bài thi, SV được quyền viết đơn đề nghị phúc khảo để xem xét lại điểm thi theo đúng quy trình. Trụ lý Khoa sẽ căn cứ vào đơn để giải quyết theo đúng quy định [H5.05.03.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi và nhập điểm. Việc thanh tra, kiểm tra thường xuyên nhằm đảm bảo tính chính xác của việc lên điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần [H5.05.03.03].

Với những SV năm cuối có thành tích học tập tốt, SV có quyền lựa chọn tham gia làm khóa luận tốt nghiệp. Theo đó, những SV này phải tuân thủ theo các yêu cầu cụ thể về thời gian, quy cách làm khóa luận và mức độ yêu cầu của Khoa [H5.05.01.07], [H5.05.03.04]. Đánh giá khóa luận cần tuân thủ theo những tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, công cụ sử dụng, kết quả thực tiễn... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp [H5.05.02.05]. Điểm cuối cùng của khóa luận tốt nghiệp được cấu thành từ điểm của GV phản biện và hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng) nhằm đảm bảo sự tin cậy của phương pháp đánh giá và tính công bằng đối với SV.

Việc thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế khoa học dựa trên CDR của học phần, được kiểm chứng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng thông qua lấy ý kiến phản hồi của SV đang theo học, SV sắp tốt nghiệp, cựu SV về hoạt động giảng dạy, kiểm tra và đánh giá của GV [H1.01.03.03], [H5.05.03.05], [H5.05.03.06]. Thêm vào đó, việc cập nhật các CTĐT được xây dựng căn cứ trên phản hồi của đội ngũ GV [H5.05.03.07]. Nhờ vậy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập được áp dụng tại Khoa TC-NH & QTKD đảm bảo giá trị, độ tin cậy và tính công bằng cao.

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được sử dụng đa dạng: kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, khóa luận, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình... đã giúp việc đánh giá theo các mức độ CDR hiệu quả hơn.

Phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo độ tin cậy, thang điểm chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi. Nhà trường tổ chức tổng hợp ý kiến phản hồi của SV, SV đã tốt nghiệp nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của SV tin cậy và công bằng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng học phần sử dụng ngân hàng đề thi chưa nhiều. Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện thường xuyên, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục xây dựng ngân hàng đề thi để đánh giá kết quả SV chính xác, khách quan, công bằng. Tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả điểm thi nhằm đánh giá mức độ phù hợp của đề thi, phân hóa năng lực của người thi.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng đa dạng.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì tổ chức tổng hợp ý kiến phản hồi của SV, SV đã tốt nghiệp nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của SV tin cậy và công bằng.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Xác định việc đánh giá là một trong những yếu tố chủ yếu tác động đến việc học của SV nên công tác đánh giá và thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được Khoa TC-NH & QTKD đặc biệt chú trọng. Theo đó, các quy định chung về việc phản hồi kết quả đánh giá của SV được thông báo công khai đến từng GV và SV để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Đầu khóa học, mỗi SV được cấp một tài khoản riêng sử dụng xuyên suốt khóa học và SV sử dụng tài khoản đó truy cập vào website của Trường ĐHQN để xem điểm học phần. Hồ sơ, kết quả học tập của SV được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập, có thể tiếp cận và tra cứu dễ dàng. Với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý, công tác quản lý kết quả học tập của SV được đảm bảo tính chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của SV dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. **[H5.05.04.01]**.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và SV. Quy trình phản hồi kết quả đánh giá tại Khoa TC-NH & QTKD được thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành tại Trường ĐHQN. Đối với từng học phần, GV phụ trách lớp học phần nào thông báo hình thức và thời gian đánh giá kết quả học phần cho SV lớp học phần đó từ đầu học kỳ. Trước khi thi học phần ít nhất 01 tuần, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm đánh giá quá trình cho SV lớp học phần đồng thời giải đáp thắc mắc (nếu có) và có thêm nhận xét, đánh giá quá trình học tập và lỗi làm bài của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của mình đối với học phần từ đó có định hướng cải tiến những lỗ hổng của bản thân về môn học. Chậm nhất 10 ngày sau ngày thi kết thúc học phần GV phải hoàn thành việc chấm bài và trợ lý Khoa cập nhật điểm lên phần mềm chậm nhất 02 tuần sau khi kết thúc kỳ thi **[H5.05.01.02]**. Trong vòng 07 ngày kể từ khi công bố điểm học phần, nếu SV không thỏa mãn về kết quả điểm học phần thì có thể gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi đến khoa quản lý học phần **[H5.05.03.02]**. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ

ngày nhận đơn, khoa quản lý học phần phải công bố kết quả phúc khảo cho SV trên hệ thống phần mềm theo quy định.

Kết quả đánh giá học tập mỗi học kỳ của SV được Nhà trường và Khoa thông báo kịp thời, công khai đến GV và SV theo nhiều kênh thông tin như qua website của Trường, qua tài khoản của SV, qua CVHT để SV có thể nắm thông tin, phản hồi và cải thiện việc học tập. Đồng thời, sau khi có kết quả đánh giá mỗi học kỳ của SV, các CVHT đều tiến hành tổ chức họp lớp để tổng kết, đánh giá tình hình chung; khuyến khích, động viên SV có kết quả học tập tốt; nhắc nhở những SV có ý thức học tập và kết quả chưa tốt; tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm và giải đáp những thắc mắc nhằm giúp SV đặc biệt là các SV có kết quả học tập kém bị cảnh báo biết và lập phương án học tập hiệu quả hơn để không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học và có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình **[H5.05.04.02]**.

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập của SV. Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN, Nhà trường đã xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học đối với SV theo từng kỳ **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.02.01]**. Chậm nhất 01 tháng sau khi SV có quyết định buộc thôi học, Trường thông báo về địa phương nơi SV có hộ khẩu thường trú và hướng dẫn SV thực hiện các thủ tục về bảo lưu hay chuyển một phần kết quả học tập nếu SV có nguyện vọng **[H5.05.04.03]**, **[H5.05.04.04]**. Kết quả quá trình học tập của SV được lưu giữ và cung cấp cho các bên liên quan đầy đủ theo đúng quy định **[H5.05.04.05]**, **[H5.05.04.06]**. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những SV đủ điều kiện tốt nghiệp trừ trường hợp SV viết đơn đề nghị hoãn xét tốt nghiệp để học cải thiện **[H5.05.04.07]**, **[H5.05.04.08]**. Hệ thống văn bằng chứng chỉ của SV được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hoạt động chấm thi, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và SV. Kết quả đánh giá kết quả học tập của SV được công bố kịp thời, đúng quy định.

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được SV sử dụng để cải thiện việc học tập.

3. Điểm tồn tại

Một số SV vẫn chưa tìm hiểu đầy đủ về quy trình kiểm tra đánh giá nên chưa thực hiện nghiêm túc để cải thiện kịp thời kết quả học tập.

Một số SV còn băn khoăn với kết quả thi của mình do chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu giữa bài làm với kết quả đánh giá thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tuyên truyền, hướng dẫn SV đọc kỹ, hiểu rõ các quy định, quy trình kiểm tra đánh giá.	Khoa TC-NH & QTKD, GV phụ trách học phần	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Công khai đáp án của đề thi.	Phòng KT&BDCL	Từ năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên cập nhật, bổ sung các văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hoạt động chấm thi, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV.	Phòng KT&BDCL	Từ năm học 2024-2025	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Phổ biến rộng rãi và thường xuyên hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hoạt động chấm thi, điều chỉnh kết quả thi học phần, thông báo kết quả học tập kịp thời đến GV và SV.	Khoa TC-NH & QTKD, CVHT	Từ năm học 2024-2025	

5	Phát huy điểm mạnh 3	Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được SV sử dụng để cải thiện việc học tập.	Phòng KT&BDCL, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024-2025	
---	----------------------	---	----------------------------------	----------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy định và quy trình về khiếu nại kết quả học tập được phổ biến rộng rãi cho SV vào đợt sinh hoạt công dân đầu khóa **[H1.01.03.12]**, trong sổ tay SV **[H1.01.03.11]**. Nếu có thắc mắc, SV có thể nhận được sự tư vấn hỗ trợ của CVHT hoặc Văn phòng Khoa. Trong trường hợp không thỏa mãn về kết quả học tập, SV có quyền khiếu nại theo quy trình đã được Trường ĐHQN hướng dẫn cụ thể. SV có thể truy cập vào website của Trường ĐHQN để xem quy trình, thủ tục và mẫu đơn phúc khảo. Khi có khiếu nại về điểm thi hoặc nếu thấy điểm trên phần mềm không phù hợp theo ý kiến cá nhân mình, SV làm đơn đề nghị phúc khảo gửi đến Văn phòng Khoa quản lý chuyên môn **[H5.05.03.02]**. Theo quy định trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, thời gian nộp đơn đề nghị phúc khảo là trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm học phần, thời gian chấm phúc khảo là sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn xin phúc khảo **[H5.05.01.02]**. Văn phòng Khoa sẽ phối hợp với GV phụ trách học phần để giải quyết cho SV theo quy định. Kết quả chấm phúc khảo sẽ được ghi trực tiếp vào bài thi và đơn xin phúc khảo, trong đó ghi rõ GV có thay đổi điểm đã chấm hay không và lý do vì sao thay đổi. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu nếu có sai sót. Điểm sau phúc khảo là kết quả cuối cùng của học phần.

Sau khi có điểm thi, kết quả học tập của SV được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và SV theo kênh thông tin trên website của Trường qua tài khoản và số điện thoại của SV để SV có thể phản hồi và khiếu nại về kết quả học tập **[H5.05.05.01]**. Mỗi năm học, Nhà trường sẽ phân loại và đánh giá kết quả học tập của SV, công bố danh sách các SV thuộc diện cảnh báo kết quả học tập và buộc thôi học để SV đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót **[H5.05.04.03]**,

[H5.05.04.04]. Ngoài ra, để tiếp nhận những khiếu nại về kết quả học tập của SV thì Nhà trường đã có hộp thư để SV có thể gửi trực tiếp những ý kiến của SV vào đó [H5.05.05.02]. Quy trình chấm thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, GV được phân công chấm thi có trách nhiệm, công tâm nên việc khiếu nại về kết quả học tập hàng kỳ ít xảy ra. Các trường hợp có khiếu nại về kết quả học tập đều được trợ lý Khoa ghi chép cẩn thận vào sổ theo dõi việc khiếu nại về kết quả học tập của SV. Hàng năm có không quá 10 trường hợp SV gửi đơn phúc khảo về kết quả học tập [H5.05.05.03]. Khi chấm phúc khảo, GV có thể liên lạc trực tiếp để giải thích nhằm làm rõ những khúc mắc của SV về kết quả học tập. Tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV đều được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy trình, quy định.

2. Điểm mạnh

SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập vào đầu mỗi khóa học, kỳ học và học phần. Khi có khiếu nại về kết quả học tập, SV có thể dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại qua nhiều kênh và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót. Khoa TC-NH & QTKD đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập, thời gian phúc khảo nhanh chóng để hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập tại Trường.

3. Điểm tồn tại

Một số SV còn thụ động trong việc tìm hiểu quy trình thủ tục khiếu nại về kết quả học tập, vì thế gặp khó khăn trong quá trình khiếu nại và không thực hiện được việc khiếu nại kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhắc nhở, hướng dẫn SV đọc kỹ, hiểu rõ quy trình thủ tục khiếu nại kiểm tra đánh giá, đặc biệt là thời hạn nộp đơn phúc khảo bài thi theo quy định.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2024 – 2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và công bố công khai quy trình khiếu nại trên website của Khoa để SV nắm rõ.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	
---	--------------------	---	-------------------	------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của SV dựa trên cơ sở các hướng dẫn của Trường ĐHQN và CĐR nên đã được thực hiện một cách phù hợp, logic, đảm bảo tính công khai, minh bạch của quy trình. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của Trường ĐHQN đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng cho SV, đồng thời chú trọng đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực của SV qua các kỳ thi và bài kiểm tra.

Kết quả học tập phản ánh mức độ đạt được của các CĐR, từ đó đánh giá được CLĐT của CTĐT. SV có thể đánh giá và phản hồi về kết quả học tập thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức, từ đó xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được công khai và dễ dàng tiếp cận, giải quyết thỏa đáng những vướng mắc của SV liên quan đến kết quả học tập.

Tuy nhiên, việc phân loại và đánh giá kết quả học tập của SV vẫn chưa chính xác, chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi do chưa có ngân hàng đề thi với các mức độ dễ - khó khác nhau. Nhiều SV chưa quan tâm tìm hiểu và nắm rõ cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Phương pháp đánh giá kết quả học tập vẫn chưa thực sự thúc đẩy học tập và giảng dạy theo hướng tích cực. Một số GV còn chậm trễ trong công tác chấm thi kết thúc học phần, làm ảnh hưởng đến việc phúc khảo điểm, đăng ký học phần và tiến độ học tập của SV.

Tiêu chuẩn 5 có 1 tiêu chí đạt mức 6/7 và 4 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Việc xây dựng và phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn tương đương các trường đại học tiên tiến trong nước và quốc tế vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng để xây dựng và phát triển các Khoa, phát triển Trường ĐHQN ngang tầm với các đại học uy tín trong nước và quốc tế.

Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường cần có một lực lượng GV có trình độ và đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho GV là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Đội ngũ GV của Khoa TC-NH & QTKD khá mạnh, vừa có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn sâu, phương pháp giảng dạy tốt, nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, có năng lực quản lý và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, đội ngũ để thực hiện CTĐT ngành QTKS có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu công việc được giao, đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT và nhiệm vụ NCKH. Đội ngũ GV của Khoa TC-NH & QTKD được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện sứ mệnh, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Điều cốt lõi trong việc thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nói trên là xây dựng và phát triển lực lượng GV có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH, thực hiện thành công sứ mệnh của Nhà trường **[H6.06.01.01]**. Với vai trò là đơn vị chuyên môn, đào tạo ngành QTKS cho vùng và toàn quốc, căn cứ nhu cầu về

đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Khoa TC-NH & QTKD nói riêng và Trường ĐHQN nói chung luôn chủ động xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV và tạo điều kiện cho GV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1.01.01.05], [H6.06.01.02]. Hàng năm, Khoa vạch ra phương hướng hoạt động rõ ràng, định hướng phát triển, phát huy những mặt tích cực và những thành tựu đạt được trong năm qua đồng thời rà soát lại những mặt còn hạn chế để tiếp tục xây dựng kế hoạch chiến lược của Khoa, đặc biệt là kế hoạch phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.03].

Bên cạnh đó, để thu hút và giữ chân đội ngũ GV thì Nhà trường đã ban hành và thường xuyên sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với hiện trạng [H6.06.01.04]. Ngoài ra, nhằm nâng cao năng lực đội ngũ GV đáp ứng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, Nhà trường đã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV trong và ngoài nước. Hiệu trưởng đã đề nghị Trưởng khoa xây dựng kế hoạch và gửi danh sách các GV đi đào tạo trình độ TS theo Đề án 89 [H6.06.01.05]. Bên cạnh đó, việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn và năng lực NCKH cao, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực quản lý cùng với lòng tận tụy, yêu nghề... cũng được Khoa chú trọng, đề nghị Nhà trường tiến hành kịp thời. Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa được thực hiện công khai, đúng quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường [H6.06.01.06].

Bảng 6.1.1. Thống kê số lượng GV Khoa TC-NH & QTKD được luân chuyển, bổ nhiệm giai đoạn 2018-2023

	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Bổ nhiệm	0	2	4	0	1	0
Bổ nhiệm lại	0	1	0	0	0	0
Luân chuyển	0	0	0	0	1	1

Nguồn: Tổng hợp từ Khoa TC-NH & QTKD

Để xây dựng được đội ngũ GV có chất lượng, Khoa đã thực hiện việc đánh giá và xây dựng phương hướng nhiệm vụ hàng năm [H6.06.01.07]. Bên cạnh đó, Khoa cũng có kế hoạch cụ thể về việc cử GV đi học tập, tham quan, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.01.08]. Việc lập kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng nhằm đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên, năng lực giảng dạy, năng

lực NCKH được Khoa nói riêng và Nhà trường nói chung rất coi trọng và thực hiện thường xuyên [H6.06.01.09].

Bảng 6.1.2. Thống kê số lượng GV Khoa TC-NH & QTKD giai đoạn 2018-2023

Học hàm, học vị	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
PGS. TS	1	1	1	1	2
TS	6	10	18	24	22
NCS	25	21	15	8	6
ThS	12	11	11	11	10
CN	0	0	0	0	0
Tổng	44	43	45	44	40

Nguồn: Tổng hợp từ Khoa TC-NH & QTKD

Hiện nay, đội ngũ GV của Khoa gồm 40 người (bao gồm 02 PGS, 22 TS, 6 NCS và 10 ThS) được phân làm 03 bộ môn (Tài chính - Ngân hàng, Kinh doanh và Quản trị, Du lịch và Khách sạn). Tham gia trực tiếp giảng dạy chương trình QTKS bao gồm đội ngũ GV của Khoa và GV của các khoa khác trong trường. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu thì Khoa đã mời các GV thỉnh giảng từ các trường đại học lớn trong nước tham gia giảng dạy. Việc quy hoạch đội ngũ GV của Khoa TC-NH & QTKD được Nhà trường và Khoa xác định là nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cần phải làm thường xuyên để có thể luôn đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của từng năm học. Trên cơ sở thống kê số lượng GV, cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của GV, bảng mô tả vị trí việc làm của Khoa cho thấy việc quy hoạch đội ngũ GV của Khoa đã đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.01.10], [H6.06.01.11].

2. Điểm mạnh

Căn cứ nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD đã có kế hoạch phát triển đội ngũ GV cả về số lượng lẫn chất lượng, đảm bảo tính kế thừa, liên tục. Số lượng GV có học vị từ TS trở lên tăng dần qua từng năm theo đúng kế hoạch, thích nghi nhanh với sự thay đổi tích cực, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc thu hút nguồn GV có trình độ cao chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách thu hút nguồn GV có trình độ cao hiệu quả hơn.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng đội ngũ GV; Có kế hoạch phát triển đội ngũ GV trình độ cao.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, số lượng SV được tuyển sinh ngành QTKS khá lớn. Do đó, bên cạnh việc lựa chọn GV của Khoa và Trường có phẩm chất, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn đạt chuẩn tham gia giảng dạy ngành QTKS, Nhà trường còn chú trọng mời các GV thỉnh giảng có trình độ cao của các trường đại học uy tín tham gia giảng dạy CTĐT này [H6.06.01.10], [H6.06.02.01].

Theo số liệu thống kê ở Bảng 6.2.1 và 6.2.2 thì tỷ lệ NH/GV trong các năm học vừa qua hoàn toàn đáp ứng quy định hiện hành [H6.06.02.02]. Bên cạnh đó, căn cứ vào năng lực của GV và nhu cầu nhân lực cho ngành QTKS, hàng năm Nhà trường đều lập kế hoạch và thông báo tuyển dụng [H6.06.02.03], [H6.06.01.09].

Bên cạnh đó, dựa vào bản mô tả vị trí việc làm của GV và quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN [H6.06.01.11], [H6.06.02.04], Trưởng Khoa và các Trưởng bộ môn phân công giờ giảng cho mỗi GV đủ chuẩn theo quy định, phân bổ công việc liên quan đến NCKH

đồng đều, hợp lý, phù hợp với năng lực chuyên môn của từng GV theo chuyên ngành phụ trách, đảm bảo khối lượng cũng như chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.05].

Trong 5 năm qua, các GV của Khoa đã thực hiện đúng quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH [H6.06.02.05]. Ngoài ra, có nhiều GV trong Khoa rất tích cực tham gia hoạt động giảng dạy vượt giờ định mức và tham gia hoạt động NCKH rất tích cực, được thể hiện rõ qua số đề tài khoa học công nghệ các cấp và số công trình nghiên cứu trên tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế của GV trong Khoa [H6.06.02.06], [H6.06.02.07].

Quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu được triển khai đến từng đơn vị, mỗi GV đều nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ phải thực hiện của mình. GV thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm sẽ không được xét chiến sĩ thi đua cơ sở, phải bù giờ NCKH còn thiếu bởi giờ giảng dạy và bị trừ thu nhập tăng thêm theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường [H6.06.01.04]. Dựa vào mức độ hoàn thành kế hoạch cá nhân của GV và quy định của Nhà trường, hàng năm Nhà trường đều tiến hành xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng và đánh giá xếp loại viên chức [H6.06.02.08], [H6.06.02.09], [H6.06.02.10].

Bảng 6.2.1. Số lượng GV thực hiện CTĐT ngành QTKS giai đoạn 2018-2023

Năm học	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi*
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
2018	Giáo sư	5,0	0	0	0	0	0	0	0,0
	Phó GS	3,0	1	0	0	1	0	0	0,9
	Tiến sĩ	2	6	2	0	4	0	0	6,4
2019	Thạc sĩ	1	37	36	0	1	0	0	36,3
	Tổng		44	38	0	6	0	0	43,6
2019 - 2020	Giáo sư	5,0	0	0	0	0	0	0	0,0
	Phó GS	3,0	1	0	0	1	0	0	0,9
	Tiến sĩ	2	10	6	0	4	0	0	14,4
	Thạc sĩ	1	32	31	0	1	0	0	31,3

Năm học	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi*
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
	Tổng		43	37	0	6	0	0	46,6
2020	Giáo sư	5,0	0	0	0	0	0	0	0,0
	Phó GS	3,0	1	0	0	1	0	0	0,9
-	Tiến sĩ	2	18	12	0	6	0	0	27,6
2021	Thạc sĩ	1	28	26	0	0	2	0	26,4
	Tổng		47	38	0	7	2	0	54,9
2021	Giáo sư	5,0	0	0	0	0	0	0	0,0
	Phó GS	3,0	1	0	0	1	0	0	0,9
-	Tiến sĩ	2	25	18	0	6	1	0	40,0
2022	Thạc sĩ	1	20	19	0	0	1	0	19,2
	Tổng		46	37	0	7	2	0	60,1
2022	Giáo sư	5,0	0	0	0	0	0	0	0,0
	Phó GS	3,0	2	0	0	2	0	0	1,8
-	Tiến sĩ	2	22	17	0	5	0	0	37,0
2023	Thạc sĩ	1	16	16	0	0	0	0	16,0
	Tổng		40	33	0	7	0	0	54,8

Cách tính: Cột 10 = cột 3(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

Nguồn: Tổng hợp từ Khoa TC-NH & QTKD

Bảng 6.2.2. Bảng thống kê số lượng NH-GV giai đoạn 2018-2023

TT	Năm học	Số lượng GV	Số lượng GV quy đổi	Số lượng SV	Tỷ lệ NH/GV quy đổi
1	2018-2019	44	43,6	256	5,9
2	2019-2020	43	46,6	575	12,3
3	2020-2021	47	54,9	793	14,4
3	2021-2022	46	60,1	853	14,2
5	2022-2023	40	54,8	922	16,8

Nguồn: Tổng hợp từ Khoa TC-NH & QTKD

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ GV/SV được Nhà trường và Khoa thường xuyên đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến CLĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần đảm bảo, nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được lượng hóa và chưa có các quy định cụ thể về việc quy đổi các hoạt động phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có các quy định cụ thể về việc quy đổi các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV. Trên cơ sở đó, tổ chức đánh giá mức độ thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì thường xuyên việc đo lường, giám sát tỉ lệ GV/SV để làm căn cứ cải tiến CLĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Cập nhật/chỉnh sửa quy định về khối lượng công việc và cơ chế giám sát đối với hoạt động đào tạo, NCKH của đội ngũ GV phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và chế độ làm việc của GV, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm được thể hiện rõ ràng, chi tiết, đầy đủ trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H6.06.02.04], [H6.06.01.09].

Các tiêu chí nâng bậc lương trước hạn đối với công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và công tác thi đua, khen thưởng cũng được phổ biến công khai và cũng là căn cứ để bổ nhiệm, điều chuyển GV. Đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa phổ biến công khai trong các cuộc họp các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trường khoa, Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn và luôn tuân thủ chặt chẽ những quy định này [H6.06.01.06]. Bên cạnh đó, căn cứ vào vị trí việc làm của GV Khoa TC-NH & QTKD, Khoa đã có sự bổ nhiệm, điều chuyển các GV của Khoa trong giai đoạn 2017-2023 [H6.06.01.11], [H6.06.03.02].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng bằng văn bản và được phổ biến và thông báo công khai đến toàn thể viên chức trong Trường.

3. Điểm tồn tại

Chính sách đãi ngộ nhằm thu hút GV có trình độ chuyên môn cao về Trường công tác chưa thực sự hấp dẫn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, bổ sung các chính sách đãi ngộ nhằm thu hút/tuyển dụng các GV có trình độ chuyên môn cao về Trường công tác.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng, phát triển đội ngũ GV và các văn bản này được công khai trên website của Nhà trường và Khoa.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2023-2024	
---	--------------------	---	--------------------------------	----------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD luôn xem hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH của GV là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này sẽ góp phần nâng cao năng lực, sức sáng tạo trong giảng dạy và NCKH của GV nếu được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và chất lượng.

Các tiêu chuẩn về năng lực của GV, bao gồm trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giảng dạy, năng lực NCKH... được xác định rõ trong Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức & hoạt động của Trường ĐHQN; Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Bản mô tả vị trí việc làm của GV; Quyết định về việc ban hành quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV [H6.06.04.01], [H6.06.01.09], [H6.06.01.011], [H6.06.02.04]. Việc xác định rõ ràng tiêu chuẩn về năng lực của đội ngũ GV theo quy định hiện hành là cơ sở giúp Khoa cũng như Nhà trường đánh giá chính xác năng lực của GV.

Để đạt được mục tiêu nâng cao CLĐT thì đội ngũ GV là yếu tố rất quan trọng. Vì vậy, việc đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn được xem là một trong những mục tiêu then chốt trong định hướng phát triển của Khoa. Ứng viên khi được tuyển làm GV của Trường ĐHQN nói chung và tại Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Sau khi trúng tuyển, các GV vẫn tiếp tục được Khoa và Nhà trường tạo điều kiện tham gia các khóa học bồi dưỡng về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm [H6.06.01.10]. Đội ngũ GV của Khoa cũng rất tích cực tham gia NCKH, nhiều GV chủ trì hoặc tham gia đề tài KH&CN các cấp, nhiều công trình có chất lượng và nhiều bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy

tín trong nước và quốc tế [H6.06.02.07], [H6.06.04.02]. Điều này cũng được thể hiện rõ trong Hồ sơ năng lực GV của Khoa TC-NH & QTKD [H6.06.02.03]. Bảng 6.4.1 cho thấy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV trng Khoa luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Bảng 6.4.1. Năng lực của giảng viên khoa TC-NH& QTKD giai đoạn 2018-2023

Năng lực giảng viên		2018-2019		2019-2020		2020-2021		2021-2022		2022-2023	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trình độ chuyên môn	PGS	1	2,27	1	2,33	1	2,22	1	2,27	2	5
	TS	6	13,64	10	23,26	18	40	24	54,55	22	55
	NCS	25	56,82	21	48,84	15	33,33	8	18,18	6	15
	ThS	12	27,27	11	25,58	11	24,44	11	25	10	25
	Cử nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trình độ ngoại ngữ	Khung 6 bậc Châu Âu (B1, B2)	9	20,45	9	20,93	11	24,44	11	25	11	27,5
	Chứng chỉ quốc tế (IELTS, TOEIC, TOEFL)	27	61,36	26	60,47	28	62,22	27	61,36	23	57,5
	ĐH Ngoại ngữ	8	18,18	8	18,60	6	13,33	6	13,64	6	15
Trình độ tin học	Tin học ứng dụng	39	88,64	38	88,37	40	88,89	39	88,64	36	90
	Kỹ thuật viên	5	11,36	5	11,63	5	11,11	5	11,36	4	10
Chứng chỉ NV	Nghiệp vụ sư phạm	41	93,18	40	93,02	40	88,89	40	90,91	40	100
Bài báo KH	Tạp chí KH quốc tế	21	47,73	33	76,74	11	24,44	15	34,09	1	2,5
	Tạp chí KH trong nước	11	25,00	24	55,81	19	42,22	13	29,55	3	7,5
Tổng GV		44	100	43	100	45	100	44	100	40	100

Nguồn: Thống kê từ Khoa TC-NH & QTKD

Hàng năm, năng lực của GV được giám sát và đánh giá thông qua Quyết định về việc ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN; Quyết định về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN. Trên cơ sở đánh giá của Bộ môn và Lãnh đạo Khoa, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường sẽ họp đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và

ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động [H6.06.04.03], [H6.06.02.10].

Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu. Nhà trường đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Trên cơ sở đó, Khoa đã lập bảng đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của GV trong Khoa, đề xuất lên Nhà trường phê duyệt. Danh sách các GV được tham gia học các lớp bồi dưỡng sẽ được công bố rộng rãi và công khai trong toàn Trường [H6.06.04.04], [H6.06.01.05].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH của GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Năng lực đóng góp cho cộng đồng của GV chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành tiêu chí đánh giá mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV công bằng hơn.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa và Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện đánh giá và xếp loại hằng năm về năng lực giảng dạy và NCKH của GV nhằm phát huy tính tích cực trong giảng dạy, NCKH và hướng dẫn SV.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Nhà trường xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H6.06.01.01]. Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, Khoa TC-NH & QTKD đã xây dựng chiến lược phát triển Khoa TC-NH & QTKD giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên cơ sở đánh giá nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV [H1.01.01.05], [H6.06.01.02]. Nhà trường đã thực hiện những nội dung có trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Để triển khai công việc một cách hiệu quả, Nhà trường đã thông báo công khai thông tin về đội ngũ GV cơ hữu của Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD đã thống kê danh sách và thông tin GV Khoa TC-NH & QTKD qua các năm học [H6.06.01.10].

Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV Khoa TC-NH & QTKD tham gia các CTĐT và bồi dưỡng giai đoạn 2018-2023

Chương trình	Năm học				
	2018 – 2019	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023
NCS	25	21	15	8	6
Cao học	0	0	0	0	0
Chức danh nghề nghiệp hạng II	3	21	7	3	3
Ngoại ngữ	6	4	5	2	1
Tổng	44	43	45	44	40

Nguồn: Khoa TC-NH & QTKD tổng hợp

Nhà trường và Khoa TC-NH & QTKD luôn chú trọng công tác lập kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng nhằm đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên, năng lực giảng dạy và NCKH [H6.06.01.09]. Dựa vào kế hoạch cá nhân của GV Khoa TC-NH & QTKD và quy định của Nhà trường, Trường ĐHQN đã triển khai nhiều hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo chuyên môn của đội ngũ GV [H6.06.02.07]. Các

chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài do Bộ GD&ĐT thông báo đều được Nhà trường triển khai đến tất cả các đơn vị trong Trường, đồng thời Khoa sẽ phổ biến đến toàn thể GV của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu. Nhà trường đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Theo đó, Khoa sẽ đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV trong Khoa để Nhà trường phê duyệt, công bố rộng rãi và công khai danh sách các GV được tham gia học các lớp Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp Bồi dưỡng GV chính và GV đi đào tạo trình độ tiến sĩ theo đề án 89 [H6.06.01.08], [H6.06.04.04], [H6.06.05.01]. Số lượng GV được cử đi đào tạo các năm được thể hiện như Bảng 6.5.1.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đưa ra kế hoạch và tổng hợp cụ thể về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV [H6.06.05.02]. Chi phí học tập, bồi dưỡng cho GV khoa TC – NH & QTKD được thống kê trong Bảng 6.5.2. Trên cơ sở thực hiện việc đánh giá và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ hàng năm [H6.06.01.07], Khoa đã xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Bảng 6.5.2. Tổng hợp kinh phí bồi dưỡng nâng cao trình độ GV Khoa TC-NH & QTKD

DVT: Triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	Tổng
Kinh phí	727,4	402,2	295,5	150	115,5	1.690,6

Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa luôn căn cứ vào CTĐT để xác định, lên kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV một cách hợp lý. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường thường xuyên triển khai thực hiện. Hàng năm, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo để rút kinh nghiệm, làm cơ sở, căn cứ để xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển GV tiếp theo.

3. Điểm tồn tại

Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học ngoại ngữ, học tập nâng cao chuyên môn, tham

dự các hội nghị hội thảo, NCKH... còn hạn chế do nguồn thu của Nhà trường không nhiều, ảnh hưởng tới việc đầu tư cho hoạt động đào tạo, phát triển.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường mức độ hỗ trợ kinh phí để GV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Xác định rõ và tăng cường triển khai các kế hoạch đào tạo, phát triển đã và đang có hiệu quả cho GV; Thường xuyên tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả các kế hoạch đào tạo để rút kinh nghiệm, làm cơ sở, căn cứ để xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển GV tiếp theo.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Theo quy định Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng, GV được giao khối lượng công việc theo năm học [H6.06.02.04]. Việc đánh giá kết quả công việc được thực hiện dựa trên những quy định cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động [H6.06.04.03]. Trên cơ sở đánh giá của Bộ môn và Lãnh đạo Khoa, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp

trường sẽ họp đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động **[H6.06.02.10]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện lấy ý kiến và đưa ra quyết định về việc sửa đổi bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV **[H6.06.01.04]**.

Tại trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH &QTKD nói riêng, GV thực hiện công việc giảng dạy theo kế hoạch và phân công của Trường và Khoa. Tuy nhiên, hoạt động NCKH do GV tự chủ trong việc sắp xếp thời gian và kế hoạch thực hiện, Nhà trường chỉ yêu cầu báo cáo kết quả theo định kỳ. Trong giai đoạn 2017 – 2023, một số GV đã và đang thực hiện các đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ, Ngành. Nhiều GV có những bài báo uy tín trong và ngoài nước, được xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành uy tín **[H6.06.02.05]**, **[H6.06.02.07]**. Bên cạnh đó, GV Khoa TC-NH &QTKD cũng tích cực tham gia biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy **[H6.06.06.01]**.

Hàng năm, Khoa TC-NH &QTKD dựa trên thông tin của đội ngũ GV cơ hữu kết hợp với vị trí việc làm để lập kế hoạch giảng dạy và phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định về tổ chức đào tạo của Nhà trường **[H6.06.01.10]**, **[H6.06.01.11]**, **[H3.03.03.02]**. Cuối mỗi năm học, Nhà trường cùng với Lãnh đạo Khoa, Lãnh đạo Bộ môn dựa vào kế hoạch cá nhân của GV và mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tổ chức nhận xét đánh giá, xét hưởng danh hiệu thi đua và nâng lương trước thời hạn, xét kết nạp Đảng **[H6.06.02.10]** **[H6.06.03.01]**. Những quy định, tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại được triển khai rõ ràng nên đã tạo động lực và hỗ trợ cho GV trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã có quy định cụ thể về kế hoạch công tác hằng năm đối với GV để làm căn cứ, phương hướng cho GV phấn đấu, nỗ lực trong giảng dạy, NCKH.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng để tạo động lực và hỗ trợ GV giảng dạy, NCKH và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhiều GV trong Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, bằng khen cấp Bộ, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước hạn.

Phần lớn GV đều hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng bộ công cụ phù hợp (hệ thống KPI) để đánh giá kết quả công việc của GV để làm căn cứ khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống KPI để đánh giá hiệu quả công việc của GV làm căn cứ khen thưởng.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện, phổ biến sâu rộng những quy định, các văn bản về công tác thi đua, khen thưởng và quản trị theo kết quả công việc.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Đảm bảo 100% GV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, hướng đến mục tiêu hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng và đây được xem là hoạt động bắt buộc đối với mỗi GV trong

Khoa. Chính vì vậy, trong bảng kế hoạch cá nhân hàng năm, mỗi GV của Khoa luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể đảm bảo số giờ nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu theo chức danh đã quy định. Nhà trường xác định các loại hình NCKH của GV trong Quy định quản lý hoạt động KH&CN của Trường ĐHQN [H6.06.07.01].

Nhà trường cũng quy định rõ giờ chuẩn NCKH cho từng chức danh GV, do đó GV cần đảm bảo đủ giờ NCKH để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các loại hình nghiên cứu mà GV thực hiện bao gồm: đề tài NCKH và công nghệ; tham gia các nhóm nghiên cứu tiên tiến của Trường; xây dựng đề cương, giáo trình, sách và tài liệu giảng dạy; đăng các bài báo trên tạp chí khoa học; tham gia hội thảo và hướng dẫn học viên NCKH. Nhà trường quy định rõ giờ chuẩn NCKH của GV cần đảm bảo tương ứng với các loại hình và số lượng hoạt động NCKH trong Quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN [H6.06.02.04], [H3.03.03.02]. Ngoài ra, Trường còn thực hiện chính sách khen thưởng đối với các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/WoS/Scopus [H6.06.07.02].

Bảng 6.7.1. Thống kê số lượng các loại hình NCKH của GV giai đoạn 2018-2023

TT	Loại hình NCKH	Năm học				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Đề tài KH&CN các cấp	7	6	7	2	4
2	Giáo trình	1	1	1	4	0
3	Bài báo trên tạp chí và hội thảo quốc tế	21	33	11	15	1
4	Bài báo trên tạp chí và hội thảo trong nước	11	21	19	13	3
5	Seminar	2	3	2	3	1

Nguồn: Thống kê từ số liệu của Phòng KHCN&HTQT

GV có thể dễ dàng tiếp cận các văn bản, biểu mẫu hướng dẫn chi tiết về các hoạt động NCKH các cấp [H6.06.07.03]. Trong bảng kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể, đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, tương ứng với bản mô tả vị trí công việc của GV [H6.06.01.11].

Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về chất lượng và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV. Điều này được thể hiện qua việc đăng ký thi đua đầu năm và kết quả thống kê các công trình NCKH cũng như thống kê số giờ giảng và giờ NCKH của đội ngũ GV trong Khoa **[H6.06.07.04]**, **[H6.06.02.07]** **[H6.06.02.05]**. Từ đó, Khoa tiến hành đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động định kỳ hàng năm và báo cáo để Nhà trường kết luận về việc đánh giá, xếp loại **[H6.06.02.10]**.

Thông qua thống kê lý lịch khoa học của các GV cho thấy, năng lực NCKH của GV được cải thiện rõ rệt, chất lượng các kết quả nghiên cứu ngày càng tăng cao **[H6.06.02.03]**. Bên cạnh đó, GV Khoa TC-NH & QTKD cũng rất tích cực trong công tác hướng dẫn SV NCKH. Với sự hướng dẫn của các GV giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao, phong trào SV tham gia NCKH của Khoa ngày càng đi vào chiều sâu, tăng cả về số lượng lẫn chất lượng. Nhiều SV Khoa TC-NH & QTKD đã tham gia NCKH và đạt giải cao ở các cuộc thi NCKH SV cấp Bộ và cấp Trường **[H6.06.07.05]**. Với bề dày thành tích về hoạt động giảng dạy và NCKH, nhiều GV đã được xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và chiến sĩ thi đua cơ sở và được khen thưởng các cấp hàng năm **[H6.06.02.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định cụ thể về định mức thời gian NCKH tối thiểu mà mỗi GV phải thực hiện cũng như cách tính giờ NCKH theo từng loại hình sản phẩm NCKH khác nhau. Đồng thời, dựa trên đăng ký kế hoạch làm việc và NCKH của GV cũng như nhu cầu NCKH phục vụ cộng đồng và nghiên cứu phát triển, hàng năm mỗi GV Khoa luôn có kế hoạch và mục tiêu NCKH cụ thể.

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được Phòng KHCN & HTQT giám sát, đối sánh hàng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài NCKH của GV với các đối tác ngoài trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa và Nhà trường tăng cường kết nối, hợp tác NCKH với các đối tác bên ngoài. Đồng thời, Khoa ưu tiên đề xuất với Nhà trường những công trình nghiên cứu có tính liên ngành và ứng dụng.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	GV tiếp tục phát huy điểm mạnh trong NCKH, thực hiện nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, đặc biệt là công bố kết quả NCKH trên các tạp chí quốc tế có chất lượng cao.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường giám sát, đối sánh các kết quả đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV nhằm cải tiến hoạt động NCKH.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng KHCCN & HTQT	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐHQN đã hoàn thành tốt việc quy hoạch đội ngũ GV, qua đó đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ NH/GV và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát thường xuyên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá một cách chính xác, khách quan. Hơn nữa, những nhu cầu về đào tạo và

phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Trường ĐHQN xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai sâu rộng.

Đội ngũ GV ngành QTKS của Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN có trình độ chuyên môn cao, có năng lực giảng dạy và NCKH, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo của ngành QTKS. Đội ngũ GV được phân công công việc phù hợp, đảm bảo khối lượng giờ dạy và thời gian NCKH. Công tác bổ nhiệm, điều chuyển GV được Khoa thực hiện công khai, dân chủ, đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà trường. Việc đánh giá, xếp loại viên chức được thực hiện công bằng, minh bạch.

Tuy nhiên, chính sách đãi ngộ nhằm thu hút GV có trình độ chuyên môn cao về Trường công tác chưa thật sự hấp dẫn. Bên cạnh đó, các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được lượng hóa và chưa có các quy định cụ thể về việc quy đổi các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên để làm căn cứ khen thưởng chưa được rõ ràng. Mặt khác, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác ngoài Trường còn chưa phong phú. Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học tập nâng cao trình độ, chuyên môn còn hạn chế do nguồn thu của không nhiều.

đề đo lường và giám sát một cách đầy đủ; chưa đánh giá rõ ràng về mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV. Mặt khác, việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV chưa được phân tích đầy đủ toàn diện. Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học tập nâng cao trình độ, chuyên môn còn hạn chế do nguồn thu của không nhiều.

Tiêu chuẩn 6 có 1 tiêu chí đạt mức 6/7 và 6 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Trong trường đại học, bên cạnh đội ngũ GV, một bộ phận khác cũng đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đó là đội ngũ nhân viên, những người làm công tác tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ nhân viên có nhiệm vụ hỗ trợ, cùng với đội ngũ GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Do vậy, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD rất coi trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên. Để tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân viên một cách có hiệu quả, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân

viên để bổ nhiệm được xác định và phổ biến công khai. Bên cạnh việc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, công tác kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ cũng được triển khai nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự, Trường ĐHQN đã xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng căn cứ vào Quy chế hoạt động và Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHQN trên cơ sở tổng hợp đề án vị trí việc làm từ các đơn vị **[H6.06.04.01], [H6.06.01.11]**.

Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của các phòng, ban và trung tâm được quy định cụ thể trong Quy định chức năng và nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường ĐHQN, quy trình tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ nhân viên hỗ trợ phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng được Nhà trường xây dựng trong Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN **[H7.07.01.01], [H6.06.01.09]**. Bên cạnh đó, các chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên được Trường xác định thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ như: thu nhập tăng thêm; hỗ trợ tiền phục vụ đào tạo; chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước; học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ **[H6.06.01.04]**.

Nhằm hướng đến mục tiêu trở thành trường đại học đa ngành theo hướng ứng dụng vào năm 2030, Nhà trường đã ban hành Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức Trường ĐHQN giai đoạn 2019-2022, tầm nhìn 2030 xác định số lượng và cơ cấu các đơn vị chức năng trong trường tham gia phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng với đội ngũ hỗ trợ bao gồm chuyên viên, chuyên viên chính, nhân viên... có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng các yêu cầu đề ra **[H7.07.01.02], [H6.06.01.11]**.

Ngoài lực lượng hỗ trợ tại các phòng, ban, trung tâm và viện, Khoa TC-NH & QTKD hiện có đội ngũ nhân viên hỗ trợ gồm 01 thư ký và 02 trợ lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, học tập cho GV và SV như: quản lý điểm thi; đăng ký học; xét học bổng,

ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV... [H6.06.01.10], [H7.07.01.03].

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, Nhà trường còn định kỳ khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên, kết quả cho thấy SV hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác định kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trường cũng có các chính sách đãi ngộ, tuyển dụng và thu hút đội ngũ nhân viên minh bạch, khách quan. Kết quả là, hầu hết đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN đều đảm bảo đủ về số lượng, có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác thu hút và các chính sách tuyển dụng đội ngũ nhân viên có trình độ cao làm việc tại một số vị trí chưa được chú trọng đúng mức.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại đề án vị trí việc làm và phân tích nhu cầu để làm cơ sở thực hiện công tác thu hút và tuyển dụng đội ngũ nhân viên chất lượng cao hợp lý hơn.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên cụ thể cho mỗi năm nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp	Phòng Tổ chức – Nhân sự, Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

		vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.			
3	Phát huy điểm mạnh 2	Hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên cũng như rà soát và hoàn thiện đề án vị trí việc làm phù hợp với nhu cầu thực tế và định hướng phát triển trong tương lai.	Phòng Tổ chức – Nhân sự, Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD rất chú trọng đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính hoặc nhân viên được lựa chọn để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng/Phó các đơn vị cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác **[H6.06.01.09], [H6.06.01.06]**.

Hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, căn cứ tờ trình về nhu cầu tuyển dụng đội ngũ nhân viên của các phòng, khoa, viện, trung tâm, Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng đội ngũ này với các chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và minh bạch trên trang thông tin điện tử, cũng như bảng tin của Nhà trường **[H6.06.01.09]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng viên chức để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng. Quy trình và kết quả tuyển dụng được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch bằng văn bản đến các đơn vị trong toàn Trường cũng như đăng tải trên website của Nhà trường **[H6.06.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch, thông báo cũng như kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên phân tích nhu cầu và lấy ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường phân tích nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên; Việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo ở các đơn vị được thực hiện thường xuyên hơn.	Trường ĐHQN, Phòng Tổ chức – Nhân sự	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ nhân viên trong Trường được phản ánh đầy đủ và liên tục cập nhật trong hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân viên do Phòng Tổ chức – Nhân sự quản lý, theo dõi. Theo đó, Nhà trường cũng đã thành lập Tổ nhập dữ liệu hồ sơ quản lý công chức, viên chức và người hợp đồng lao động [H7.07.03.01].

Căn cứ vào quy định thời gian làm việc hành chính theo chế độ làm việc của nhân viên, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên bao gồm cả đạo đức và năng lực nghiệp vụ để bố trí công việc và bổ nhiệm được thể hiện rõ ràng, chi tiết, đầy đủ trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN

[H6.06.01.09]. Các tiêu chí nâng bậc lương trước hạn đối với công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và công tác thi đua, khen thưởng cũng được phổ biến công khai và cũng là căn cứ để bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên **[H6.06.02.09]**.

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ đào tạo theo chuyên môn, nghiệp vụ của từng khoa, phòng ban khác nhau thì đội ngũ nhân viên được tuyển dụng phải phải đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu được nêu trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN. Đồng thời, trong quy chế này cũng đã quy định rất rõ căn cứ, quy trình, nội dung, tiêu chí và thẩm quyền đánh giá phân loại viên chức **[H6.06.01.09]**. Trong mỗi năm học, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công và cá nhân đăng ký, việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, nhân viên trình bày báo cáo kết quả công tác tại cuộc họp của đơn vị để đồng nghiệp tham dự đóng góp ý kiến và ban lãnh đạo Khoa hoặc Lãnh đạo đơn vị chức năng đánh giá và sau đó Nhà trường thông qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động bằng văn bản sau 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hiệu trưởng.

Bên cạnh đó, ý kiến phản hồi của SV, cán bộ, GV cũng là cơ sở quan trọng để các đơn vị và đội ngũ nhân viên có những biện pháp cải tiến thiết thực, nâng cao hiệu quả công tác nhằm phục vụ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn **[H3.03.02.02]**. Do vậy, trong quá trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, đơn vị còn dựa trên kết quả khảo sát sự hài lòng của của SV và các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ và phục vụ đào tạo **[H1.01.03.02]**. Hoạt động này được thực hiện định kỳ và kết quả khảo sát cho thấy SV, GV hài lòng và đánh giá cao thái độ ân cần, nhiệt tình, chu đáo, có trách nhiệm của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường có những quy định cụ thể về công tác thi đua khen thưởng và hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và hàng năm Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường tổ chức họp bình xét và thông qua các quy định, hướng dẫn và tiêu chuẩn cụ thể **[H6.06.02.09]**. Trong các năm qua, đội ngũ nhân viên của Khoa TC-NH & QTKD đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và hàng năm đạt danh hiệu Lao động tiên tiến **[H6.06.02.10]**.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và cập nhật đầy đủ trong hồ sơ và lý lịch nhân viên do Phòng Tổ chức – Nhân sự quản lý, theo dõi.

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng được thực hiện hàng năm. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đánh giá, xếp loại viên chức, xét tặng các danh hiệu thi đua vẫn chưa giúp phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên chưa được xem như là căn cứ bắt buộc khi thực hiện việc đánh giá, xếp loại nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sử dụng kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên để làm căn cứ thực hiện việc đánh giá, xếp loại nhân viên.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Quản lý, theo dõi hồ sơ, lý lịch nhân viên chặt chẽ, thường xuyên hơn.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm 2023 – 2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Luôn đảm bảo thực hiện đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên hàng năm. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện quy trình, phương pháp, công cụ và các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động rất quan trọng trong duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ GV và nhân viên. Vì vậy, Nhà trường luôn thực hiện việc kiểm tra đánh giá về chất lượng hàng năm nhằm phục vụ cho việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Đồng thời, Nhà trường cũng đã định kỳ thực hiện công tác rà soát, xác định và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên và lập kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên **[H7.07.04.01], [H6.06.01.11]**.

Đồng thời, thông qua việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hành chính của các đơn vị, Nhà trường đã triển khai các kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên thông qua quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H6.06.01.04]**. Nhà trường cũng đã quan tâm đến công tác bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính cho chuyên viên Trường ĐHQN, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đội ngũ nhân viên. Bên cạnh đó, để tự nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và theo định hướng của Nhà trường thì cán bộ và nhân viên trong Khoa TC-NH & QTKD nói riêng cũng như toàn Trường nói chung đã đăng ký kế hoạch học tập và nghiên cứu hàng năm để làm cơ sở cho Nhà trường phân bổ, sắp xếp cán bộ và nhân viên tham gia. Đội ngũ nhân viên cũng thường xuyên đăng ký đi học nâng cao trình độ chuyên môn, đăng ký thi thăng hạng, đăng ký học các khóa về đào tạo nghiệp vụ **[H7.07.04.02]**.

Trong 5 năm qua, các nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng thường xuyên được cử tham gia các đợt học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ tại các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng... đồng thời một số lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được mở trực tiếp tại Trường ĐHQN, tạo điều kiện thuận lợi để viên chức của Nhà trường được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H7.07.04.03]**.

Giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên và có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Điều này góp phần thúc đẩy, tạo động lực học tập cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và phục vụ cộng đồng [H7.07.04.04], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc.

Nhà trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên ở các đơn vị chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên ở các đơn vị trong Trường.	Khoa TC-NH & QTKD, Phòng TC-NS	Hàng năm, từ năm 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch định kỳ và tăng cường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Hiệu quả công việc của đội ngũ nhân sự nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với CLĐT và sự phát triển của Nhà trường. Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản trong đó quy định rõ nhiệm vụ của nhân viên phục vụ đào tạo cũng như quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên **[H6.06.01.09]**. Đồng thời, Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN, trong đó xác định các nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng; nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức cá nhân trong công tác này cũng như các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn riêng đối với từng Danh hiệu thi đua của cá nhân như: Danh hiệu Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc... **[H6.06.02.03]**.

Bản mô tả công việc và đề án vị trí việc làm có vai trò quan trọng trong việc theo dõi, tuyển dụng, đào tạo và đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên. Nhà trường đã có thống kê rất chi tiết về trình độ, vị trí, hạng, bậc, chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên. Bên cạnh đó, thực hiện kế hoạch bổ sung, hoàn thiện đề án vị trí việc làm của Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD cũng xây dựng đề án vị trí việc làm cấp khoa, bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm. Đề án đã mô tả cụ thể rõ ràng công việc chính phải làm và sản phẩm đầu ra của từng nhân viên hỗ trợ phục vụ cho đào tạo **[H6.06.01.11]**.

Ngoài việc công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, Nhà trường luôn triển khai kế hoạch và xét nâng lương cho nhân viên theo đúng quy định. Hơn nữa, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với các nhân viên đạt được các danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp, các viên chức được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H6.06.03.01]**.

Bên cạnh đó, cuối mỗi năm học, căn cứ các quy định về công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, triển khai việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng của Nhà trường, mỗi nhân viên thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, sau đó đơn vị trực tiếp quản lý sẽ tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với từng nhân viên. Tiếp theo, các trưởng đơn vị sẽ đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động, Nhà trường sẽ ban hành công văn thông báo đến các đơn vị kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hàng năm. Đồng thời, từ các kết đánh giá phân loại viên chức và người lao động, Nhà trường đã thực hiện tổng hợp để nhận xét, phân tích làm cơ sở để theo dõi các kết quả thực hiện của đội ngũ nhân viên phục vụ và hỗ trợ đào tạo qua các năm. Kết quả này được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua **[H6.06.02.10]**. Ngoài khen thưởng ở cấp Trường, nhiều cá nhân là nhân viên cũng được khen thưởng của chủ tịch UBND Tỉnh Bình Định và của Bộ GD&ĐT vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và trong sự nghiệp giáo dục **[H7.07.05.01]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có những quy định về công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên rất rõ ràng và công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tất cả nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hầu hết nhân viên đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng, công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	Cần có quy định rõ ràng hơn về kế hoạch, khối lượng công việc, tiến	Khoa TC-NH & QTKD,	Từ năm học 2023 – 2024	

	tại	độ hoàn thành để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của nhân viên.	Phòng Tổ chức – Nhân sự		
2	Phát huy điểm mạnh 1	Hoàn thiện những quy định về công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	Phòng Tổ chức – Nhân sự, Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc tiếp tục dựa trên những xây dựng, góp ý của tất cả nhân viên. Đồng thời, phải đảm bảo sự hài lòng của nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng, công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.	Phòng Tổ chức – Nhân sự, Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Trường ĐHQN đã hoàn thành tốt việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, qua đó đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá một cách chính xác, khách quan. Hơn nữa, những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của chuyên viên được triển khai sâu rộng.

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa TC-NH & QTKD đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công

khai. Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa TC-NH & QTKD hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Trường.

Trong những năm học tới, Nhà trường sẽ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn. Đội ngũ nhân viên của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng và Trường ĐHQN nói chung có trình độ chuyên môn đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ đào tạo ngành QTKS. Đội ngũ nhân viên được phân công công việc phù hợp. Công tác điều chuyển công việc của người lao động trong Khoa được Khoa thực hiện công khai, dân chủ, đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà trường. Việc đánh giá, xếp loại viên chức được thực hiện công bằng, minh bạch.

Tuy nhiên, công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự dựa trên nhu cầu đề án vị trí việc làm của đơn vị và toàn trường. Việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo ở các đơn vị còn ít, chưa được quan tâm. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa phong phú và thường xuyên do kinh phí đầu tư chưa nhiều. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả do chưa xây dựng được các tiêu chí đánh giá chi tiết đối với từng vị trí việc làm cụ thể.

Tiêu chuẩn 7 có 1 tiêu chí đạt mức 6/7 và 4 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 8. SV và hoạt động hỗ trợ SV

Mở đầu

Trong những năm học qua, Khoa TC-NH & QTKD đã bám sát chính sách tuyển sinh chung của Nhà trường để xây dựng chính sách tuyển sinh riêng cho Khoa, được công bố công khai và được cập nhật hàng năm. Tiêu chí và phương thức xét tuyển đảm bảo tính khách quan, đúng quy định và được đánh giá. Nhà trường và Khoa có hệ thống giám sát để theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập từng học kỳ của SV. Các hoạt động tư vấn và hỗ trợ SV được thực

hiện một cách kịp thời, thường xuyên và đa dạng, tạo môi trường học tập tích cực và thúc đẩy các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của SV, từ đó tạo ra môi trường tâm lý xã hội tích cực trong Nhà trường. Nhà trường có cảnh quan xung quanh đẹp, tiện ích, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo và NCKH, tạo ra sự thoải mái cho SV và qua đó nâng cao chất lượng học tập của SV, góp phần nâng cao CLĐT.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Ngành QTKS của Trường ĐHQN đã đào tạo đến nay được 5 khóa tuyển sinh, trong đó có 1 khóa đã tốt nghiệp ra trường. Trong những năm qua, việc tuyển sinh của ngành QTKS luôn thực hiện theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT, đề án tuyển sinh của Nhà trường và được cập nhật hàng năm trong thông báo tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01]. Hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được xác định trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, phương án tuyển sinh của Nhà trường một cách rõ ràng, công khai và được cập nhật cho từng năm tuyển sinh [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]. Hàng năm, Nhà trường thành lập các đoàn tư vấn tuyển sinh để giới thiệu về Trường ĐHQN, về các ngành đào tạo của Trường, về ngành QTKS cho các em học sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Trong thời kỳ đại dịch COVID-19, Nhà trường đã linh hoạt chuyển các buổi tư vấn tuyển sinh sang hình thức trực tuyến [H8.08.01.05], [H8.08.01.06]. Chính sách và quy định tuyển sinh như: phương thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, đối tượng ưu tiên, quy trình xét tuyển, điểm xét tuyển, điểm chuẩn đầu vào... theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được công bố công khai trên cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường và của các trang báo điện tử [H8.08.01.07], [H8.08.01.08].

Nhà trường không chỉ thực hiện các hoạt động tuyển sinh riêng thông qua các tổ tư vấn tuyển sinh mà còn tích cực phối hợp với các đơn vị truyền thông như Báo Tuổi trẻ để tổ chức các Chương trình Ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp ngay tại Trường ĐHQN [H8.08.01.09], [H8.08.01.10]. Hàng năm, Nhà trường công bố chỉ tiêu xét tuyển, cách thức xét tuyển, các mốc thời gian thí sinh cần lưu ý khi đăng ký xét tuyển thông qua tờ rơi tuyển sinh, sổ tay tuyển sinh hay cẩm nang tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.11], [H8.08.01.12].

Bảng 8.1.1. Tóm tắt những thay đổi trong phương thức tuyển sinh của Nhà trường

Phương thức tuyển sinh	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT	X	X	X	X	X
Xét tuyển theo kết quả học tập, học bạ THPT	X	X	X	X	X
Xét tuyển thẳng học sinh giỏi quốc gia	X	X	X	X	X
Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực, tư duy				X	X

Nguồn: Khoa TC-NH & QTKD thống kê

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức họp lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh hàng năm, có sự góp ý của GV ở cuộc họp cấp Khoa và của Hội đồng tuyển sinh trường [H8.08.01.13]. Chính sách tuyển sinh hàng năm được cập nhật dựa trên các thông tin dự báo về nguồn nhân lực của từng ngành, theo từng thời điểm cụ thể. Ngoài ra, thông qua các Hội thảo về đánh giá CTĐT, Khoa đã tổ chức khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực ngành QTKS và đánh giá của doanh nghiệp về CTĐT để có những điều chỉnh trong CTĐT và định hướng cho hoạt động tuyển sinh trong những năm tiếp theo [H8.08.01.14]. Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, Trường ĐHQN đã có số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển và nhập học thực tế theo ngành QTKS so với các ngành khác của Khoa TC-NH & QTKD như thống kê ở Bảng 8.1.2. [H8.08.01.15], [H8.08.01.16], [H8.08.01.17].

Bảng 8.1.2. Tình hình tuyển sinh của ngành QTKS

Ngành	Số lượng	Khóa	Năm học
Quản trị khách sạn	253	41	2018-2019
Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	132		
Quản trị kinh doanh	320		

Tài chính - Ngân hàng	79		
Quản trị khách sạn	322	42	2019-2020
Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	175		
Quản trị kinh doanh	313		
Tài chính - Ngân hàng	69		
Quản trị khách sạn	264	43	2020-2021
Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	157		
Quản trị kinh doanh	418		
Tài chính - Ngân hàng	125		
Quản trị khách sạn	249	44	2021-2022
Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	110		
Quản trị kinh doanh	629		
Tài chính - Ngân hàng	143		
Quản trị khách sạn	147	45	2022-2023
Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành	130		
Quản trị kinh doanh	208		
Tài chính - Ngân hàng	64		

Nguồn: Phòng ĐTDH, Trường ĐHQN

2. Điểm mạnh

Chính sách và quy định về tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành QTKS nói riêng là rõ ràng, đúng quy định, quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được cập nhật hàng năm.

Chính sách và quy định tuyển sinh được công bố công khai và cập nhật thường xuyên từ đó SV có thể nắm bắt thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay khi nhập Trường.

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và dự báo nhu cầu nhân lực, được cập nhật hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện liên tục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên thu thập ý kiến của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và dự báo nhu cầu nhân lực.	Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Cập nhật chính sách và quy định tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành QTKS nói riêng hàng năm. Phân tích kết quả tuyển sinh theo từng tỉnh, từng trường THPT để có thể tuyển được thí sinh có nguyện vọng vào học tại Trường ĐHQN.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Công khai chính sách và quy định tuyển sinh thông qua các video giới thiệu về ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp... Thực hiện kết nối với Fanpage của các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên để cung cấp các thông tin tuyển sinh liên quan của Khoa và Trường.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2024-2025	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Cập nhật chính sách tuyển sinh hàng năm.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng tiến hành xây dựng chính sách tuyển sinh trong các đề án tuyển sinh, trong đó xác định rõ ràng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV. Trước đây, SV được tuyển chọn dựa vào kết quả thi tuyển sinh đại học, nhưng từ năm học 2016-2017 đến nay, việc tuyển sinh vừa dựa vào điểm thi THPT Quốc gia, vừa dựa vào điểm xét tuyển học bạ của SV **[H8.08.01.02]**.

Để tạo căn cứ cho việc tuyển sinh và phân tích tình hình tuyển sinh qua các năm, Nhà trường đã lưu trữ dữ liệu thống kê về số lượng SV nhập học qua các năm **[H8.08.02.01]**. Ngoài ra, Nhà trường cũng tiến hành thống kê và phân loại thông tin của các thí sinh trúng tuyển theo địa phương, đối tượng ưu tiên, khối ngành học... để rà soát, đánh giá và có sự điều chỉnh hàng năm về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn SV **[H8.08.02.02]**. Việc xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn SV của Nhà trường cũng được dựa trên góp ý của các đơn vị liên quan **[H8.08.02.03]**, **[H8.08.02.04]**.

Về phía Khoa TC-NH & QTKD, sau mỗi đợt tuyển sinh, Khoa tổ chức sinh hoạt khoa học nhằm rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất cho Nhà trường về việc điều chỉnh các tiêu chí, phương pháp tuyển sinh phù hợp dựa trên sự đóng góp ý kiến của các GV trong Khoa **[H8.08.02.03]**.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV được xác định rõ ràng, có cơ sở khoa học và được công khai. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường và Khoa đã thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất điều chỉnh các tiêu chí, phương pháp tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế.

3. Điểm tồn tại

Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học không khớp với nhau, tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học chưa đạt kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, qua nhiều kênh thông tin khác nhau, xác định mục tiêu ưu tiên là các đối tượng học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học nhằm rà soát, đánh giá và xác định tiêu chí tuyển sinh dựa vào tình hình thực tế, nắm bắt thị trường lao động. Đồng thời công bố rộng rãi các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đến học sinh.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống giám sát trong trường đại học được xây dựng và vận hành giúp theo dõi và giám sát thành tích học tập của SV, từ đó giúp nhà trường nhanh chóng đưa ra các biện pháp kịp thời và phù hợp nhằm hỗ trợ SV, cải thiện chất lượng học tập và quy trình đào tạo. Trên cơ sở các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, hệ thống giám sát cấp Trường và cấp Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, cụ thể là kết quả học tập, khối lượng học tập của SV được trình bày một cách cụ thể, chi tiết trong CTĐT ngành QTKS do Trường ĐHQN ban hành và trong ĐCCTHP [H1.01.01.01], [H1.01.01.07]. Sự chuyên cần trong học tập của SV được theo dõi chặt chẽ qua từng tiết học, một số học phần sự chuyên cần được đánh giá bằng trọng số 10% kết quả học tập của từng học phần, ở một số học phần khác sự chuyên cần được đánh giá chung trong điểm quá trình của SV thông qua điểm danh, sự tích cực trong tham gia phát

biểu, xây dựng bài hoặc làm việc nhóm. Công tác tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập của SV được tiến hành khoa học và nghiêm túc theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN ban hành giúp hình thành thói quen học tập chăm chỉ và trung thực **[H8.08.03.01]**.

Về rèn luyện, kết quả rèn luyện của SV được đánh giá thông qua việc tham gia các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên và Hội SV. Kết quả rèn luyện được xếp loại cụ thể trong bảng xếp loại rèn luyện cuối mỗi học kỳ cũng như cuối khóa học theo đúng quy định hiện hành **[H8.08.03.02]**. Để kịp thời hỗ trợ, nhắc nhở SV trong học tập và rèn luyện, công tác CVHT được Khoa TC-NH & QTKD phân công thực hiện theo quy định của Nhà trường. Sinh hoạt lớp được thực hiện định kỳ một lần/tháng có sự tham dự của CVHT, qua đó sẽ thông báo các nội dung hoạt động hàng tháng của Khoa và Trường, đồng thời tiếp thu, tư vấn, hỗ trợ cho SV các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện **[H8.08.03.03]**, **[H8.08.03.04]**. Do đó, CVHT luôn nắm được cụ thể tình hình học tập cũng như rèn luyện của từng SV trong tháng để phối hợp với Khoa và Phòng CTCT&SV đưa ra các biện pháp phù hợp, giúp đỡ SV tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện.

Bên cạnh đó, để giúp SV biết và điều chỉnh kịp thời thái độ học tập nhằm cải thiện kết quả học tập, Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD kết hợp với CVHT luôn có những cảnh báo kịp thời đến SV và gia đình sau mỗi đợt thi kết thúc học phần **[H8.08.03.05]**. Trên cơ sở đó, cùng với sự hỗ trợ từ các CVHT và gia đình, SV sẽ đề ra kế hoạch hành động cụ thể để đạt được kết quả học tập và rèn luyện tốt hơn.

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng ĐTDH và Phòng CTCT&SV cung cấp cho Khoa, CVHT, và SV bảng điểm rèn luyện và bảng điểm tổng hợp các học phần, trong đó ghi rõ tổng số tín chỉ mà SV đã tích lũy, điểm trung bình chung các học phần **[H8.08.03.06]**, **[H8.08.03.07]**. Điều này sẽ giúp SV nắm được đầy đủ thông tin liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện của mình cũng như giúp Khoa và CVHT có thể theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV.

2. Điểm mạnh

Nhà Trường đã có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV, cảnh báo

học vụ, cụ thể là: Phòng ĐTĐH, Phòng CTCT&SV, CVHT và GV.

Nhà trường có quy định rõ ràng về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV.

Nhà trường đã xây dựng cơ sở dữ liệu để theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

3. Điểm tồn tại

Việc giám sát sự tiến bộ của SV chỉ mới tập trung vào các SV bị cảnh báo học vụ hoặc có các vi phạm trong rèn luyện mà chưa đánh giá được sự tiến bộ của tất cả SV qua các học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổng hợp kết quả học tập và kết quả rèn luyện của tất cả SV qua mỗi học kỳ để đánh giá chính xác sự tiến bộ của SV.	Phòng ĐTĐH, Phòng CTCT&SV, Khoa TC-NH & QTKD, CVHT	Sau mỗi học kỳ, bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phối hợp giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV, cảnh báo học vụ.	Phòng ĐTĐH, Phòng CTCT&SV, Khoa TC-NH & QTKD, CVHT	Từ năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường cần tiếp tục thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc các quy định trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của SV.	Phòng ĐTĐH, Phòng CTCT&SV, Khoa TC-NH & QTKD, CVHT	Từ năm học 2024-2025	

4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục đầu tư và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu giúp giám sát sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.	Phòng ĐTDH, Phòng CTCT&SV, Khoa TC-NH & QTKD, CVHT	Từ năm học 2024-2025	
---	----------------------	---	---	----------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV được tiến hành liên tục và xuyên suốt trong suốt quá trình học tập của SV tại Trường ĐHQN. Công tác đón tiếp SV nhập học được Nhà trường phân công cho các phòng, ban chức năng và các khoa liên quan triển khai một cách đồng bộ. Ngay từ lúc SV mới nhập học, Trường và Khoa đã tổ chức đón tiếp và hướng dẫn chu đáo về các thủ tục nhập học [H8.08.04.01]. Ngay sau khi SV nhập học, Nhà trường sẽ tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để giúp SV nắm được các thông tin chung về Trường, về CTĐT; quy định và quy chế đào tạo; chế độ khen thưởng, kỷ luật cũng như các vấn đề liên quan đến quyền lợi học tập, rèn luyện và sức khỏe cho SV; và phương pháp hòa nhập với môi trường học tập mới [H1.01.03.12].

Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác CVHT, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của CVHT và ra quyết định phân công GV làm công tác CVHT trên cơ sở đề nghị của Khoa, ngoài ra Nhà trường còn bố trí lịch gặp mặt giữa CVHT và tân SV để truyền đạt những thông tin cần thiết đến SV [H8.08.04.02], [H8.08.04.03], [H5.05.04.02]. Nhà trường và Khoa đã giao nhiệm vụ cho CVHT chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập; phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ và tư vấn cho SV trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Định kỳ 01 lần/tháng, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp, trong đó thông tin cụ thể đến SV tình hình hoạt động của Nhà trường, phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của SV [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Giữa mỗi năm học, Nhà trường sẽ tổ chức đối thoại giữa SV và lãnh đạo Nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV [H8.08.04.07]. Hàng năm, Nhà trường triển khai lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV, cũng như về CTĐT của Nhà trường để có thể làm hài lòng SV [H8.08.04.08], [H4.04.02.06] [H1.01.03.02]. Ngoài ra, thông qua các hộp thư góp ý, SV có thể tham gia đóng góp ý kiến nhằm cải thiện các hoạt động hỗ trợ học tập cho SV [H5.05.05.02].

Bên cạnh các hoạt động học tập theo CTĐT, SV còn có cơ hội tham gia hoạt động NCKH SV hàng năm. Đây là hoạt động hỗ trợ nhằm giúp các em làm quen với NCKH, tạo tiền đề để các em có thể học lên các bậc cao hơn sau khi tốt nghiệp đại học. Để khuyến khích cho SV tham gia NCKH, Nhà trường cũng dành một phần kinh phí nhất định để hỗ trợ SV thực hiện đề tài [H4.04.03.01]. Hơn thế, SV còn được Nhà trường khen thưởng, cấp học bổng, hỗ trợ nếu có thành tích học tập theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao kết quả học tập và rèn luyện của bản thân hơn nữa [H8.08.04.9], [H8.08.04.10]. Với các học bổng khuyến khích như vậy, là động lực to lớn thúc đẩy các bạn SV chăm chỉ học tập để đạt được thành tích tốt và rèn luyện bản thân đạt được những phẩm chất tốt đẹp.

Các hoạt động ngoại khóa đã thu hút sự quan tâm của đông đảo các bạn SV tham gia, tạo ra sân chơi bổ ích để SV rèn luyện sức khỏe và tính năng động. Nhằm giúp SV có điều kiện để phát triển toàn diện bản thân, Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng luôn tạo cơ hội, khuyến khích SV tham gia các hoạt động ngoại khóa, các phong trào thi đua do các câu lạc bộ, Đoàn thanh niên, Hội SV và Trung tâm TVTS & QHDN tổ chức [H8.08.04.11], [H8.08.04.12]. Ngoài ra, các hoạt động tình nguyện, mùa hè xanh cũng được Liên chi Đoàn thanh niên và Liên chi Hội SV của Khoa duy trì tổ chức hàng năm [H8.08.04.13]. Với phương châm hoạt động tích cực, lành mạnh, sáng tạo và thiết thực, các hoạt động ngoại khóa, sân chơi bổ ích có thể giúp SV hình thành những kỹ năng cần thiết cho học tập. Chẳng hạn, thông qua các hoạt động làm việc nhóm tại lớp, các học phần thực hành thực tế sẽ giúp SV học tập sôi nổi

hơn, chủ động tìm tòi, học hỏi để phát triển bản thân. Đồng thời, các hoạt động ngoại khóa còn giúp trau dồi thêm sự tự tin, hòa đồng trong tập thể, linh hoạt trong các sự kiện lớn, từ đó sẽ giúp ích cho nghề nghiệp tương lai của SV.

Nhà trường đã thành lập, ban hành chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động của Trung tâm TVTS & QHDN để làm cầu nối giữa SV và doanh nghiệp, tạo cơ hội tiếp cận việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.14]. Thông qua Trung tâm này, Nhà trường thường xuyên tổ chức các ngày hội việc làm, mời các doanh nghiệp tham gia ngày hội để giới thiệu cho SV những vị trí và cơ hội việc làm thích hợp [H8.08.04.15]. Bên cạnh đó Nhà trường và Khoa luôn chủ động ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp. Nhờ đó, thông tin tuyển dụng từ các doanh nghiệp luôn được cập nhật và thông báo kịp thời đến SV [H8.08.04.16]. SV luôn được tiếp cận nhanh chóng với các cơ hội việc làm từ các nhà tuyển dụng, nhiều SV đã có việc làm chính thức ngay khi vẫn còn đang là SV năm 3 hoặc năm 4.

Trong quá trình học tập ở những năm cuối, SV luôn được Trường cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp [H8.08.04.17]. Ngoài ra, Khoa TC-NH& QTKD hàng năm ban hành các quy định hướng dẫn thực tập tổng hợp, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp để hướng dẫn SV thực hiện [H8.08.04.18]. Khi SV đi thực tập, thực tế, Lãnh đạo Khoa sẽ phân công GV hướng dẫn SV lựa chọn đề tài và viết báo cáo thực tập. Trong quá trình thực tập, SV sẽ được tiếp xúc, trải nghiệm thực tế, và học hỏi được nhiều kỹ năng quan trọng liên quan đến nghề nghiệp sau này [H4.04.02.02]. Hàng năm, Nhà trường và Khoa chủ động thực hiện thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QTKS, kết quả như trong Bảng 8.4.1, từ đó thực hiện hỗ trợ việc làm cho SV đạt hiệu quả cao nhất [H8.08.04.19], [H3.03.02.03].

Bảng 8.4.1. Thống kê tình hình SV tốt nghiệp ngành QTKS của khóa 41 (2018 – 2022)

Tổng số SV	TN 4 năm		TN 4,5 năm		TN 5 năm		Trung bình số năm TN
	Số SV	Tỉ lệ (%)	Số SV	Tỉ lệ (%)	Số SV	Tỉ lệ (%)	
181	140	77,35	6	3,32			4,02

Nguồn: Phòng ĐTDH, Trường ĐHQN

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các bộ phận chức năng triển khai kế hoạch đến SV, đồng thời sẵn sàng hỗ trợ cho SV trong việc lựa chọn học phần trong CTĐT, tư vấn kịp thời phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế và việc làm cho SV, đó là: Phòng ĐTĐH, Phòng CTCT&SV, Trung tâm TVTS & QHDN, Khoa TC-NH & QTKD và CVHT...

Nhà trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, đăng ký các học phần trong CTĐT, tư vấn kịp thời phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế và việc làm cho SV.

Hơn 75% SV, cựu SV được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động liên hệ thực tập, thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động bên ngoài tỉnh vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng bên ngoài tỉnh để đem lại cơ hội thực tập, thực tế và tuyển dụng cho SV.	Khoa TC-NH & QTKD, Trung tâm TVTS & QHDN	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho SV trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế và việc làm cho SV.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, đăng ký	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

		các học phần trong CTĐT, tư vấn kịp thời phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế và việc làm cho SV.			
4	Phát huy điểm mạnh 3	Duy trì hơn 75% SV, cựu SV được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Môi trường làm việc, học tập được bố trí hợp lý tạo nên không gian thân thiện, thoải mái, với các khu vực chính: Khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm; Khu làm việc hành chính; Khu ký túc xá SV và Khu thư viện. Sơ đồ các khu vực trong Trường rất rõ ràng và được công bố rộng rãi trên website của Trường và trên các pano, áp phích đặt trong khuôn viên Trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, GV và SV có thể liên hệ giải quyết những vấn đề cần thiết [H8.08.05.01].

Không gian của Trường rất thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, vườn hoa, tượng đài, ghế đá. Môi trường tâm lý, xã hội và môi trường làm việc của Nhà trường luôn được quan tâm xây dựng và phát triển nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho cán bộ, GV và SV. Nhà trường đã ban hành nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy thư viện, nội quy ký túc xá và những quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong SV nhằm tạo ra trật tự, kỉ cương, môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện và thoải mái trong khuôn viên Nhà trường [H8.08.05.02], [H8.08.05.03].

Trong tiến trình xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhấn mạnh triết lý khai phóng trong giáo dục, tạo động lực mới và sự thoải mái trong tư tưởng của toàn thể cán bộ, GV và SV [H1.01.01.05], [H4.04.01.01], [H6.06.01.01].

Ký túc xá nằm trong khuôn viên Trường nên rất thuận lợi cho SV về đời sống sinh hoạt và học tập. Mỗi khu ký túc xá có một phòng sinh hoạt văn hóa, có bàn ghế đầy đủ để học tập và xem ti vi [H8.08.05.04].

Để chuẩn bị tốt cho hoạt động học tập, vấn đề chăm sóc sức khỏe của SV cũng được quan tâm. Nhà trường tiến hành kí hợp đồng với các cơ sở y tế có uy tín để khám sức khỏe định kì hàng năm cho SV vào mỗi đầu năm học [H8.08.05.05]. Các tổ chức Đoàn, Hội thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về tư vấn tâm lý, sức khỏe sinh sản cho nữ SV [H8.08.05.06].

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong Trường cũng được chú trọng. Cụ thể, căn tin Nhà trường được tổ chức đấu thầu để lựa chọn những nhà thầu uy tín. Căn tin luôn phục vụ các món ăn đa dạng, giá cả hợp lý và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H8.08.05.07]. Công tác phòng chống cháy nổ cũng được chú trọng đầu tư. SV được phổ biến các kiến thức về phòng cháy, chữa cháy. Đồng thời, các khu vực làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành và các khu ký túc xá đều được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và được kiểm tra thường xuyên [H8.08.05.08]. Công tác bảo đảm an ninh trong Trường và trong khu vực cũng được Nhà trường phối hợp với các cơ quan an ninh và đội SV tự quản thực hiện nghiêm túc [H8.08.05.09].

Nhà trường đã tiến hành thực hiện lấy ý kiến khảo sát của SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong nhà trường thông qua Phiếu Khảo sát ý kiến phản hồi của SV năm cuối về CLĐT [H8.08.05.10], trên cơ sở đó có sự quan tâm, điều chỉnh kịp thời để có thể tạo môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan phù hợp, thuận lợi và thoải mái cho SV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có vị trí địa lý thuận lợi, quy hoạch tổng thể phù hợp tạo nên không gian thoải mái, thân thiện cho SV.

Nhà trường luôn đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự, an toàn và chăm sóc, tư vấn tâm lý, sức khỏe cho SV.

Thường xuyên lấy ý kiến khảo sát SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động tư vấn tâm lý cho SV còn ít. Không gian tự học của SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý và mở rộng không gian tự học cho SV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Phổ biến thường xuyên nếp sống văn minh trong Nhà trường, giữ gìn và cải thiện cảnh quan trong các buổi ngoại khóa, sinh hoạt lớp.	CVHT, Đoàn thanh niên, Hội SV	Từ năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Vấn đề y tế học đường và an toàn SV phải được quan tâm hàng đầu.	Trạm Y tế	Từ năm học 2024-2025	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Thường xuyên tổ chức lấy ý kiến khảo sát SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.	Phòng KT&BDCL	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chất lượng của SV và các hoạt động hỗ trợ SV luôn là vấn đề được Khoa TC-NH & QTKD quan tâm, nâng cao chất lượng của SV để qua đó nâng cao CLĐT là mục tiêu quan trọng của Khoa. Trong những năm qua, Chính sách tuyển sinh của Khoa luôn được xác định rõ ràng, được công bố công khai, cập nhật hàng năm và luôn thực hiện theo đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV được xác định rõ ràng và được đánh giá hàng năm.

Trong quá trình học tập tại Trường, SV luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV đã được xây dựng và áp dụng nhằm theo dõi sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện từng học kỳ của SV. Các hoạt động tư vấn của CVHT, hoạt động ngoại khóa thông qua chương trình của Đoàn, Hội và các câu lạc bộ đã giúp SV có

động cơ đúng đắn trong học tập và tích lũy những kỹ năng mềm cho bản thân. Ngoài ra, môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Trường đẹp đã phát huy sự sáng tạo và tạo sự thoải mái trong tâm trí của SV.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chung của các Trường đào tạo ngành QTKS thì số lượng SV đăng ký và thi tuyển vào ngành này có sự giảm sút trong những năm qua. Ngoài ra, trong những năm gần đây, số lượng SV thuộc diện cảnh báo, buộc thôi học của Khoa có sự gia tăng, do đó Khoa cần có những giải pháp mang tính đồng bộ để theo dõi sát sao hơn nữa sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện của SV.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Với bề dày 45 năm xây dựng và phát triển kể từ ngày thành lập, hiện nay Trường ĐHQN là một cơ sở GDĐH có hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành QTKS nói riêng. Trong những năm gần đây, nhằm góp phần nâng cao CLĐT, Nhà trường đã tập trung đầu tư các phòng học thông minh thuộc các hệ thống giảng đường và đầu tư phòng thực hành Tài chính – Kinh doanh, Trung tâm Thực hành Nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn cho các ngành đào tạo của Khoa, cải tạo, sửa chữa các khu làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành với hệ thống CNTT và các trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo và NCKH của SV, học viên và GV toàn Nhà trường nói chung và của ngành QTKS nói riêng. Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, các báo và tạp chí cần thiết; cảnh quan môi trường được xây dựng xanh - sạch - đẹp, đảm bảo về sức khỏe và trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ, GV, SV, học viên.

Nhà trường đã và đang quy hoạch mặt bằng tổng thể và các khu chức năng, trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà luyện tập thể dục, thể thao... với các trang thiết bị theo hướng ngày càng hiện đại; hoàn thiện các quy định về quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng học thông minh, phòng thực hành tin học, phòng Thực hành Tài chính – Kinh doanh, Trung tâm Thực hành Nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị, bao gồm bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in, hệ thống chiếu sáng, thông gió, máy lạnh, điều hòa nhiệt độ... an toàn và phù hợp để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường bố trí 02 phòng làm việc cho GV và bộ phận văn phòng của Khoa tại nhà 15 tầng **[H9.09.01.01]**. Ngoài việc bố trí Văn phòng khoa tại tòa nhà 15 tầng, các GV còn được bố trí sử dụng chung ba phòng làm việc tại khu giảng đường A6, các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các tiện nghi như: bàn, ghế làm việc, tủ kệ đựng tài liệu, kết nối wifi đủ mạnh để các GV, học viên thực hiện nghiên cứu và làm việc tại Trường **[H9.09.01.02]**. Trung tâm thực hành nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn, phòng Thực hành Tài chính – Kinh doanh, văn phòng khoa được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, có kết nối mạng internet, mạng wifi... phù hợp với định mức của Nhà trường **[H9.09.01.03]**, **[H9.09.01.04]**. Hệ thống máy tính tại văn phòng Khoa được cài đặt các phần mềm quản lý hoạt động đào tạo như đăng ký tín chỉ, quản lý thi học phần... **[H9.09.01.05]**.

Nhà trường hiện 8 hệ thống giảng đường từ A1 đến A8 và tòa nhà đào tạo trung tâm với hơn 144 phòng học từ 30 chỗ ngồi đến trên 200 chỗ ngồi, đủ để đáp ứng các hoạt động đào tạo của ngành QTKS **[H9.09.01.06]**. Các phòng học lớn, nhỏ và phòng thực hành, phòng NCKH, Trung tâm Thực hành Nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn, phòng Thực hành Tài chính – Kinh doanh được bố trí hợp lý **[H9.09.01.07]**; được trang bị đầy đủ bàn, ghế, quạt, máy chiếu, thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống wifi **[H9.09.01.08]**.

Phòng hội thảo khoa học bao gồm 3 phòng ở nhà 15 tầng, 01 phòng nhà 4 tầng, 3 hội trường lớn, được trang bị đầy đủ CSVC và hệ thống wifi **[H9.09.01.04]**. Phòng

đọc phục vụ NCKH tại Thư viện có khoảng 700 chỗ ngồi, với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác tài liệu của cán bộ, GV, SV và học viên [H9.09.01.09].

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều có sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.01.10]. Các bộ phận chức năng của Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, SV về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị [H9.09.01.11], [H9.09.01.12]. Thông qua đó, Nhà trường dành ngân sách đầu tư CSVC và trang thiết bị, xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính [H9.09.01.13], [H9.09.01.14], [H9.09.01.15].

Nhà trường đã đầu tư và đưa vào vận hành Trung tâm Thực hành Nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn, các phòng học thông minh tại các giảng đường và phòng Thực hành Tài chính – Kinh doanh với các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm đào tạo có bản quyền nhằm tăng tính hiệu quả trong hoạt động đào tạo và thực hiện theo đúng định hướng ứng dụng của Nhà trường [H9.09.01.16]. Với các CSVC được đầu tư trong thời gian vừa qua đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo ngành QTKS và nhìn chung, cán bộ, GV, nhân viên và SV của Khoa TC-NH & QTKD đều cảm thấy hài lòng với CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Có hệ thống giảng đường, số lượng phòng học đủ để đảm bảo hiệu quả cho hoạt động giảng dạy, đào tạo của Nhà trường. Có đầy đủ các phòng hội thảo, hội trường để tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học. Nhà trường đã bố trí các phòng làm việc chung cho toàn bộ GV của Nhà trường, để GV có nơi làm việc và NCKH.

Hệ thống văn phòng, phòng làm việc cho các Khoa được trang bị đầy đủ, đảm bảo tiện nghi cho hoạt động phục vụ đào tạo. Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các trang thiết bị luôn được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đã đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo, NCKH... của ngành QTKS.

3. Điểm tồn tại

Việc quản lý và khai thác các phòng học ở các khu giảng đường còn mang nặng tính thủ công. Hiện nay nhà trường chưa có phòng làm việc riêng cho các bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần áp dụng biện pháp quản lý và khai thác hiệu quả các phòng học ở các khu giảng đường để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, GV và SV, đồng thời bố trí phòng làm việc riêng cho các bộ môn.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục vận hành phòng học thông minh, phòng thực hành nghiệp vụ cho Khoa nhằm tăng tính thực hành cho SV và qua đó đạt được mục tiêu đào tạo ngành QTKS theo định hướng ứng dụng.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Từ năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên đầu tư, nâng cấp tiện nghi cho hệ thống văn phòng, phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các trang thiết bị nhằm đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo, NCKH.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện tọa lạc trên khuôn viên phía Đông Bắc của Trường với diện tích sàn xây dựng là 3.339 m², bao gồm: tòa nhà thư viện trung tâm 3 tầng, được xây dựng theo kiến trúc Pháp cổ và dãy nhà trệt liền kề. Cấu trúc của Thư viện bao gồm: 01 phòng giáo trình, 2 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 01 phòng seminar toán học, 2

phòng truy cập internet (với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao), 01 phòng đọc thân thiện, 7 phòng tự học. Tất cả các phòng có kết nối với nhau và có sơ đồ bố trí cụ thể để phục vụ cho nhu cầu đọc, học của SV một cách hiệu quả [H9.09.02.01]. Nhằm định hướng cho bạn đọc, Thư viện đã gắn các bảng hướng dẫn tra cứu tài liệu tại lối đi hành lang, bên trong các phòng đọc, phòng truy cập internet, trên website của đơn vị, đồng thời đã ban hành Nội quy sử dụng thông tin tư liệu [H9.09.02.02], cung cấp đầy đủ các văn bản, thông báo công khai trên website của Thư viện như quy định thời gian phục vụ, quy định đèn sách... [H9.09.02.03].

Hàng năm, vào đầu năm học, Thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV cách sử dụng thư viện [H9.09.02.04]. Thư viện thực hiện thống kê số lượt SV đến thư viện (phòng internet, phòng đọc, phòng mượn) để quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động của Thư viện [H9.09.02.05]. Trong những năm gần đây, Thư viện thường xuyên đề xuất, lập kế hoạch dự toán mua, bổ sung, cập nhật và đa dạng hóa các loại sách, giáo trình, báo, tạp chí, tài liệu nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH cho GV và SV [H9.09.02.06]. Hiện nay, Thư viện đang phục vụ gần 30.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), hơn 2.500 luận văn, luận án, đồ án các loại, gần 100 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài, hơn 500 tài liệu giảng dạy các học phần...

Bên cạnh đó, Thư viện đã ứng dụng những tiến bộ trong khoa học công nghệ để xây dựng và phát triển nguồn tài liệu điện tử. Hiện tại, Thư viện đã đạt được thỏa thuận hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử. Thư viện đã tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam và mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu, gồm: Cơ sở dữ liệu ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu Khoa học & Công nghệ Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu). Ngoài ra, Thư viện cũng được quyền khai thác Cơ sở dữ liệu MathSciNet (do American Mathematical Society phát hành), mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến [H9.09.02.07], [H9.09.02.08], [H9.09.02.09]. Thư viện cũng đã tiếp nhận các ĐCCTHP của các khoa trong Nhà trường, trong đó có ngành QTKS [H1.01.01.07].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, Thư viện thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của SV, trong đó tập trung vào các nội dung như đánh giá mức độ đầy đủ, phong phú của nguồn tài liệu; thái độ và tinh thần phục vụ của các cán bộ nhân viên; mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Thư

viện. Qua khảo sát, Trung tâm đã đánh giá được những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động của Thư viện, từ đó rút kinh nghiệm và có những biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại, phát huy ưu điểm, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ **[H9.09.02.10]**.

2. Điểm mạnh

Nguồn tài liệu được Thư viện cập nhật, bổ sung thường xuyên. Việc xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu điện tử đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần chưa có đủ tài liệu tham khảo tại Thư viện.

Quy mô và cơ sở vật chất tại các phòng đọc, phòng tự học vẫn chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và NCKH của GV và SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thường xuyên mua mới, bổ sung giáo trình, sách chuyên khảo và tạp chí về ngành QTKS. Có thể mua qua các kênh bán hàng trên thị trường và cả các mối quan hệ cá nhân.	Thư viện	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng phòng đọc, phòng tự học có quy mô và chất lượng cao, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và SV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đổi mới và cập nhật kho dữ liệu của thư viện, bổ sung thêm các tạp chí khoa học chuyên ngành.	Thư viện	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN đã xây dựng và đưa vào vận hành nhiều hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành, đặc biệt là Trung tâm Thực hành nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn, với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. SV Khoa TC-NH & QTKD được sử dụng các phòng thực hành tin học ở Nhà 4 tầng. Mỗi phòng thực hành tin học được trang bị 40 máy tính với các phần mềm tin học và các thiết bị cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của SV **[H9.09.03.01]**. Ngoài ra, Nhà trường hiện đã bố trí 2 phòng học thông minh ở A1, đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng phòng thực hành chứng khoán ảo ở A5 để phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo các học phần của ngành QTKS **[H9.09.03.02]**.

Nhà trường đã bố trí nhân viên phụ trách, ban hành quy định quản lý về thực hành, các tài liệu hướng dẫn sử dụng phòng thực hành tin học, sổ ghi lịch thực hành **[H9.09.03.03]**.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê, rà soát chất lượng và bảo dưỡng, sửa chữa, cập nhật, bổ sung các trang thiết bị trong hệ thống các phòng thực hành để phục vụ tốt hơn cho SV **[H9.09.03.04]**.

Ngoài ra, Nhà trường còn triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về mức độ đáp ứng của hệ thống trang thiết bị và chất lượng phục vụ của hệ thống các phòng thực hành **[H9.09.03.05]**, từ đó đưa ra giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã bố trí đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu ngành QTKS. Phòng thực hành được trang bị nhiều thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Các phòng thực hành đều có nhân viên phụ trách, có hồ sơ theo dõi để quản lý việc sử dụng các trang thiết bị.

3. Điểm tồn tại

Các trang thiết bị tiêu chuẩn cao trong Trung tâm Thực hành nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn chưa được đầu tư đầy đủ. Các trang thiết bị còn lại trong phòng thực hành của Trung tâm chưa được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhanh chóng đầu tư thêm CSVC, trang thiết bị tiêu chuẩn cao cũng như duy tu, bảo dưỡng hệ thống các trang thiết bị đã có trong Trung tâm Thực hành nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu của GV và SV ngành QTKS.	Trường ĐHQN, Phòng CSVC	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường cần tiếp tục đầu tư, hoàn chỉnh CSVC tại các phòng thực hành, đặc biệt là Trung tâm Thực hành Nghiệp vụ Lữ hành & Khách sạn.	Trường ĐHQN, Phòng CSVC	Từ năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công trong Nhà trường để đảm bảo hiệu quả. Đội ngũ nhân viên phụ trách ở các phòng thực hành, thường xuyên ghi sổ theo dõi lịch thực hành để đảm bảo hiệu quả sử dụng các trang thiết bị.	Trường ĐHQN, Phòng CSVC	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN có hệ thống CNTT được đầu tư tập trung và có khả năng đáp ứng khá tốt cho các hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV [H9.09.04.01], [H9.09.04.02]. Nhà trường hiện có 14 phòng máy tính với 715 máy được bố trí tại nhà A7 và nhà 4 tầng để phục vụ hoạt động thực hành tin học đại cương

và tin học chuyên ngành cho nhiều ngành khác nhau, đảm bảo 100% SV có máy tính để thực hành; 02 máy tính với 60 máy tại Thư viện đáp ứng yêu cầu khai thác tư liệu của SV, và 308 máy tính tại các phòng làm việc của các Khoa, phòng ban và đơn vị trực thuộc [H9.09.04.03]. Ngoài ra, các phòng học cũng được trang bị hệ thống máy chiếu, micro, loa để phục vụ công tác giảng dạy [H9.09.04.02].

Nhà trường đã sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, hoạt động đào tạo và NCKH như phần mềm kế toán MISA, phần mềm diệt vi-rút BKAV, phần mềm quản lý đào tạo, quản lý tài sản [H9.09.04.04]. Nhà trường thực hiện kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng CNTT, tăng cường đầu tư về hạ tầng CNTT. Nhà trường hợp đồng với công ty PSC để nâng cấp và hoàn thiện website Trường, Khoa, hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phần mềm tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), phần mềm E-Office, Tạp chí online (JMS), cổng thông tin điện tử (Portal), đồng bộ dữ liệu E-Learning Extention [H9.09.04.05], [H9.09.04.06].

Về hạ tầng mạng, toàn trường hiện đang sử dụng hai đường cáp quan tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng tra cứu thông tin tại Trung tâm TTTL, phòng Lab, nhà 15 tầng, nhà 4 tầng, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường [H9.09.04.07]; 01 đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website [H9.09.04.08], hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường còn triển khai lắp đặt hệ thống internet, wifi phục vụ SV tại các khu ký túc xá; triển khai đăng nhập Internet Wifi Trường bằng tài khoản dành cho viên chức, SV, khách đến làm việc nhằm tăng cường công tác bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin và nâng cao chất lượng dịch vụ internet; bên cạnh đó, Nhà trường còn triển khai thực hiện lắp đặt hệ thống camera quan sát an ninh, trật tự để đảm bảo an ninh, an toàn [H9.09.04.09].

Nhà trường đã cấp tài khoản email với tên miền @qnu.edu.vn, tài khoản Microsoft Office 365 cho toàn thể cán bộ, GV, viên chức; ngoài ra, Nhà trường cũng triển khai cấp tài khoản email cho SV với tên miền @st.qnu.edu.vn [H9.09.04.10]. Ngoài ra, Nhà trường đã thành lập Trung tâm CNTT và Truyền thông có trách nhiệm duy trì hoạt động website của Nhà trường, là đầu mối tiếp nhận xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính. Trung tâm đã bố trí chuyên viên phụ trách hệ

thống mạng, hệ thống máy tính, phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống ngày càng hiệu quả [H9.09.04.11]. Bên cạnh đó, toàn bộ các công thông tin, hệ thống email công vụ, các phần cứng lẫn phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế kịp thời đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt. Quá trình sử dụng các thiết bị CNTT đều được ghi chép trong các sổ theo dõi [H9.09.04.12]. Khoa TC-NH & QTKD cũng thường xuyên cập nhật thông tin trên website của Khoa ngoài ra đội ngũ chuyên viên, GV thường xuyên tham gia các buổi tập huấn sử dụng hệ thống E-learning và phần mềm Portal nhằm phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV [H9.09.04.13].

Nhằm nâng cao chất lượng hệ thống CNTT, hàng năm Nhà trường sẽ tiến hành lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học cho hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn cán bộ, GV và SV đều hài lòng với hệ thống CNTT của Nhà trường [H9.09.04.14], [H5.05.03.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống CNTT với các phòng máy và máy tính được đầu tư tập trung và có khả năng đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV. Đồng thời, các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý, hoạt động đào tạo, NCKH được cập nhật thường xuyên qua các năm. Hạ tầng cáp quang internet được Nhà trường đầu tư, nâng cấp ở các khu giảng đường, khu nghiên cứu và khu văn phòng để phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy và học. Hàng năm, hệ thống CNTT được Nhà trường kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa và nâng cấp kịp thời, đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn.

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về hệ thống CNTT hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH luôn được thực hiện đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Máy tính tại một vài phòng làm việc và phòng thực hành đã được sử dụng trong nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của cán bộ, GV và học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần rà soát và đầu tư thay mới các máy tính có cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm ở các phòng máy thực hành tin học và tại các phòng làm việc của các khoa và phòng ban chức năng.	Phòng CSVC, Trung tâm CNTT và Truyền thông	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, kịp thời phát hiện hư hỏng để sửa chữa hoặc thay mới hệ thống CNTT. Thường xuyên cập nhật các phần mềm mới nhất để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV ngày càng hiệu quả.	Phòng CSVC, Trung tâm CNTT và Truyền thông	Từ năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về hệ thống CNTT hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH.	Phòng KT&BDCL	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, ký túc xá, nhà ăn, căn tin... đều công khai các bảng nội quy, quy định [H8.08.05.02]. Trạm Y tế phối hợp với các bệnh viện ở thành phố Quy Nhơn khám sức khỏe định kỳ mỗi năm một lần cho SV và thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn

thực phẩm **[H8.08.05.04]**, **[H8.08.05.07]**. Đặc biệt, những SV khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở ký túc xá tầng 1 và khám sức khỏe theo nhu cầu **[H8.08.05.05]**.

Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống nước thải sinh hoạt đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường. Các hóa chất độc hại ở khu thí nghiệm được Nhà trường quản lý nghiêm ngặt và thường xuyên đánh giá quan trắc môi trường **[H9.09.05.01]**.

Trường ĐHQN luôn quan tâm xây dựng nội quy an ninh bảo vệ trật tự. Đặc biệt, an ninh trật tự trong ký túc xá luôn được Nhà trường chú trọng. Đội SV tự quản không những tham gia vào công tác an ninh trật tự mà còn tích cực trong công tác vận động, tuyên truyền lối sống văn minh, lành mạnh và đúng pháp luật. Bên cạnh đó, đội ngũ này còn là nơi cung cấp những nguồn tin quan trọng về những thay đổi, biến động liên quan đến tư tưởng chính trị của SV. Chính vì vậy, đội tự quản có vai trò quan trọng trong việc nắm rõ tình hình trong đời sống SV, từ đó Tổ quản lý ký túc xá nắm được thông tin để có kế hoạch kịp thời nhằm ngăn chặn những hành vi đáng tiếc có thể xảy ra, góp phần tạo sự an toàn trong ký túc xá **[H8.08.05.09]**. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ **[H8.08.05.07]**.

Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, GV và SV về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự; thông tin phản hồi là một cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường ngày càng đẹp, cán bộ, GV, viên chức và SV được làm việc, học tập và nghiên cứu trong môi trường an toàn, văn hóa **[H8.08.05.10]**.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn thường xuyên được Nhà trường quan tâm thông qua việc đăng ký và tổng kết các công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho SV; khuôn viên Nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp. Trạm Y tế của Trường đáp ứng tốt nhu cầu y tế ban đầu của SV; định kỳ tổ chức khám sức khỏe; phun thuốc diệt côn trùng.

Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của GV, SV về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự.

3. Điểm tồn tại

Chính sách quan tâm đến người khuyết tật còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở sự bố trí vào ký túc xá tầng 1. Một số công trình chưa đáp ứng được yêu cầu dành cho người khuyết tật (khu giảng đường, nhà vệ sinh...).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết, gìn giữ và phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp, thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, tạo điều kiện cho cán bộ và nhân viên tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an ninh, an toàn trong toàn trường.	Đoàn thanh niên, Hội SV, Trạm y tế và các CVHT	Từ năm học 2024 – 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Định kỳ tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của GV, SV về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự.	Phòng KT&BDCL	Hàng năm, từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Trường ĐHQN trang bị đầy đủ CSVC và trang thiết bị để đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, SV ngành QTKS. Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào

tạo và NCKH. Các trang thiết bị trang bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, nâng cấp để đạt hiệu quả sử dụng tốt nhất. Các tài liệu và học liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo được trang bị đầy đủ và hàng năm cập nhật trong thư viện của Nhà trường. Ngoài ra, thư viện của Nhà trường có hệ thống phòng đọc, phòng tự học cho SV, học viên.

Nhà trường đã đầu tư và đưa vào hoạt động các phòng học thông minh, các phòng làm việc cho GV và đang thực hiện đầu tư phòng thực hành nghiệp vụ cho Khoa TC-NH & QTKD. Hệ thống CNTT của Nhà trường đầu tư đã hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH tại Trường. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho cán bộ, GV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, GV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

Tuy nhiên, việc quản lý và khai thác các phòng làm việc, phòng chức năng chưa thực sự hiệu quả, việc quản lý các phòng học ở các khu giảng đường còn mang nặng tính thủ công.

Giáo trình, sách chuyên khảo của ngành QTKS còn hạn chế, cơ sở vật chất tại các phòng đọc, phòng học vẫn chưa thể đáp ứng hết nhu cầu hoạt động đào tạo và NCKH của GV và SV. Một số trang thiết bị tại các phòng thực hành đã sử dụng nhiều năm, đã có tình trạng xuống cấp và hao mòn nên có thể gây bất tiện cho SV.

Tiêu chuẩn 9 có 2 tiêu chí đạt mức 6/7, 2 tiêu chí đạt mức 5/7 và 1 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Với tầm nhìn đến năm 2030 các ngành đào tạo của Khoa TC-NH & QTKD sẽ đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á, đảm bảo cho SV khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu, do vậy, bên cạnh các ngành đào tạo khác, Khoa TC-NH & QTKD luôn xác định việc nâng cao chất lượng đối với các ngành QTKS, đặc biệt trong giai đoạn 2020 – 2030, là mục tiêu quan trọng hàng đầu, từ đó dần khẳng định thương hiệu đào tạo của Khoa. Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, Khoa đã tự nghiên cứu và phát triển có hệ thống CTĐT, không ngừng thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, SV, bộ phận phục vụ

đào tạo, cựu SV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH, cùng với đó Khoa cũng luôn quan tâm tới công tác đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành QTKS được thiết kế và phát triển dựa trên CTĐT và CDR ngành QTKS. Theo đó, năm 2020 cùng với CTĐT thì CTDH ngành QTKS lần đầu tiên được thiết kế, sau đó được phát triển vào năm 2022. Có thể nói, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKS đã được thực hiện dựa trên thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên có liên quan nên có tính thực tiễn cao, phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKS được thực hiện dựa trên kết quả khảo sát về nhu cầu thị trường lao động nên có tính thực tiễn cao [H1.01.01.08]. CTDH ngành QTKS cũng được thiết kế và phát triển dựa vào quy định, kế hoạch và kết quả khảo sát về đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, kết quả khảo sát SV năm cuối từ Nhà trường [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H1.01.03.03]. Đặc biệt, việc khảo sát nhu cầu năng lực các cơ quan, doanh nghiệp, đối tác; mở rộng hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp từ phía Nhà trường trong năm 2023 sẽ là cơ sở quan trọng để Khoa TC-NH&QTKD phát triển CTDH ngành nghề QTKS trong những năm tới, phù hợp với đặc thù ngành nghề cần có tính thực tế cao [H10.10.01.01], [H10.10.01.02].

Ngoài ra, Khoa TC-NH & QTKD đã tiến hành xây dựng và đổi mới CTDH ngành QTKS dựa trên kết quả khảo sát đánh giá nhu cầu, ý kiến đóng góp của các GV trong bộ môn, thành viên Hội đồng khoa và các bên có liên quan [H1.01.02.05], [H1.01.01.06], [H1.01.02.06], [H1.01.03.03], [H1.01.03.08], [H2.02.01.03]. Bên cạnh đó, Khoa TC-NH & QTKD cũng tổ chức nhiều hội thảo để lấy ý kiến phản hồi về chất lượng CTDH ngành QTKS từ các bên liên quan, như các chuyên gia, các đơn vị sử dụng lao động, SV, cựu SV, các cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKS [H1.01.02.07], [H1.01.03.01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết

kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan như: cán bộ quản lý, GV, SV và nhà tuyển dụng...

CTDH của ngành QTKS đã được thiết kế và phát triển dựa trên cơ sở thông tin phản hồi từ các bên có liên quan thông qua các quy định, kế hoạch tổ chức thực hiện của Nhà trường và Khoa nhằm đáp ứng với CDR.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến đánh giá của các bên có liên quan, đặc biệt là đơn vị tuyển dụng, cựu SV về CTDH vẫn chưa được thực hiện thường xuyên qua các năm học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng, cựu SV đánh giá CTDH hàng năm làm cơ sở phát triển CTDH có tính cập nhật với nhu cầu thực tiễn.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan.	Trường ĐHQN	Từ năm 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thiết kế, cải tiến và phát triển CTDH từ ý kiến đóng góp của các bên liên quan và đảm bảo thực hiện theo đúng quy trình, kế hoạch.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên văn bản Quyết định về xây dựng, phát triển CTĐT và quy trình mở

ngành đào tạo trình độ đại học ban hành vào tháng 12/2019, CTDH ngành QTKD mới được thiết kế vào năm 2020, cùng với việc phát triển CTĐT ngành QTKS trong năm này. Quy định đã xác định rõ các thành phần của CTDH bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo và thường lượng đối với mỗi ngành học, mỗi ngành học và những thông tin khác. Ngoài ra, trong quy định cũng xác định rõ quy trình thiết kế CTDH cùng với CTĐT bao gồm 10 bước; quy trình phát triển CTDH cùng với CTĐT bao gồm 5 bước và cần thực hiện ít nhất 2 năm một lần nhằm đảm bảo tính cập nhật với thực tiễn từ nhu cầu thị trường lao động **[H5.05.01.10]**. Trước khi ban hành Quyết định về xây dựng, phát triển CTĐT và quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học ban hành vào tháng 12/2019, Nhà trường đã ban hành dự thảo lấy ý kiến của toàn bộ cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động trong Nhà trường. Ý kiến làm căn cứ quan trọng để Nhà trường chỉnh sửa và ban hành Quyết định thực thi trong toàn trường.

Năm 2022, CTDH ngành QTKS được phát triển căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường nhằm rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT **[H1.01.03.07]**. Ngoài ra, CTDH ngành QTKS được phát triển dựa trên quy định mới về xây dựng thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường ĐH Quy Nhơn ban hành vào tháng 12/2022. Quy định mới này được xây dựng dựa trên cơ sở lấy ý kiến sửa đổi của toàn bộ cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động trong Nhà trường. Trong quy định mới này, các thành phần trong CTDH không thay đổi nhưng quy trình thiết kế CTDH cùng với CTĐT thay đổi bao gồm 11 bước, bổ sung thêm bước quy định chi tiết về quy trình xây dựng CDR của CTĐT; quy trình phát triển CTDH cùng với CTĐT bao gồm 6 bước, bổ sung thêm bước quy định chi tiết về quy trình cập nhật CDR của CTĐT. Việc phát triển CTDH cùng với CTĐT vẫn quy định thực hiện ít nhất 2 năm một lần nhằm đảm bảo tính cập nhật với thực tiễn từ nhu cầu thị trường lao động **[H10.10.02.01]**. Căn cứ vào quy định mới này Khoa TC-NH&QTKD đã thực hiện cải tiến CTDH ngành QTKS trong năm 2022, CTDH chủ yếu chỉnh sửa trọng số điểm môn học theo thang điểm đánh giá linh hoạt hơn tùy vào đặc điểm của từng học phần; và gia tăng điểm quá trình nhằm đánh giá toàn diện hơn năng lực của NH **[H1.01.01.02]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKS. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đánh giá; rà soát và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKS.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKS chưa đầy đủ khi chỉ mới được thực hiện đối với cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động trong Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKS.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng việc lấy ý kiến phản hồi của SV, đơn vị sử dụng lao động làm cơ sở cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình dạy và học ngành QTKS tại Khoa TC-NH & QTKD được thực hiện thông qua Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy và học các ngành đào tạo trình độ đại học [H10.10.03.01]. Việc đánh giá quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá hàng năm được thực hiện theo kế hoạch để đảm bảo thực hiện được CDR đã công bố

[H10.10.03.02]. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường đều có bảng Kế hoạch giảng dạy đại học, cao đẳng hệ chính quy chung cho cả trường, điều này giúp các Khoa chủ động trong công tác giảng dạy cả năm học **[H3.03.03.02]**. Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy, không chính quy, sau đại học, Phòng Thanh tra – Pháp chế lập báo cáo thanh tra nề nếp giảng dạy và học tập; việc tuân thủ chế độ làm việc của các đơn vị trong Nhà trường **[H10.10.03.03]**. Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra công tác giảng dạy của GV và nề nếp học tập của SV, Phòng Thanh tra – Pháp chế của Nhà trường định kỳ thanh tra việc tổ chức thi kết thúc học phần của từng Khoa nhằm đảm bảo tính nghiêm túc, đúng quy định trong công tác tổ chức thi **[H10.10.03.04]**. Ngoài ra, Phòng Thanh tra – Pháp chế của Nhà trường cũng định kỳ tiến hành thanh tra việc vào điểm và quản lý điểm của trợ lý Khoa để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và chính xác **[H10.10.03.05]**. Sau khi kết thúc học kỳ, Nhà trường đều có kế hoạch và báo cáo lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV làm cơ sở đảm bảo sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học với CDR **[H4.04.02.05]**, **[H4.04.02.06]**. Trong quá trình đào tạo, Khoa TC-NH & QTKD đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến đánh giá của các bên nhằm đổi mới phương pháp dạy và học, tổ chức thực tập cho GV và SV **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.03.01]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của SV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

Các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT được rà soát, đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

3. Điểm tồn tại

Đề thi kiểm tra đánh giá học phần chưa được thiết kế dựa trên thang điểm đánh giá năng lực học tập của SV nên việc phân loại và đánh giá kết quả học tập chưa đạt độ chính xác cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng thang điểm đánh giá trong đề thi phù hợp với năng lực học tập của SV.	Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Hoàn thiện các quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của SV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên kiểm tra, đánh giá phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.	Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của NCKH ở cơ sở GDĐH, Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đã xác định NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đồng thời cũng là hoạt động được khuyến khích đặc biệt, được thể hiện rõ trong việc Nhà trường và Khoa luôn coi kết quả NCKH là một trong những căn cứ quan trọng để xếp hạng thi đua đối với GV của Nhà trường, từ đó tạo động lực NCKH đối với tất cả GV trong Trường nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng [H06.06.02.04], [H06.06.03.01].

Đáp lại các chính sách khuyến khích NCKH cùng với sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường và Khoa, số lượng đề tài KH&CN cấp Trường do GV ngành QTKS đăng ký và tham gia làm thành viên hoặc chủ trì đã tăng dần qua các năm, cụ thể trong giai đoạn 2017-2022, GV ngành QTKS đã thực hiện 13 đề tài NCKH cấp trường **[H10.10.04.03]**. Ngoài ra GV ngành QTKS còn tham gia thực hiện 2 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp tỉnh trong đó, các đề tài đã cam kết sử dụng kết quả đề tài để đào tạo Thạc sĩ, cử nhân, xuất bản sách chuyên khảo phục vụ đào tạo, đăng các bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành **[H10.10.04.04]**. Bên cạnh đó, đội ngũ GV ngành QTKS còn chủ động công bố các công trình NCKH trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế với số lượng ngày càng nhiều và chất lượng ngày càng tăng, cụ thể, tính từ năm học 2018 – 2019 đến nay đã có 87 bài đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước có uy tín và 17 bài đăng trên tạp chí nước ngoài thuộc danh mục ISI/WoS/Scopus, 42 bài báo cáo đăng trên kỷ yếu của Hội thảo khoa học quốc tế và 10 báo cáo đăng trên kỷ yếu của Hội thảo khoa học trong nước **[H10.10.04.05]**. Kết quả NCKH của GV được sử dụng để hướng dẫn các đề tài NCKH SV hay các khóa luận tốt nghiệp cho SV **[H10.10.04.06]**.

Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa TC-NH & QTKD đã tổ chức thành công một số hội thảo liên quan tới ngành QTKS với nhiều báo cáo được trình bày có chủ đề liên quan tới việc đánh giá CLĐT, CTĐT, chất lượng giảng dạy của GV, tình hình việc làm của SV ngành QTKS sau khi ra trường, đặc biệt có một nghiên cứu về cải tiến các phương pháp dạy học áp dụng tại Khoa TC-NH & QTKD và đó chính là các căn cứ quan trọng giúp cải tiến CTĐT cũng như phương pháp dạy học ngành QTKS **[H10.10.04.07]**. Nhiều cán bộ GV của Khoa cũng tích cực tham gia và trình bày các kết quả nghiên cứu tại nhiều hội nghị, hội thảo cấp Nhà nước hoặc quốc tế liên quan tới lĩnh vực QTKS nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành và hợp tác NCKH trong nước và quốc tế **[H10.10.04.08]**. Cùng với đó, Khoa, Bộ môn cũng tổ chức các buổi seminar để áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV **[H10.10.04.09]**.

2. Điểm mạnh

GV đã có nhiều đề tài NCKH liên quan chặt chẽ tới việc dạy và học, đảm bảo được sự gắn kết giữa NCKH với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng trong CTĐT ngành QTKS.

Khoa TC-NH & QTKD cũng đã tổ chức một số hội thảo khoa học hay seminar với chủ đề liên quan tới việc cải tiến các phương pháp dạy học của GV và hoạt động học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Trong các đề tài NCKH do GV thực hiện chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành QTKS.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường thực hiện các đề tài NCKH về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành QTKS.	Khoa TC-NH & QTKD, GV ngành QTKS	Từ năm 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Khuyến khích các nghiên cứu mang tính thời sự và cấp thiết liên quan tới lĩnh vực QTKS, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và phục vụ cộng đồng.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm 2024 – 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học hay seminar với chủ đề liên quan tới việc cải tiến các phương pháp dạy học của GV và hoạt động học tập của SV.	Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức được tầm quan trọng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này đối với CLĐT, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các

dịch vụ hỗ trợ và tiện ích từ đó thường xuyên đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của GV và SV trong Trường giai đoạn 2017-2022 **[H1.01.03.02]**.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, sự phục vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ khác) được Nhà trường giám sát, đánh giá thông qua các đợt khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng CTĐT (13 tiêu chí) **[H10.10.05.02]**. Kết quả khảo sát SV năm cuối trong năm học 2018 - 2019 cho thấy: tỷ lệ SV ngành QTKS rất hài lòng và hài lòng về CSVC, các hoạt động hỗ trợ, môi trường, cảnh quan chiếm tỷ trọng cao **[H10.10.05.03]**. Kết quả khảo sát này sẽ là căn cứ quan trọng để cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của SV trong các năm tiếp theo.

Cùng với việc khảo sát đối tượng là SV năm cuối, Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát sự hài lòng SV đối với các hoạt động hỗ trợ đào tạo và sự hài lòng của GV đối với hoạt động hỗ trợ của viên chức các khoa, phòng, viện, trung tâm tại Nhà trường để có được thông tin toàn diện hơn. Kết quả khảo sát cho thấy, GV và SV khá hài lòng về sự phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích **[H10.10.05.04]**, **[H10.10.05.05]**.

Nhằm đảm bảo tính chất sâu sát và thường xuyên cập nhật thông tin phản hồi, hàng tháng Nhà trường luôn duy trì chế độ sinh hoạt lớp vào tiết cuối ngày thứ 6 của tuần cuối cùng mỗi tháng. Trong các buổi sinh hoạt lớp này, các ý kiến phản hồi của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích sẽ được ghi vào biên bản sinh hoạt lớp. Phòng CTCT & SV sẽ tập hợp các ý kiến phản hồi của SV và phản ánh trong cuộc họp giao ban để Nhà trường kịp thời sửa chữa hoặc nâng cấp chất lượng các dịch vụ và tiện ích **[H10.10.05.06]**. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo Khoa cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp với các lớp trưởng, bí thư, chi hội trưởng các lớp để tập hợp các ý kiến phản hồi của SV và sau đó phản ánh trong các cuộc họp giao ban của Nhà trường **[H10.10.05.07]**.

Sau khi nhận được kết quả đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích từ các cuộc khảo sát kết hợp với thông tin phản ánh của Phòng CTCT & SV và Lãnh đạo các khoa trong các cuộc họp giao ban, Nhà trường điều cử tổ

công tác đến xác minh. Định kỳ hàng năm Nhà trường sẽ thành lập Tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới **[H10.10.05.08]**. Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường đã có những hoạt động cải thiện chất lượng hỗ trợ và tiện ích nổi bật như sửa chữa CSVC, mua sắm thiết bị và phần mềm để xây dựng phòng học thông minh (Smart class) trong đó có triển khai 1 phòng thực hành Tài chính – Kinh doanh, Trung tâm Thực hành Nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn đáp ứng nhu cầu thực hành và giúp chuẩn bị tốt kỹ năng thực tế cho SV ngành QTKS trong tương lai **[H10.10.05.09]**.

Bên cạnh đó, để kịp thời đưa ra những cải tiến nhằm phục vụ người đọc được tốt hơn, hàng năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của người đọc về mức độ hài lòng đối với các hoạt động của Thư viện **[H10.10.05.10]**. Từ đó, Nhà trường sẽ đưa ra các biện pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện sau mỗi đợt khảo sát **[H10.10.05.11]**. Nhiều năm qua Thư viện đã tiếp thu các phản hồi, đánh giá từ SV, GV của Nhà trường và từng bước nỗ lực nâng cấp về cả CSVC lẫn chất lượng phục vụ người đọc. Cụ thể, Thư viện đã cải tạo và xây dựng nhằm cung cấp 700 chỗ ngồi (được quy hoạch thành các phòng tự học thoáng đãng, yên tĩnh), 01 kho sách Phòng giáo trình, 01 kho sách Phòng Đọc, 01 kho sách Phòng mượn, 01 kho Báo - Tạp chí, 2 phòng truy cập Internet với 60 máy tính kết nối mạng **[H10.10.05.12]**. Các tài liệu và học liệu của Thư viện luôn được cập nhật và mua bổ sung theo danh mục giáo trình và tài liệu được các GV đề xuất hàng năm **[H10.10.05.13]**. Thêm vào đó, thư viện còn có các cơ sở dữ liệu điện tử của Trung tâm học liệu - Đại học Cần Thơ; Cơ sở dữ liệu điện tử ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu thư viện Pháp luật online và Pháp lý khởi nghiệp tạo điều kiện tốt cho người đọc tìm kiếm tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu **[H10.10.05.14]**.

Hệ thống CNTT luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt từ mọi đối tượng, chính vì vậy luôn được Nhà trường liên tục nâng cấp, cụ thể là các thiết bị tin học cho hệ thống phòng học, phòng thực hành phục vụ hoạt động giảng dạy **[H10.10.05.15]**, cùng với đó Nhà trường cũng quan tâm trang bị máy tính, máy in cấu hình đồng bộ và kết nối mạng internet tốc độ cao cho các văn phòng làm việc của trường; các hoạt động tổ chức đào tạo của Nhà trường đều được quản lý bằng phần mềm **[H10.10.05.16]**. Từ năm học 2017-2018 đến nay, Nhà trường đã triển khai lắp đặt hệ thống wifi cho tất cả các phòng làm việc, thư viện, giảng đường và ký túc xá **[H10.10.05.17]**; Nhà trường

đã ký hợp đồng với công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện phần mềm Cổng thông tin điện tử, phần mềm đồng bộ dữ liệu E-Learning, phần mềm Tạp chí Khoa học online, phần mềm quản trị nhân sự và phần mềm kế toán thù lao giảng dạy [H10.10.05.18]. Ý kiến phản hồi của SV, GV trong các đợt khảo sát hàng năm chính là cơ sở xác đáng để Nhà trường ký kết hợp đồng với các công ty cung cấp dịch vụ [H10.10.05.19].

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện CSVC phục vụ trực tiếp cho việc học, Nhà trường luôn có những cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và tiện ích khác. Cụ thể, từ năm học 2018-2019 đến nay, Nhà trường triển khai việc lắp đặt thêm máy lọc nước sạch tại các giảng đường, nhà luyện tập thể dục thể thao, trạm y tế, thư viện [H10.10.05.20]. Bộ phận giữ xe của Nhà trường cũng đã ứng dụng CNTT trong việc theo dõi xe ra vào Trường [H10.10.05.21]. Các dịch vụ hỗ trợ khác trong Nhà trường như căn tin ký túc xá, quầy tạp hóa... Nhà trường đều tổ chức đấu giá công khai và rộng rãi qua Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản nhằm đảm bảo giá cả và chất lượng phục vụ cho SV [H10.10.05.22].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã kịp thời ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

3. Điểm tồn tại

Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành QTSK để phục vụ hoạt động nghiên cứu của cả GV và SV vẫn còn thiếu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư mua tài khoản các cơ sở dữ liệu quốc tế để phục vụ tốt hơn việc NCKH của khối ngành kinh tế, quản trị nói chung và ngành QTKS nói riêng.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2024 – 2025	

2	Phát huy điểm mạnh 1	Hoàn thiện các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.	Trường ĐHQN, Phòng CSVC	Từ năm học 2024 – 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của và tiện ích phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập; hiện đại hóa CSVC phòng học, thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ SV.	Trường ĐHQN, Phòng CSVC	Từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

KT&BDCL là những công tác cực kỳ quan trọng để cải thiện và nâng cao CLĐT, đặc biệt là trong bối cảnh Nhà nước chấp nhận một mức độ tự chủ cao hơn cho các trường đại học. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác KT&BDCL đối với sự phát triển của Nhà trường, Hiệu trưởng Trường ĐHQN đã ban hành Quyết định số 1301/QĐ-ĐHQN ngày 23 tháng 10 năm 2009 tách bộ phận KT&BDCL ra khỏi Phòng ĐTDH và Sau đại học để thành lập Phòng KT&BDCL. Phòng KT&BDCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, đảm bảo và kiểm định CLĐT cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo CLĐT. Hiện nay, Phòng KT&BDCL là đầu mối để tổ chức triển khai công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; phối hợp với các khoa thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT; lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, của SV năm cuối về chất lượng ngành đào tạo; tập huấn về đảm bảo chất lượng giảng dạy cho GV, viên chức Nhà trường; tham dự các khóa tập huấn về hoạt

động kiểm định chất lượng do Bộ GD&ĐT, các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức... [H10.10.06.01].

Sau khi tiến hành thực hiện các giải pháp nhằm cải tiến hệ thống khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, định kỳ hàng năm Phòng KT&BDCL đều có văn bản báo cáo đánh giá về công tác khảo sát cùng với các đề xuất, kiến nghị Nhà trường cải tiến công tác này trong thời gian tiếp theo [H10.10.06.02]. Đến năm học 2017-2018, Nhà trường đã quyết định trang bị phần mềm khảo sát ý kiến phản hồi E-survey tích hợp cùng với phần mềm Quản lý đào tạo để khắc phục các nhược điểm của cách thức khảo sát qua phần mềm trước đó. Kết quả là, công tác thu thập thông tin phản hồi đã được cải tiến tốt hơn, có tính hệ thống và đạt hiệu quả cao hơn [H10.10.06.03]. Bên cạnh đó, nhằm cung cấp một văn bản chính thức giúp đảm bảo việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học; phương pháp đa dạng; công cụ khảo sát có độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật; có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường đã thông qua việc ban hành “*Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN*” vào năm 2018. Văn bản này cũng quy định cụ thể mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN về chất lượng hoạt động giảng dạy; CTĐT, CĐR; tình hình việc làm; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo một cách rõ ràng, cụ thể và công khai minh bạch [H10.10.06.04]. Ngoài ra, hệ thống bảng hỏi luôn có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được các thông tin chuẩn xác và phù hợp nhất phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và công tác cải tiến CTĐT và CTDH của ngành QTKS nói riêng. Nhằm đảm bảo thu thập được nhiều thông tin có tính chất toàn diện và cập nhật nhất, Nhà trường còn tiếp nhận ý kiến phản hồi của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, các buổi đối thoại giữa SV với Lãnh đạo Trường, Lãnh đạo Khoa... [H10.10.06.05].

Trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành QTKS, Khoa còn tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua các cuộc họp giữa các GV thuộc ngành QTKS và tại các hội thảo [H10.10.06.06]. Kết quả phản hồi của các bên liên quan đã được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT, khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CĐR... [H10.10.06.07], cải

tiến các hoạt động hỗ trợ và tiện ích khác nhằm nâng cao CLĐT ngành QTKS [H10.10.06.08], [H10.10.06.09].

2. Điểm mạnh

Cơ chế thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống, được đánh giá, có sự điều chỉnh và cải tiến thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan chưa được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan chưa được thực hiện rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần thường xuyên và đa dạng hơn trong việc tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị để kết nối SV với nhiều bên liên quan khác nhau; trong các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp cần nhấn mạnh vai trò của việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đối với chất lượng giảng dạy của GV và CTĐT, chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích... để SV chú tâm hơn vào việc thực hiện khảo sát.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần thiết lập hệ thống mạng lưới rộng rãi hơn đối với các bên liên quan: cựu SV, chuyên gia, đơn vị sử dụng	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Từ năm học 2024 – 2025	

		lao động để thu thập được nhiều thông tin phản hồi cần thiết.			
3	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật và tinh chỉnh bảng hỏi để thu thập được nhiều thông tin phản hồi giá trị. Cải tiến phương pháp thu thập và nâng cấp phần mềm E-survey để đạt được hiệu quả cao hơn trong công tác thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan.	Phòng KT&BDCL, Trường ĐHQN	Từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN luôn tuân thủ kế hoạch thực hiện các công việc nhằm đảm bảo và nâng cao CLĐT ngành QTKS. Cụ thể: (i) Việc thiết kế và phát triển CTDH của ngành QTKS được dựa trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ phía cán bộ quản lý, GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng thông qua các phiếu điều tra khảo sát nhằm đáp ứng CĐR. (ii) Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKS được thực hiện đúng quy trình, quy định có sự rà soát, đánh giá và thường xuyên cải tiến theo định kỳ dựa vào phản hồi của nhiều bên liên quan. (iii) Quy trình dạy và học được kiểm tra và đánh giá thường xuyên, chặt chẽ, nghiêm túc và được tiến hành định kỳ hàng năm. Quá trình đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát, đánh giá thường xuyên thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. (iv) Kết quả NCKH của GV cũng như SV Khoa TC-NH & QTKD được áp dụng vào việc thiết kế các nội dung giảng dạy hoặc làm tài liệu phục vụ các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực tập, thực tế của SV góp phần cải tiến việc dạy và học ngành QTKS. (v) Nhìn chung, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của SV, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt; (vi) Sau khi có ý

kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, Khoa và Bộ môn luôn có sự cải tiến về CTĐT và CSVC.

Tuy nhiên, việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến đánh giá của các bên có liên quan chưa được tiến hành rộng rãi và chưa có nhiều cách thức đa dạng, đặc biệt là đơn vị tuyển dụng, cựu SV, SV về CTĐT, CTDH và CĐR nên tính gắn kết và tính cập nhật với thực tiễn CTĐT và CĐR chưa cao. Khoa cũng chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của SV một cách chính xác. Mặt khác, trong các đề tài NCKH do GV ngành QTKS thực hiện chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành QTKS.

Tiêu chuẩn 10 có 5 tiêu chí đạt mức 6/7 và 1 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Tính tới năm 2023, Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN hiện đang tổ chức đào tạo 01 ngành trình độ Thạc sĩ và 5 ngành trình độ Đại học với số lượng học viên và SV đông đảo nhất toàn trường. Nhận thức được khâu đánh giá kết quả đầu ra chính là thước đo quan trọng thể hiện CLĐT, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin quá trình đào tạo, phân tích, thống kê và đo lường sự hài lòng của SV, GV và các bên liên quan làm cơ sở đánh giá chính xác kết quả đầu ra từ đó đảm bảo, nâng cao chất lượng giảng dạy và cải tiến CTĐT của Khoa và Nhà trường. Ngoài sự quan tâm tới việc tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và số lượng SV có việc làm để làm cơ sở cho việc cải tiến CLĐT, nâng cao sự hài lòng của SV và các bên liên quan, Trường ĐHQN và Khoa TC-NH & QTKD còn quan tâm tới việc tổ chức các hoạt động NCKH của SV một cách có hệ thống và hiệu quả nhằm đảm bảo đáp ứng được các CĐR của CTĐT ngành QTKS.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Để kiểm tra giám sát toàn bộ công tác giảng dạy, học tập các hệ đào tạo chính quy bậc đại học của Trường, Phòng ĐTDH và Khoa có chức năng theo dõi tỷ lệ SV tốt nghiệp, SV thôi học hàng năm [H11.11.01.01]. Từ đó, Nhà trường nói chung và

Khoa TC-NH & QTKD nói riêng tiến hành đối sánh nhằm cải tiến CLĐT. Theo dõi số lượng SV tốt nghiệp, SV thôi học được tiến hành định kỳ hằng năm theo đúng Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống TC [H11.11.01.02].

Nhà trường đã xây dựng phần mềm quản lý hoạt động đào tạo với đầy đủ chức năng để giám sát toàn bộ quá trình đào tạo của Nhà trường [H11.11.01.03]. Việc trích xuất dữ liệu được thực hiện bởi Phòng ĐTDH và đưa về Khoa đối sánh một cách dễ dàng, từ đó giúp cho Khoa thuận lợi trong quá trình theo dõi số lượng SV thôi học và số lượng SV tốt nghiệp hằng năm. Dựa trên kết quả tốt nghiệp và kết quả cảnh báo học tập, Nhà trường sẽ xác định, đánh giá và đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV thôi học.

Nhà trường thành lập Hội đồng, xét công nhận tốt nghiệp cho SV đã hoàn thành CTĐT [H11.11.01.04]; Nhà trường cũng thành lập Hội đồng, xét kết quả học tập của SV [H11.11.01.05]. Kết quả này được đưa về Khoa, thông qua CVHT và lớp trưởng từng lớp sẽ thông báo trực tiếp cho SV và gia đình.

Số liệu SV thôi học của ngành QTKS sẽ được Khoa đối chiếu qua các năm trước, để tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục [H1.01.01.01].

Bảng 11.1.1. Số lượng SV thôi học ngành QTKS tính đến năm 2023

Năm học	Số lượng SV tuyển sinh	Số lượng sinh viên thôi học								Tổng số	Tỷ lệ
		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Năm thứ tư			
		Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2		
2018-2019	256	3	7	14	26	8	4	0	0	62	24,2%
2019-2020	329	2	9	23	51	12	4	5		106	32,2%
2020-2021	269	1	7	26	22	9				65	24,2%
2021-2022	154	4	8	5						17	11,0%
2022-2023	145	2								2	1,4%

Nguồn: Phòng ĐTDH, Trường ĐHQN

Từ Bảng 11.1.1 ta thấy, số lượng SV thôi học 252/1153 SV trúng tuyển, trong đó chỉ riêng SV Khóa 41 tuyển sinh năm 2018 và tốt nghiệp năm 2022 có tỷ lệ thôi

học toàn khóa là 62/256 chiếm tỷ lệ 24,2%. Các khóa tuyển sinh từ năm 2019 đến 2022 mặc dù chưa tốt nghiệp nhưng đến đầu năm 2023 cũng có tỷ lệ thôi học tương ứng lần lượt là 32,2%, 24,2%, 11,0% và 1,4%. SV thôi học đa số là năm thứ nhất và năm thứ hai, nguyên nhân chủ yếu là do sự lựa chọn ngành học không phù hợp với nhu cầu của bản thân, một số ít chuyển sang học ngành khác, hoặc do nguyện vọng của gia đình. Ngoài ra, SV bị buộc thôi học còn do xử lý kết quả học tập theo quy định [H11.11.01.06].

Từ Bảng 11.1.2 ta thấy, tính đến năm 2023 thì mới chỉ có SV khóa 41, tuyển sinh năm 2018 mới tốt nghiệp năm 2022. Trong đó, số SV hoàn thành CTĐT ra trường trong thời gian 4 năm là 145 SV, tương ứng với tỷ lệ khoảng 78,8%. Số SV chưa tốt nghiệp là 40 SV tương ứng với tỷ lệ khoảng 21,2%, trong đó bao gồm các bạn chưa hoàn thành CTĐT và các bạn học cải thiện để tích lũy điểm số cao hơn.

Bảng 11.1.2. Số lượng SV tốt nghiệp ngành QTKS tính đến năm 2023

Năm học tuyển sinh	Số lượng SV còn học	Số lượng SV hoàn thành CTĐT trong thời gian			Tổng số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ	Số lượng SV chưa hoàn thành CTĐT	Tỷ lệ
		< 4 năm	4 năm	> 4 năm				
2018-2019	185	0	145	40	145	78,80%	40	21,20%

Nguồn: Phòng ĐTDH, Trường ĐHQN

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV thôi học, SV tốt nghiệp đúng hạn được kịp thời và chính xác. Việc thống kê danh sách, tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp được thực hiện hàng năm.

Tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát và có sự đối sánh giữa các ngành hàng năm để cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Đối sánh tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo ngoài Trường vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo ngoài Trường.	Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Quản trị và nâng cấp hệ thống quản lý CSDL SV thôi học, SV tốt nghiệp đúng hạn. Thường xuyên thực hiện thống kê danh sách, tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp.	Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2024 – 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Phân tích, giám sát và đối sánh tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT.	Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng ĐTDH và Khoa TC-NH & QTKD là các đơn vị theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H11.11.02.01]. Thời gian đào tạo là thời gian của một khóa đào tạo, là thời gian cần thiết cho những SV hoàn thành CTĐT của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2010, Khoa TC-NH & QTKD, Trường ĐHQN bắt đầu thực hiện quy định đào tạo theo hệ thống TC [H11.11.01.02]. Theo đó, sinh viên có thể rút ngắn thời gian đào tạo trình độ cử nhân xuống dưới 4 năm và thời gian tối đa hoàn thành CTĐT là 8 năm. Ngoài ra Nhà trường cũng ban hành quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, trong đó có hoạt động thu thập phản hồi của SV làm cơ sở nâng cao chất lượng dạy và học nhằm rút ngắn thời gian hoàn thành CTĐT của SV [H11.11.02.01].

Khoa TC-NH & QTKD đã thực hiện việc giám sát, đối sánh thời gian tốt

nghiệp trung bình của SV hàng năm [H11.11.01.07]. Theo Bảng 11.2.1, Số SV khóa 41 tuyển sinh năm học 2018 – 2019 hoàn thành CTĐT trong 4 năm là 145 SV, tỷ lệ 78,8%, còn lại 21,2% tương ứng với số SV chưa tốt nghiệp.

Bảng 11.2.1. Số lượng, tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QTKS năm 2022

Năm học tuyển sinh	Số lượng SV	Hoàn thành chương trình dưới 4 năm		Hoàn thành chương trình 4 năm		Hoàn thành chương trình trên 4 năm		Tổng số sinh viên tốt nghiệp		Số lượng SV chưa hoàn thành CTĐT	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2018-2019	185	0	0%	145	78,8%	40	21,2%	145	78,8%	40	21,2%

Nguồn: Phòng ĐTDH, Trường ĐHQN

Từ Bảng 11.2.2 ta thấy tỷ lệ tốt nghiệp ngành QTKS cao hơn một chút so với tỷ lệ tốt nghiệp bình quân của Trường. Tỷ lệ tốt nghiệp ngành QTKS cao hơn các ngành Kỹ thuật phần mềm, Quản lý tài nguyên và môi trường, ngang bằng ngành Luật nhưng lại thấp hơn ngành Quản trị kinh doanh cũng như ngành Đông phương học.

Bảng 11.2.2. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp giữa các CTĐT trong Trường ĐHQN

Chương trình đào tạo	Năm tốt nghiệp					Bình quân
	2018	2019	2020	2021	2022	
Quản trị khách sạn					78,80%	78,80%
Quản trị kinh doanh	93,22%	86,45%	80,77%	77,41%	77,83%	83,13%
Quản lý tài nguyên và môi trường			66,67%	79,31	67,86%	71,28%
Luật				79,56%	77,84%	78,70%
Kỹ thuật phần mềm					70,77%	70,77%
Đông phương học					87,80%	87,80%
Trung bình toàn trường	86,68%	80,86%	82,30%	69,11%	72,42%	78,28%

Nguồn: Phòng ĐTDH, Trường ĐHQN

Bên cạnh đó, Khoa TC-NH & QTKD cũng đã thực hiện thống kê về số lượng SV bị thôi học qua từng năm học trong CTĐT [H11.11.01.05]. Để tìm hiểu nguyên nhân và tìm ra giải pháp cải thiện tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn, Khoa TC-NH & QTKD đã tổ chức hội thảo “Cải tiến phương pháp dạy và học, đánh giá SV theo

CDR; đánh giá kết quả học tập và tốt nghiệp của SV” [H11.11.02.02]. Theo đó, nguyên nhân chính giải thích cho việc tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT đúng thời hạn thấp là do SV chưa tích lũy đủ số TC theo yêu cầu của CTĐT. Một nguyên nhân khác là trong quá trình đào tạo, một số SV bảo lưu kết quả học tập nên khi tiếp tục học lại đã bị lệch một số học phần do sự thay đổi CTĐT năm 2017 so với CTĐT năm 2020 và 2022. Vì vậy, SV gặp khó khăn trong việc tìm học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp phù hợp để đảm bảo đủ số lượng TC yêu cầu trong CTĐT.

Bảng 11.2.3. Số lượng, tỷ lệ SV thôi học qua từng năm ngành QTKS

Năm học	Số lượng tuyển sinh	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4 trở lên		Tổng số	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2018 - 2019	256	10	3,9%	40	15,6%	12	4,7%	0	0,0%	62	24,2%
2019 - 2020	329	11	3,3%	74	22,5%	16	4,9%	5	1,5%	106	32,2%
2020 - 2021	270	8	3,0%	48	17,8%	9	3,3%		0,0%	65	24,1%
2021 - 2022	155	12	7,7%	5	3,2%				0,0%	17	11,0%
2022 - 2023	145	2	1,4%						0,0%	2	1,4%
Trung bình	288	9	3,0%	42	14,5%	12	4,3%	3	0,9%	50	17,5%

Nguồn: Phòng ĐTDH, Trường ĐHQN

Sau khi phân tích, tìm hiểu các nguyên nhân, Nhà trường và Khoa đã xây dựng, triển khai một số giải pháp nhằm hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng thời hạn như: thường xuyên cung cấp thông tin về hệ thống đào tạo TC, thông báo tới SV có nguy cơ chậm tiến trình, nhanh chóng cập nhật điểm số của SV qua hệ thống tài khoản của SV; lập danh sách SV bị cảnh cáo kết quả học tập và báo về gia đình thông qua CVHT để nhắc nhở và nâng cao ý thức học tập của những SV có điểm số tích lũy thấp [H11.11.01.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các học kỳ phụ, mở thêm các lớp ôn tập với sĩ số ít để tạo điều kiện cho SV cải thiện điểm số, ra trường đúng thời hạn [H11.11.02.03]. Theo quy định của Nhà trường, Khoa cũng đã

thực hiện phân công những GV có kinh nghiệm và am hiểu về chuyên ngành để làm CVHT [H11.11.02.04]. Việc phân công CVHT phù hợp với chuyên ngành và có trách nhiệm cung cấp các hỗ trợ giá trị về chuyên môn và tạo động lực cho SV trong học tập. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường lập danh sách SV bị cảnh cáo học vụ và Khoa thông báo đến phụ huynh SV để SV nâng cao ý thức học tập và chuẩn bị cho việc học cải thiện học phần. Hàng năm, Nhà trường đều phát hành sổ tay SV để SV nắm rõ quy chế đào tạo theo hệ thống TC mới nhất từ đó chủ động trong việc học và hoàn thành chứng chỉ tin học, chứng chỉ tiếng anh để đạt yêu cầu tốt nghiệp [H11.11.02.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có bộ phận chuyên trách giám sát thời gian tốt nghiệp, theo dõi, thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV. Nhà trường và Khoa đã thực hiện nghiên cứu nguyên nhân SV tốt nghiệp chậm, từ đó đề ra nhiều biện pháp hỗ trợ SV giảm tối đa thời lượng học tập.

Nhà trường có tổ chức tổng kết hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa chưa thường xuyên tổ chức đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên theo dõi, đánh giá các biện pháp hỗ trợ đã thực hiện để đo lường mức độ hiệu quả. Đồng thời nghiên cứu, tham khảo các biện pháp để cải thiện, đổi mới biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Cuối mỗi năm học, từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục giám sát số lượng SV thôi học, SV tốt nghiệp hàng năm, mở rộng các thông tin báo	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH &	Hàng năm, từ năm học 2024-2025	

		lưu về SV như: các môn có tỉ lệ học lại cao, nguyên nhân SV chưa hứng thú với việc học vượt tiến độ.	QTKD		
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên tổ chức tổng kết hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Cuối mỗi năm học, từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của GDDH là cung cấp kiến thức, kỹ năng cho SV để sau khi tốt nghiệp họ được làm việc theo đúng chuyên môn và nguyện vọng đã học. Chính vì thế việc giám sát, theo dõi, đo lường số lượng SV sau khi tốt nghiệp có việc làm là một công việc quan trọng để thể hiện chất lượng CTĐT. Nhận thức được tầm quan trọng đó Trường ĐHQN nói chung và Khoa TC-NH & QTKD nói riêng đã tổ chức công tác giám sát về vấn đề việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Về phía Nhà trường, từ năm học 2010 - 2011, Nhà trường đã ra quyết định thành lập Trung tâm TVTS & QHDN [H11.11.03.01]. Cùng với đó là Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm TVTS & QHDN có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ theo nhu cầu thực tiễn [H11.11.03.02]. Trung tâm có chức năng tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV về học tập, định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm việc làm; lưu trữ thông tin SV tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm... [H11.11.03.03]. Ngoài ra Nhà trường đã thành lập Ban liên lạc Cựu SV để làm cầu nối trao đổi thông tin và hỗ trợ giữa Nhà trường và cựu SV [H11.11.03.04].

Công tác khảo sát thông tin việc làm của SV sau khi tốt nghiệp luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm, lên kế hoạch thực hiện định kỳ. Việc khảo sát việc làm của SV được tiến hành bằng nhiều hình thức khảo sát khác nhau như: khảo sát trực tiếp, khảo khác trực tuyến, gửi thư điện tử, gọi điện... [H11.11.03.05]. Từ năm 2018 đến nay, các dữ liệu về SV tốt nghiệp, dữ liệu về SV có việc làm được giám sát bởi Nhà trường đều được lưu trữ tại Trung tâm TVTS & QHDN, đồng thời đăng tải lên website

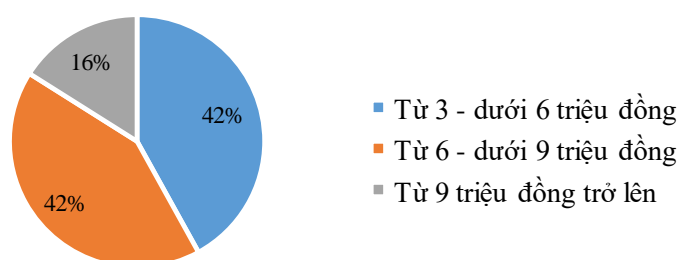
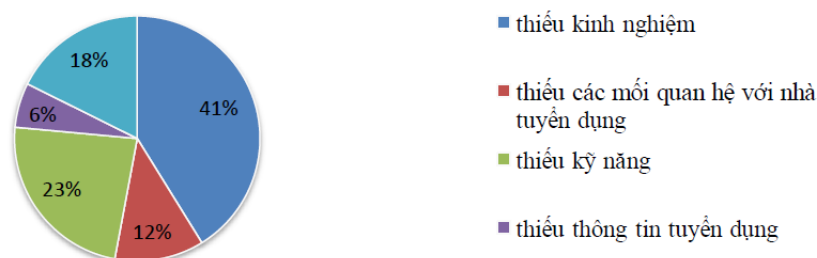
của Nhà trường, công bố các báo cáo. Ngoài ra, các dữ liệu này cũng được cập nhật vào hệ thống dữ liệu của Bộ GD&ĐT theo đúng quy định. Sau mỗi đợt khảo sát, Trung tâm TVTS & QHDN đều tổng hợp kết quả gửi về các Khoa [H11.11.03.06].

Về phía Khoa TC-NH & QTKD thường xuyên thực hiện các cuộc điều tra, giám sát cựu SV sau khi tốt nghiệp và các tổ chức sử dụng lao động để nghiên cứu, phân tích tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng chương trình giảng dạy và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cần thiết cho SV [H11.11.03.07].

Bảng 11.3.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của các CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2019	2020	2021	2022
1. Ngành QTKS				
Đúng ngành đào tạo				
Trái ngành đào tạo				
2. Ngành Quản trị kinh doanh				
Đúng ngành đào tạo				
Trái ngành đào tạo				
3. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường				
Đúng ngành đào tạo				
Trái ngành đào tạo				
4. Ngành Luật				
Đúng ngành đào tạo				
Trái ngành đào tạo				
5. Ngành Kỹ thuật phần mềm				
Đúng ngành đào tạo				
Trái ngành đào tạo				
6. Ngành Đông phương học				
Đúng ngành đào tạo				
Trái ngành đào tạo				

Nguồn: Trung tâm TVTS & QHDN, Trường ĐHQN

Hình 11.3.1. Thời gian SV nhận được việc làm sau khi ra trường năm 2022**Hình 11.3.2. Mức thu nhập bình quân của cựu SV năm 2022****Hình 11.3.2. Nguyên nhân SV chưa có việc làm**

Nguồn: Trung tâm TVTS & QHDN, Trường ĐHQN

Dựa trên kết quả điều tra, khảo sát, các GV trong Khoa đã nghiên cứu và viết các báo cáo, tổ chức hội thảo nâng cao CLĐT [H11.11.03.08]. Theo kết quả khảo sát, số lượng SV ngành QTKS nhận được việc làm sau một năm chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 77,2% (112/145). Theo giám sát, 16% cựu SV có thu nhập trên 9 triệu đồng và 42% cựu SV có thu nhập từ 6 đến 9 triệu đồng thể hiện sự thích ứng của cựu SV đối với nhu cầu thị trường lao động là khá tốt (Hình 11.3.2).

Trong các báo cáo hội thảo, báo cáo viên cũng đã nêu ra các nguyên nhân chính khiến cho cựu SV chưa có việc làm (Hình 11.3.3). Các nguyên nhân này đã được phân tích, đối chiếu với CTĐT để xây dựng phương án hoàn thiện năng lực thích ứng của SV ngành QTKS. Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa chưa việc đối sánh giữa các CTĐT trong cùng hình thức đào tạo, hoặc đối sánh với các CTĐT của các tổ chức giáo dục khác.

Ngoài ra, Khoa cũng đã khảo sát, nghiên cứu các doanh nghiệp để đo lường nhu cầu tuyển dụng của xã hội, đồng thời xây dựng đánh giá khách quan đối với CTĐT và chất lượng SV sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.07], [H11.11.03.08].

Nhà trường cũng tổ chức các chương trình “Ngày hội việc làm” thường niên với sự tham gia của đông đảo doanh nghiệp trong khu vực [H11.11.03.09]. Chương trình giúp SV tiếp cận môi trường làm việc, nhà tuyển dụng, tạo điều kiện cho SV có cơ hội tìm được việc làm phù hợp với ngành đã đào tạo, xây dựng mối quan hệ lâu dài

giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa liên tục tổ chức các hoạt động định hướng nghề nghiệp, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm từ các diễn giả, doanh nhân và nhà tuyển dụng củng cố niềm đam mê với nghề, nâng cao kỹ năng mềm cho SV [H11.11.03.10]. Các chương trình liên kết, phối hợp đào tạo và tuyển dụng với các doanh nghiệp luôn được chú trọng để phát triển năng lực cho SV theo nhu cầu của nhà tuyển dụng và mở rộng cơ hội tuyển dụng của SV khi ra trường [H11.11.03.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đơn vị chuyên trách khảo sát, phân tích và lưu trữ danh sách SV tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, đơn vị công tác, mức thu nhập bình quân của SV trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường thực hiện đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong Trường với cùng hình thức đào tạo.

Kết quả khảo sát việc làm của cựu SV được Nhà trường thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các phương án hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm.

3. Điểm tồn tại

Chưa đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm với các cơ sở đào tạo quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh tình hình có việc làm của cựu SV với các cơ sở đào tạo quốc tế.	Trung tâm TVTS & QHDN	Tháng 12 hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Hoàn thiện chức năng khảo sát, phân tích và lưu trữ danh sách SV tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, đơn vị công tác và mức thu nhập bình quân của SV trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp.	Trung tâm TVTS & QHDN	Hàng năm, từ năm học 2024 – 2025	

3	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong Trường với cùng hình thức đào tạo.	Trung tâm TVTS & QHDN	Hàng năm, từ năm học 2024 – 2025	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Đẩy mạnh các nghiên cứu về việc làm của cựu SV, phân tích nguyên nhân, đề xuất các phương án hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm học 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy thì Trường ĐHQN cũng rất xem trọng hoạt động NCKH, đặc biệt là NCKH SV, bởi lẽ các kết quả trong hoạt động NCKH sẽ giúp SV tích lũy kinh nghiệm trong việc thu thập thông tin, xử lý thông tin và viết báo cáo thực tập, đồng thời NCKH còn giúp SV có thể tiếp cận kiến thức lý luận và kiến thức thực tiễn thông qua nhiều cách thức phong phú và đa dạng. Hàng năm, căn cứ vào phương hướng và kế hoạch công tác NCKH SV được đề xuất trong báo cáo tổng kết công tác NCKH SV năm trước, Nhà trường đưa ra kế hoạch/chiến lược NCKH SV gửi về các khoa về việc đăng ký tham gia tuyển chọn đề tài NCKH SV và danh mục số lượng đề tài NCKH SV phân bổ cho các khoa. Số lượng đề tài NCKH SV từng năm phân bổ cho các khoa được xác định dựa trên số lượng SV đang tham gia học tập tại từng khoa trong năm đó [H11.11.04.01].

Về cấp độ khoa, vì đây là hoạt động thường niên nên trước khi có công văn triển khai của Nhà trường khoảng 3 tháng, lãnh đạo Khoa TC-NH & QTKD đã triển khai cho toàn thể GV và SV trong khoa việc lựa chọn các nhóm nghiên cứu cũng như định hướng đề tài nghiên cứu, từ đó có sự chuẩn bị kỹ hơn cho hoạt động NCKH SV của Khoa. Ngoài ra, chỉ tiêu số lượng đề tài nghiên cứu cũng được phân bổ cho từng bộ môn trong Khoa nhằm đảm bảo sự đồng bộ hoạt động nghiên cứu giữa các ngành với nhau [H11.11.04.02].

Dựa vào danh mục đề tài được Hội đồng Khoa xét chọn và số lượng đề tài phân bổ cho từng khoa, Nhà trường phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho từng nhóm SV thực hiện đề tài. Trong giai đoạn 2017-2023, có tổng cộng 264 SV ngành QTKS đăng ký tham gia NCKH cấp Trường với tổng số đề tài là 70 và kinh phí được duyệt là 111,41 triệu đồng, trong đó, năm học 2017-2018: 10 đề tài, tổng kinh phí: 19,5; năm học 2018-2019: 10 đề tài, tổng kinh phí: 19,76 triệu đồng; năm học 2019-2020: 05 đề tài, tổng kinh phí: 12,2 triệu đồng; năm học 2021-2022: 08 đề tài, tổng kinh phí: 25 triệu đồng; năm học 2022-2023: 06 đề tài, tổng kinh phí: 19,8 triệu đồng. Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành QTKS chủ yếu tập trung theo hướng ứng dụng, giải quyết các vấn đề vừa có tính chất thời sự vừa đảm bảo chuyên sâu về mặt chuyên môn trong lĩnh vực quản lý khách sạn và du lịch, phù hợp với khả năng của SV **[H4.04.03.01]**. Ngoài ra, nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH của SV, hàng năm dựa trên cân đối quỹ hoạt động, Khoa TC-NH & QTKD cũng thực hiện hỗ trợ thêm kinh phí trong việc biên soạn và đăng các bài báo khoa học của các nhóm SV nghiên cứu **[H11.11.04.03]**.

Trong quá trình triển khai thực hiện đề tài, Nhà trường đã đưa ra văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện đề tài. Định kỳ các Khoa phải nộp báo cáo tình hình thực hiện đề tài về Phòng KHCN & HTQT nhằm đôn đốc việc thực hiện đề tài cũng như theo dõi, giám sát tiến độ và sản phẩm đạt được. Ngoài ra, trước khi đến thời gian nghiệm thu đề tài KH&CN cấp Trường, Nhà trường thông báo đến các trưởng khoa về việc tổ chức hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH SV cấp Khoa để làm căn cứ xét chọn các đề tài tham gia giải thưởng “SV NCKH cấp Trường” hàng năm **[H11.11.04.04]**.

Nhìn chung, hoạt động NCKH của SV ngành QTKS trong giai đoạn 2017-2022 đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Đối với NCKH cấp Trường, trước khi đến thời hạn nghiệm thu đề tài theo quy định của Nhà trường khoảng 4 tuần, Khoa tổ chức nghiệm thu đề tài NCKH của SV cấp Khoa. Dựa trên cơ sở đánh giá của từng hội đồng, Khoa xếp loại và đề xuất danh mục đề tài tham gia tuyển chọn cấp Trường **[H11.11.04.05]**. Hầu hết các đề tài được Khoa đề xuất đều đạt giải thưởng “SV NCKH cấp Trường” ở các năm **[H11.11.04.06]**.

Bảng 11.4.1. Đối sánh thành tích NCKH của SV trong 5 năm gần đây

Phân loại đề tài	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Số giải thưởng NCKH, sáng tạo					
Khoa TC-NH & QTKD	5	3	3	2	2
Khoa Công nghệ thông tin	2	1	1	1	1
Khoa Kinh tế & Kế toán	1	1	1	2	2
Khoa Ngoại ngữ	2	1	2	0	0
Khoa GD tiểu học & Mầm non	0	0	0	1	0
Khoa LLCT - Luật & QLNN	0	1	0	0	1
Khoa KHXH và Nhân văn	0	0	0	0	0
2. Số lượng bài báo được đăng, công trình được công bố					
Khoa TC-NH & QTKD	6	3	4	5	2
Khoa Công nghệ thông tin	2	1	1	1	1
Khoa Kinh tế & Kế toán	1	0	1	5	4
Khoa Ngoại ngữ	1	1	0	1	0
Khoa GD tiểu học & Mầm non	0	0	0	1	0
Khoa LLCT - Luật & QLNN	0	0	0	0	0
Khoa KHXH và Nhân văn	0	0	0	0	0

Nguồn: Phòng KHCN & HTQT, Trường ĐHQN

Sau khi lập hội đồng đánh giá bình chọn đề tài nghiên cứu theo từng khối ngành, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV để đánh giá hoạt động NCKH của SV trong năm học và khen thưởng các SV đạt giải vì có thành tích tốt trong NCKH. Trong báo cáo tổng kết, từ tình hình hoạt động NCKH của SV trong năm học đã xác định những thành tựu đạt được và một số hạn chế còn tồn đọng. Căn cứ trên kết quả đánh giá, báo cáo đề xuất giải pháp và phương hướng hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH SV theo hướng phù hợp với khả năng và trình độ của SV, phù hợp với CTĐT và nhu cầu thực tiễn của xã hội [H11.11.04.07]. Đây cũng là thời điểm để Nhà trường công bố Kỷ yếu Hội nghị NCKH SV làm công trình lưu giữ về thành tựu NCKH SV ở từng năm [H11.11.04.08].

Ngoài ra, thông qua hội nghị, Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả NCKH SV giữa năm học hiện tại với các năm học trước về kết quả dự thi Giải thưởng “SV nghiên cứu khoa học cấp Bộ”, tổng số lượng đề tài NCKH SV toàn Trường, số

lượng đề tài nghiên cứu giữa các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật & Công nghệ, Khoa học Xã hội - Nhân văn; số lượng đề tài nghiệm thu, số lượng đề tài đạt giải thưởng của các lĩnh vực đào tạo trong Nhà trường [H11.11.04.09]. Đây chính là cơ sở quan trọng để Khoa TC-NH&QTKD cũng như các khoa khác trong Nhà trường đánh giá kết quả NCKH SV của Khoa, từ đó có hướng phân đầu nhằm nâng cao chất lượng NCKH SV của Khoa trong những năm tới. Ngoài ra, cứ 5 năm một lần Khoa sẽ thực hiện việc lập báo cáo đối sánh trong nước và quốc tế về các loại hình nghiên cứu và số lượng hoạt động NCKH của SV ngành QTKS. Trong báo cáo này, Khoa thực hiện việc đối sánh về các loại hình nghiên cứu, số lượng đề tài tham gia và số lượng đề tài đạt giải NCKH SV ngành QTKS của Khoa với các trường đại học điển hình, để từ đó Khoa có cơ sở đánh giá kết quả NCKH SV ngành QTKS cũng như đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH SV trong giai đoạn sau [H11.11.04.09].

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV đã được xác lập dựa trên kế hoạch hoạt động hàng năm và được giám sát định kỳ trong suốt quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được đối sánh giữa các ngành trong Nhà trường nhằm cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa chưa xây dựng kế hoạch NCKH của SV trong dài hạn.

Nhà trường và Khoa chưa thực hiện thường xuyên việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV với các cơ sở giáo dục quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng kế hoạch NCKH của SV trong dài hạn để xác lập các loại hình NCKH của SV tương thích với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và CĐR của CTĐT.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm 2024 – 2025	

2	Khắc phục tồn tại 2	Thực hiện thường xuyên việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV với các cơ sở giáo dục quốc tế (tập trung đối sánh với các cơ sở giáo dục có CTĐT được Khoa sử dụng để đối sánh, tham khảo khi xây dựng, rà soát CTĐT của mình).	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm 2024 – 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xác lập loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV hàng năm. Giám sát định kỳ loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV.	Phòng KHCN & HTQT, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm 2024 – 2025	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV giữa các ngành trong Nhà trường.	Phòng KHCN & HTQT	Hàng năm, từ năm 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Với đặc thù ngành đào tạo hiện nay của Khoa thì việc đáp ứng mức độ hài lòng của các bên có liên quan là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT cũng như hoạt động NCKH nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của SV và nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng. Theo quy định của Nhà trường, Phòng KT&BDCL là đơn vị chuyên trách được giao nhiệm vụ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các đối tượng liên quan đến CTĐT hàng năm [H11.11.05.01], [H11.11.05.02]. Nhà trường đã ban hành văn bản về quy định và tổ chức việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (bao gồm SV, học viên cao học và NCS, cựu SV, nhà sử dụng lao động, và GV) về chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CDR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào

tạo **[H4.04.02.05]**. Quá trình lấy ý kiến phản hồi nhằm đánh giá mức độ hài lòng của các bên có liên quan được thực hiện thông qua phiếu khảo sát do Phòng KT&BDCL và các đơn vị phối hợp thực hiện và được Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường góp ý thông qua **[H11.11.05.03]**. Phần mềm được Nhà trường sử dụng trong khảo sát mức độ hài lòng của các bên có liên quan là E-survey; Google Forms; SPSS; Excel... **[H11.11.05.04]**. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tập trung vào các nội dung: Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; Khảo sát ý kiến của SV về hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; Khảo sát ý kiến SV năm cuối về CTĐT; Khảo sát ý kiến cựu SV về CĐR và CTĐT; Khảo sát sự hài lòng của SV đối với dịch vụ giáo dục công; Khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về CĐR và CTĐT; Khảo sát sự hài lòng của GV về hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các Phòng/Khoa/Trung tâm. **[H4.04.02.05]**.

Trong giai đoạn 2017-2022, dựa trên quy định đã ban hành, Trường ĐHQN đã tổ chức và thực hiện đầy đủ các nội dung lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan như: (1) Khảo sát lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV và ý kiến SV năm cuối về CTĐT (bắt đầu từ năm học 2015-2016) **[H4.04.02.06]**; (2) Khảo sát ý kiến của SV về hoạt động, dịch vụ hỗ trợ (bắt đầu từ năm học 2016-2017) **[H11.11.05.05]**; (3) Khảo sát lấy ý kiến cựu SV sắp tốt nghiệp ngành QTKS về CTĐT **[H1.01.03.03]**; (4) Khảo sát sự hài lòng của SV đối với dịch vụ giáo dục công (năm 2019) **[H11.11.05.06]**; (5) Khảo sát sự hài lòng của GV về hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các Phòng/Khoa/Trung tâm (bắt đầu từ năm học 2019) **[H11.11.05.07]**. Vì quá trình khảo sát sẽ được thực hiện định kỳ trong từng năm học và cho tất cả các chuyên ngành đào tạo trong Nhà trường nên báo cáo khảo sát là cơ sở quan trọng để Ban giám hiệu Nhà trường, các khoa và các đơn vị chức năng thực hiện việc đối sánh mức độ mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CĐR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo ở từng chuyên ngành nói riêng và toàn trường nói chung, để từ đó có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những điểm mạnh nhằm nâng cao CLĐT của Nhà trường nói chung và Khoa nói riêng. Ngoài ra, kết quả từ báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của các bên có liên quan cũng là căn cứ cho Nhà trường thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động hàng năm **[H6.06.02.09]**; đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới **[H6.06.01.07]**.

Kết quả khảo sát các bên có liên quan là cơ sở để Nhà trường và Khoa lập kế hoạch rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu của SV và nhu cầu của các nhà tuyển dụng [H11.11.05.08]; là cơ sở để Nhà trường đầu tư CSVC nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học cũng như NCKH của GV và SV, học viên trong Nhà trường [H11.11.05.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CDR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo.

Kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của các bên đã được Nhà trường và Khoa đối sánh với chính CTĐT ngành QTKS và các CTĐT khác trong Nhà trường.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên có liên quan và kết quả đối sánh đã được Nhà trường và Khoa sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy của GV, CTĐT, CDR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa vẫn chưa có sự đối sánh đầy đủ và toàn diện về mức độ hài lòng của các bên có liên quan với các đơn vị đào tạo khác để làm cơ sở cải tiến CLĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Chi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc đối sánh đầy đủ và toàn diện về mức độ hài lòng của các bên có liên quan về CLĐT của Nhà trường với các đơn vị đào tạo khác để làm cơ sở cải tiến CLĐT.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CDR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo.	Trường ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm 2024 – 2025	

3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện việc đối sánh kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của các bên có liên quan giữa các CTĐT trong Nhà trường.	Trưởng ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm 2024 – 2025	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên có liên quan và đối sánh làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CĐR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo.	Trưởng ĐHQN, Khoa TC-NH & QTKD	Hàng năm, từ năm 2024 – 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra, Nhà trường đã có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, SV thôi học, SV tốt nghiệp được kịp thời và chính xác. Việc thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV được thực hiện thường xuyên để có nhiều biện pháp hạn chế SV bị buộc thôi học, giúp SV tích cực học tập và tốt nghiệp đúng thời hạn. Bên cạnh đó, Khoa TC-NH & QTKD luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý đào tạo để có thể mở các lớp học cho SV học cải thiện. CVHT thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT. Công tác khảo sát việc làm của cựu SV luôn được Nhà trường quan tâm thực hiện định kỳ hàng năm, kết quả thu được chính xác, tin cậy là cơ sở để có được những thông tin có giá trị về khả năng tham gia thị trường lao động của SV tốt nghiệp.

Ban lãnh đạo Khoa luôn có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động NCKH của SV đối với việc nâng cao chất lượng dạy và học tại Khoa nên luôn giành nhiều sự quan tâm và hỗ trợ tích cực cho hoạt động này. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa đã có kế hoạch cụ thể và triển khai với nhiều hình thức khác nhau nhằm lấy ý kiến phản hồi từ SV, các đơn vị tuyển dụng, cán bộ nhân viên, GV về CTĐT, hoạt động giảng dạy,

CSVCS, hoạt động hỗ trợ trong đào tạo... Trên cơ sở thông tin phản hồi từ các bên có liên quan, Nhà trường và Khoa định kỳ thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh nhằm cải tiến CTĐT cũng như chất lượng giảng dạy, phục vụ đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của SV cũng như các đơn vị tuyển dụng.

Bên cạnh đó, kết quả đầu ra của ngành QTKS vẫn còn một số hạn chế như Nhà trường và Khoa chưa thường xuyên tổ chức đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ SV; chưa xây dựng kế hoạch/chiến lược NCKH để xác lập các loại hình NCKH của SV ngành QTKS tương thích với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và CDR của CTĐT; chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV với các cơ sở giáo dục quốc tế; chưa có sự đối sánh về mức độ hài lòng của các bên có liên quan với các đơn vị đào tạo khác để làm cơ sở cải tiến CLĐT.

Tiêu chuẩn 11 có 3 tiêu chí đạt mức 6/7 và 2 tiêu chí đạt mức 5/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT ngành QTKS là khâu quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT của Khoa TC-NH & QTKD nói riêng cũng như của Trường ĐHQN nói chung. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác đã tự xem xét một cách nghiêm túc và báo cáo đầy đủ, chính xác, phản ánh trung thực về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành QTKS, qua đó thấy được những điểm mạnh, những điểm tồn tại để Khoa xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKS.

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo

3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKS được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và của Khoa, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH hiện hành.

CĐR của CTĐT đã được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành QTKS được nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với SV tốt nghiệp và triển vọng việc làm của SV trong tương lai.

CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan trong quá trình xây dựng; được định kỳ bổ sung, điều chỉnh 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường; và được công bố công khai dưới nhiều hình thức.

3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT năm 2022 đã cập nhật và bổ sung đầy đủ các nội dung. 100% ĐCCTHP trong CTĐT cung cấp đầy đủ các thông tin và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường.

Bản mô tả CTĐT và 100% ĐCCTHP trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH và từng học phần trong CTDH được thiết kế có tính khoa học, hợp lý dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV trong các học phần hoàn toàn phù hợp và góp phần đạt được CĐR.

100% các học phần trong CTDH được xây dựng khoa học, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. 100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện rõ việc đạt được CĐR và thường xuyên được cập nhật dựa vào ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. 100% học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic. CTDH được định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật hai năm một lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan.

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp, đa dạng, phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của SV. Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, nhận được sự phản hồi tích cực từ GV, SV và nhà tuyển dụng.

Tất cả ĐCCTHP đều mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp và hướng đến rèn luyện các kỹ năng cho SV thông qua các phương pháp dạy và học đa dạng, hiệu quả, từ đó nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Quy trình đánh giá kết quả học tập theo CĐR rõ ràng. Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quy định, kế hoạch về hoạt động này. Các tài liệu, quy trình hướng dẫn, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đều phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR.

Nhà trường đã công bố đầy đủ các văn bản về đánh giá kết quả học tập. Các quy định đã xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Các tài liệu trên được công bố công khai với SV qua nhiều kênh thông tin khác nhau trước mỗi khóa học, kỳ học và học phần.

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được sử dụng đa dạng, đảm bảo độ tin cậy. Thang điểm chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi.

Nhà trường tổ chức tổng hợp ý kiến phản hồi của SV, cựu SV nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của SV tin cậy và công bằng.

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và SV. Kết quả đánh giá kết quả học tập của SV được công bố kịp thời, đúng quy định. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được SV sử dụng để cải thiện việc học tập.

SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập vào đầu mỗi khóa học, kỳ học và học phần. Khi có khiếu nại về kết quả học tập, SV có thể dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại qua nhiều kênh và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường và Khoa đã có kế hoạch phát triển đội ngũ GV cả về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tỉ lệ GV/SV thường xuyên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến CLĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng bằng văn bản và được phổ biến và thông báo công khai.

Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH của GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV thường xuyên được triển khai thực hiện. Hàng năm, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo để rút kinh nghiệm, làm cơ sở, căn cứ để xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển GV tiếp theo.

Nhà trường và Khoa đã có quy định cụ thể về kế hoạch công tác hằng năm đối với GV. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng. Phần lớn GV đều hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định cụ thể về định mức thời gian NCKH tối thiểu của GV. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

3.1.7. Đội ngũ nhân viên

Nhà trường đã xác định kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường cũng có các chính sách đãi ngộ, tuyển dụng và thu hút đội ngũ nhân viên minh bạch, khách quan.

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai.

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện hàng năm. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

Nhà trường có thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc. Nhà trường có kế hoạch và triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

Nhà trường đã có những quy định về công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên rất rõ ràng và công khai. Tất cả nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hầu hết nhân viên đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc.

3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng quy định, được cập nhật hàng năm và được công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và dự báo nhu cầu nhân lực, được cập nhật hàng năm.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV được xác định rõ ràng, có cơ sở khoa học và được công khai. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường và Khoa đã thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất điều chỉnh các tiêu chí, phương pháp tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế.

Nhà Trường đã có bộ phận/cán bộ chuyên trách và có quy định rõ ràng về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV, cảnh báo học vụ. Nhà trường đã xây dựng cơ sở dữ liệu để theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

Nhà trường có đầy đủ các bộ phận chức năng và có kế hoạch triển khai các hoạt động tư vấn học tập, đăng ký các học phần trong CTĐT, tư vấn kịp thời phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế và việc làm cho SV. Hơn 75% SV, cựu SV được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

Nhà trường có vị trí địa lý thuận lợi, quy hoạch tổng thể phù hợp tạo nên không gian thoải mái, thân thiện cho SV. Nhà trường luôn đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự, an toàn và chăm sóc, tư vấn tâm lý, sức khỏe cho SV cũng như thường xuyên lấy ý kiến khảo sát SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống giảng đường, số lượng phòng học đủ để đảm bảo hiệu quả cho hoạt động giảng dạy, đào tạo của Nhà trường. Có đầy đủ các phòng hội thảo, hội trường để tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học. Hệ thống văn phòng, phòng làm việc được trang bị đầy đủ, đảm bảo tiện nghi cho hoạt động phục vụ đào tạo.

Nguồn tài liệu được Thư viện cập nhật, bổ sung thường xuyên. Việc xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu điện tử đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV và SV.

Nhà trường đã bố trí đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Phòng thực hành được trang bị nhiều thiết bị phù hợp. Các phòng thực hành đều có nhân viên phụ trách, có hồ sơ theo dõi để quản lý việc sử dụng các trang thiết bị.

Nhà trường có hệ thống CNTT với các phòng máy và máy tính được đầu tư tập trung và có khả năng đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH. Các phần mềm và hạ tầng cáp quang internet hỗ trợ cho công tác quản lý, hoạt động đào tạo, NCKH được cập nhật thường xuyên qua các năm. Hàng năm, hệ thống CNTT được Nhà trường kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa và nâng cấp kịp thời, đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn. Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về hệ thống CNTT hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH luôn được thực hiện đầy đủ.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn thường xuyên được Nhà trường quan tâm thông qua việc đăng ký và tổng kết các công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự và thường xuyên được khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của GV, SV.

3.1.10. Nâng cao chất lượng

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan. CTDH của ngành QTKS đã được thiết kế và phát triển dựa trên cơ sở thông tin phản hồi từ các bên có liên quan thông qua các quy định, kế hoạch tổ chức thực hiện của Nhà trường và Khoa nhằm đáp ứng với CDR.

Nhà trường đã có văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đánh giá; rà soát và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành QTKS.

Nhà trường đã có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của SV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR. Các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT được rà soát, đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Đã có nhiều đề tài NCKH liên quan chặt chẽ tới việc dạy và học, đảm bảo được sự gắn kết giữa NCKH với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã kịp thời ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Cơ chế thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống, được đánh giá, có sự điều chỉnh và cải tiến thường xuyên.

3.1.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV thôi học, SV tốt nghiệp đúng hạn được kịp thời và chính xác. Hàng năm, tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp được thống kê danh sách và được đánh giá, phân tích, giám sát, đối sánh giữa các ngành để cải tiến chất lượng CTĐT.

Nhà trường đã có bộ phận chuyên trách giám sát thời gian tốt nghiệp, theo dõi, thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV cũng như nghiên cứu nguyên nhân SV tốt nghiệp chậm, từ đó đề ra nhiều biện pháp hỗ trợ SV giảm tối đa thời lượng học tập. Nhà trường có tổ chức tổng kết hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường đã có đơn vị chuyên trách khảo sát, phân tích và lưu trữ danh sách SV tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, đơn vị công tác, mức thu nhập bình quân của SV trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp. Nhà trường thực hiện đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong Trường với cùng hình thức đào tạo. Kết quả khảo sát việc làm của cựu SV được Nhà trường thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các phương án hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm.

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV đã được xác lập dựa trên kế hoạch hoạt động hàng năm, được giám sát định kỳ trong suốt quá trình thực hiện và được đối sánh giữa các ngành trong Nhà trường nhằm cải tiến chất lượng.

Nhà trường và Khoa đã thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, CTĐT, CĐR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo. Kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của các bên đã được đối sánh với các CTĐT khác trong Nhà trường làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy của GV, CTĐT, CĐR, các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo.

3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu, CĐR của CTĐT chưa được lấy ý kiến của các đơn vị tuyển dụng ở các tỉnh lân cận.

CĐR của CTĐT ngành QTKS đã công bố công khai nhưng nhà tuyển dụng, cựu sinh viên chưa được tiếp cận đầy đủ.

3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT chưa được khảo sát các nhà tuyển dụng bên ngoài tỉnh Bình Định. Việc đối sánh và cập nhật CTĐT với các trường hàng đầu ở nước ngoài còn tương đối ít.

Một số ĐCCTHP có các tài liệu tham khảo khó tiếp cận. Việc bổ sung, điều chỉnh và cập nhật ĐCCTHP chưa được khảo sát các đơn vị sử dụng lao động ngoài tỉnh Bình Định.

Bản mô tả CTĐT chưa có bản tiếng Anh nên khó tiếp cận đối với các nhà sử dụng lao động là người nước ngoài.

3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Một số học phần vẫn chưa thể cập nhật kịp thời phương pháp giảng dạy mới.

Khi xây dựng và đổi mới nội dung các học phần trong CTDH vẫn chưa thực hiện khảo sát, lấy ý kiến từ các đơn vị tuyển dụng lao động bên ngoài tỉnh Bình Định.

Việc đối sánh với CTDH tiên tiến của các cơ sở giáo dục quốc tế chưa nhiều.

3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Một số GV, SV chưa hiểu rõ về triết lý giáo dục của Nhà trường.

Các hình thức thực tập, thực tế còn hạn chế; việc kết nối giữa SV với các tổ chức nghề nghiệp chưa đa dạng.

SV chưa được tiếp cận với các phần mềm hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành nên gặp khó khăn nhất định trong việc rèn luyện kỹ năng, tiếp cận với thực tiễn.

3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Các đề thi chưa được thống kê phân tích định lượng theo cấp độ để phân loại và đánh giá kết quả học tập; ngân hàng đề thi chưa được xây dựng theo ma trận với các mức độ khác nhau để đánh giá toàn diện kết quả học tập của SV một cách khách quan và chuẩn xác.

Một số SV chưa nắm rõ cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, chưa thực hiện nghiêm túc quy trình kiểm tra đánh giá để cải thiện kịp thời kết quả học tập.

SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu giữa bài làm với kết quả đánh giá thi. Một số SV còn gặp khó khăn trong quá trình khiếu nại và không thực hiện được việc khiếu nại kịp thời.

3.2.6. *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Việc thu hút nguồn GV có trình độ cao chưa thực sự hiệu quả. Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học ngoại ngữ, học tập nâng cao chuyên môn, tham dự các hội nghị hội thảo, NCKH... còn hạn chế.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được lượng hóa và chưa có các quy định cụ thể về việc quy đổi các hoạt động phục vụ cộng đồng. Năng lực đóng góp cho cộng đồng của GV chưa đồng đều. Các đề tài NCKH của GV với các đối tác ngoài trường chưa nhiều.

Chưa xây dựng bộ công cụ phù hợp (hệ thống KPI) để đánh giá kết quả công việc của GV để làm căn cứ khen thưởng.

3.2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Công tác thu hút và các chính sách tuyển dụng đội ngũ nhân viên có trình độ cao làm việc tại một số vị trí chưa được chú trọng đúng mức.

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

Hoạt động đánh giá, xếp loại viên chức, xét tặng các danh hiệu thi đua vẫn chưa giúp phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên chưa được xem như là căn cứ bắt buộc khi thực hiện việc đánh giá, xếp loại nhân viên.

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm.

3.2.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ SV người học*

Việc thu thập ý kiến của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện liên tục. Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học không khớp với nhau, tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học chưa đạt kế hoạch đề ra.

Việc giám sát sự tiến bộ của SV chỉ mới tập trung vào các SV bị cảnh báo học vụ hoặc có các vi phạm trong rèn luyện mà chưa đánh giá được sự tiến bộ của tất cả SV qua các học kỳ.

Hoạt động liên hệ thực tập, thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động bên ngoài tỉnh vẫn còn hạn chế. Các hoạt động tư vấn tâm lý cho SV còn ít. Không gian tự học của SV còn hạn chế.

3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc quản lý và khai thác các phòng học ở các khu giảng đường còn mang nặng tính thủ công. Hiện nay nhà trường chưa có phòng làm việc riêng cho các bộ môn.

Một số học phần chưa có đủ tài liệu tham khảo tại Thư viện. Quy mô và cơ sở vật chất tại các phòng đọc, phòng tự học vẫn chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và NCKH của GV và SV.

Các trang thiết bị thực hành tiêu chuẩn cao chưa được đầu tư đầy đủ. Một số trang thiết bị thực hành chưa được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên.

Máy tính tại một vài phòng làm việc và phòng thực hành đã được sử dụng trong nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của cán bộ, GV và học tập của SV.

Chính sách quan tâm đến người khuyết tật còn hạn chế, một số công trình chưa đáp ứng được yêu cầu dành cho người khuyết tật (khu giảng đường, nhà vệ sinh...).

3.2.10. Nâng cao chất lượng

Việc lấy ý kiến đánh giá của các bên có liên quan về CTDH, quy trình thiết kế và phát triển CTDH vẫn chưa được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Đề thi kiểm tra đánh giá học phần chưa được thiết kế dựa trên thang điểm đánh giá năng lực học tập của SV.

Chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành QTKS. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành QTSK để phục vụ hoạt động nghiên cứu của cả GV và SV vẫn còn thiếu.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan chưa được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng và chưa được thực hiện rộng rãi.

3.2.11. Kết quả đầu ra

Đối sánh tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp, SV tốt nghiệp, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV có việc làm với các cơ sở đào tạo ngoài Trường vẫn còn hạn chế.

Nhà trường và Khoa chưa thường xuyên tổ chức đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường và Khoa chưa xây dựng kế hoạch NCKH của SV trong dài hạn.

Nhà trường và Khoa vẫn chưa có sự đối sánh đầy đủ và toàn diện về mức độ hài lòng của các bên có liên quan với các đơn vị đào tạo khác để làm cơ sở cải tiến CLĐT.

3.3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa TC-NH & QTKD và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2024 - 2025 trở đi như sau:

3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Lấy ý kiến rộng rãi hơn đối với các đơn vị tuyển dụng về mục tiêu, CĐR của CTĐT. Xây dựng mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và với mục tiêu GDĐH theo Luật giáo dục, phù hợp với yêu cầu mới của thị trường. Xây dựng CĐR của CTĐT khoa học, chú trọng thay đổi CĐR theo chuẩn AUN – QA.

Công bố CĐR của CTĐT đến trực tiếp các nhà tuyển dụng, cựu SV qua các phiếu khảo sát định kỳ. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CĐR định kỳ trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; Tăng cường công khai CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn.

3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiến hành mở rộng khảo sát đối với các nhà tuyển dụng bên ngoài tỉnh Bình Định về bản mô tả CTĐT, các ĐCCTHP.

Tăng cường cập nhật và đối sánh CTĐT với nhiều trường hàng đầu ở nước ngoài. Điều chỉnh, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan, bổ sung các học phần mới có tính hiện đại và phù hợp với thị trường lao động.

Rà soát, điều chỉnh các tài liệu tham khảo để tiếp cận hơn trong các ĐCCTHP. Thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật ĐCCTHP theo quy định.

Mở rộng website của Trường và Khoa sang phiên bản tiếng Anh. Đưa các ĐCCTHP, bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh lên các website của Trường và Khoa. Khai thác thêm các phương tiện công bố công khai khác như fanpage của Khoa cho phù hợp với nhu cầu tra cứu của các bên liên quan.

3.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

Cập nhật kịp thời phương pháp giảng dạy mới của tất cả các học phần trong CTDH. Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động bên ngoài tỉnh Bình Định về nội dung của các học phần trong CTDH.

Tiến hành cập nhật và điều chỉnh nội dung của các học phần dựa trên ý kiến của các bên liên quan nhằm làm rõ ràng hơn đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR.

Tăng cường đối sánh các CTDH tiên tiến của các cơ sở giáo dục quốc tế. Định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật CTDH hai năm một lần trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Thường xuyên cập nhật thông tin trên website của Trường để GV, SV và cộng đồng được tiếp cận sâu rộng hơn nữa triết lý, mục tiêu giáo dục của Trường.

Phối hợp với các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp để tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động hỗ trợ để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV. Tích cực, chủ động cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm, đổi mới phương pháp giảng dạy, các hoạt động học tập phù hợp để đạt được CĐR.

Cung cấp các phần mềm như SKy hotel, SMile, PMS... để hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành. Tăng cường số giờ thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, đồng thời tích cực tìm tòi phương pháp giảng dạy phù hợp để giúp SV hoàn thiện các kỹ năng cần thiết và phát huy tối đa khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Xây dựng đầy đủ ngân hàng đề thi đối với tất cả các học phần; Thực hiện thống kê phân tích định lượng đề thi để phân loại và đánh giá kết quả học tập của SV; Tăng cường hình thức đánh giá thông qua các bài tập lớn.

Tuyên truyền, hướng dẫn SV đọc kỹ, hiểu rõ các quy định, quy trình kiểm tra đánh giá. Công khai đáp án của đề thi. Thường xuyên cập nhật, bổ sung và phổ biến các văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hoạt động chấm thi, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV.

3.3.6. *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Rà soát, bổ sung các chính sách thu hút và xây dựng kế hoạch phát triển nguồn GV có trình độ cao.

Cần có các quy định cụ thể về việc quy đổi các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV. Trên cơ sở đó, tổ chức đánh giá mức độ thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV.

Tăng cường mức độ hỗ trợ kinh phí để GV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Thường xuyên tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả các kế hoạch đào tạo để rút kinh nghiệm, làm cơ sở, căn cứ để xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển GV tiếp theo.

Xây dựng hệ thống KPI để đánh giá hiệu quả công việc của GV làm căn cứ khen thưởng. Đảm bảo 100% GV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

Khoa và Nhà trường tăng cường kết nối, hợp tác NCKH với các đối tác bên ngoài. Đồng thời, Khoa ưu tiên đề xuất với Nhà trường những công trình nghiên cứu có tính liên ngành và ứng dụng. Tăng cường giám sát, đối sánh các kết quả đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

3.3.7. *Đội ngũ nhân viên*

Hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên cũng như rà soát và hoàn thiện đề án vị trí việc làm phù hợp với nhu cầu thực tế và định hướng phát triển trong tương lai.

Thường xuyên phân tích nhu cầu và lấy ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên. Sử dụng kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên để làm căn cứ thực hiện việc đánh giá, xếp loại nhân viên. Quản lý, theo dõi hồ sơ, lý lịch nhân viên chặt chẽ,

thường xuyên hơn. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện quy trình, phương pháp, công cụ và các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên.

Thường xuyên khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên ở các đơn vị trong Trường. Lập kế hoạch định kỳ và tăng cường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

Cần có quy định rõ ràng hơn về kế hoạch, khối lượng công việc, tiến độ hoàn thành để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của nhân viên. Quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc tiếp tục dựa trên những xây dựng, góp ý của tất cả nhân viên.

3.3.8. SV và hoạt động hỗ trợ người học

Thường xuyên thu thập ý kiến của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và dự báo nhu cầu nhân lực. Cập nhật chính sách và quy định tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành QTKS nói riêng hàng năm. Phân tích kết quả tuyển sinh theo từng tỉnh, từng trường THPT để có thể tuyển được thí sinh có nguyện vọng vào học tại Trường ĐHQN. Thực hiện kết nối với fanpage của các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên để cung cấp các thông tin tuyển sinh liên quan của Khoa và Trường.

Đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học nhằm rà soát, đánh giá và xác định tiêu chí tuyển sinh dựa vào tình hình thực tế, nắm bắt thị trường lao động.

Tổng hợp kết quả học tập và kết quả rèn luyện của tất cả SV qua mỗi học kỳ để đánh giá chính xác sự tiến bộ của SV.

Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng bên ngoài tỉnh để đem lại cơ hội thực tập, thực tế và tuyển dụng cho SV. Thường xuyên ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, đăng ký các học phần trong CTĐT, tư vấn kịp thời phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế và việc làm cho SV. Duy trì hơn 75% SV, cựu SV được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý và mở rộng không gian tự học cho SV. Phổ biến thường xuyên nếp sống văn minh trong Nhà trường, giữ gìn và cải thiện cảnh quan trong các buổi ngoại khóa, sinh hoạt lớp. xuyên tổ chức lấy ý kiến khảo sát SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

3.3.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Cần áp dụng biện pháp quản lý và khai thác hiệu quả các phòng học ở các khu giảng đường để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, GV và SV, đồng thời bố trí phòng làm việc riêng cho các bộ môn. Thường xuyên đầu tư, nâng cấp tiện nghi cho hệ thống văn phòng, phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các trang thiết bị nhằm đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo, NCKH.

Thường xuyên mua mới, bổ sung giáo trình, sách chuyên khảo và tạp chí về ngành QTKS. Xây dựng phòng đọc, phòng tự học có quy mô và chất lượng cao, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và SV.

Nhanh chóng đầu tư thêm CSVC, trang thiết bị tiêu chuẩn cao cũng như duy tu, bảo dưỡng hệ thống các trang thiết bị đã có trong Trung tâm Thực hành nghiệp vụ Lữ hành và Khách sạn nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu của GV và SV ngành QTKS. Đội ngũ nhân viên phụ trách ở các phòng thực hành, thường xuyên ghi sổ theo dõi lịch thực hành để đảm bảo hiệu quả sử dụng các trang thiết bị.

Cần rà soát và đầu tư thay mới các máy tính có cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm, cập nhật các phần mềm mới nhất. Thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và SV về hệ thống CNTT hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH.

Tăng cường thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Định kỳ tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của GV, SV về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự.

3.3.10. Nâng cao chất lượng

Hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan. Thiết kế, cải tiến và phát triển CTDH từ ý kiến đóng góp của các bên liên quan và đảm bảo thực hiện theo đúng quy trình, kế hoạch. Mở rộng việc lấy ý kiến phản hồi của SV, đơn vị sử dụng lao động làm cơ sở cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Hoàn thiện các quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của SV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR.

Tăng cường thực hiện các đề tài NCKH về việc cải tiến phương pháp dạy học. Tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học hay seminar với chủ đề liên quan tới việc cải tiến các phương pháp dạy học của GV và hoạt động học tập của SV.

Đầu tư mua tài khoản các cơ sở dữ liệu quốc tế để phục vụ tốt hơn việc NCKH. Hoàn thiện các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Cần thường xuyên và đa dạng hơn trong việc tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị để kết nối SV với nhiều bên liên quan khác nhau.

3.3.11. Kết quả đầu ra

Thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo ngoài Trường. Phân tích, giám sát và đối sánh tỷ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT.

Thường xuyên theo dõi, đánh giá các biện pháp hỗ trợ đã thực hiện để đo lường mức độ hiệu quả. Nghiên cứu, tham khảo các biện pháp để cải thiện, đổi mới biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Thường xuyên tổ chức tổng kết hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Thực hiện đối sánh tình hình có việc làm của cựu SV với các cơ sở đào tạo quốc tế. Đẩy mạnh các nghiên cứu về việc làm của cựu SV, phân tích nguyên nhân, đề xuất các phương án hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm.

Xây dựng kế hoạch NCKH của SV trong dài hạn để xác lập các loại hình NCKH của SV tương thích với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và CĐR của CTĐT. Thực hiện thường xuyên việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV với các cơ sở giáo dục quốc tế.

Thực hiện việc đối sánh đầy đủ và toàn diện mức độ hài lòng của các bên có liên quan về CLĐT của Nhà trường với các đơn vị đào tạo khác để làm cơ sở cải tiến CLĐT.

3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy cả 50 tiêu chí đều đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Quy Nhơn**

Mã: **DQN**

Tên CTĐT: **Quản trị khách sạn**

Mã CTĐT: **7810201**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,33	3	100
Tiêu chí 1.1						6				
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,33	3	100
Tiêu chí 2.1						6				
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,33	3	100
Tiêu chí 3.1					5					

Tiêu chí 3.2					6					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,20	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5,14	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6						6				

Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								5,20	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3						6				
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5,00	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5,20	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4						6				
Tiêu chí 9.5						6				
Tiêu chuẩn 10								5,83	6	100
Tiêu chí 10.1						6				

Tiêu chí 10.2					6					
Tiêu chí 10.3					6					
Tiêu chí 10.4					6					
Tiêu chí 10.5					6					
Tiêu chí 10.6					5					
<i>Tiêu chuẩn 11</i>										
Tiêu chí 11.1					6					
Tiêu chí 11.2					6					
Tiêu chí 11.3				5				5,60	5	100
Tiêu chí 11.4				5						
Tiêu chí 11.5					6					
Đánh giá chung CTĐT								5,30	50	100

Bình Định, ngày tháng năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 20/04/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHQN

Tiếng Anh: QNU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GD&ĐT

5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0256.3846156 Số fax: 02563846089

7. E-mail: dqn@moet.edu.vn Website: www.qnu.edu.vn

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1982

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tiếng Anh: DEPARTMENT OF FINANCE – BANKING AND BUSINESS ADMINISTRATION

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: K.TC-NH&QTKD

Tiếng Anh: DEPT. OF FB&BA

14. Tên trước đây (nếu có):

15. Tên CTĐT

Tiếng Việt: Quản trị khách sạn

Tiếng Anh: Hospitality Management

16. Mã CTĐT: 7340201

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 11 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

19. Số điện thoại liên hệ: 02563.847.845 Số fax:

20. E-mail: kqtkd@qnu.edu.vn Website: <http://www.fbm.qnu.edu.vn>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2009 (theo Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN của Hiệu trưởng Trường ĐHQN).

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2019

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2022

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh

24. Lịch sử phát triển

Tháng 7 năm 1994, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã kí Hợp đồng về liên kết đào tạo ngành QTKD. Sự kiện này đã đặt “viên gạch” đầu tiên cho quá trình xây dựng và phát triển các ngành QTKD, Kế toán, QTKS và Kinh tế. Năm đầu tiên tuyển sinh ngành QTKD – tháng 9 năm 1994 – Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn tuyển được 65 SV chuyên ngành QTKD Du lịch. Nhiệm vụ quản lý SV của khóa học đầu tiên này được giao cho Khoa Sử - Chính trị.

Ngày 7 tháng 6 năm 1996, Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 118/QĐ thành lập Ban Công nghệ - Luật - Kinh tế để quản lý giai đoạn II các ngành liên kết đào tạo: QTKD du lịch, QTKD Thương mại, Kế toán,.. (liên kết Trường Đại học Kinh tế Quốc dân), Quản trị doanh nghiệp (liên kết Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội), Luật (liên kết với Trường Đại học Luật Hà Nội), Điện tử và Điện kỹ thuật (Liên kết Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng).

Để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý đồng thời nhằm hướng tới sự phát triển lâu dài, năm 1998, phương thức đào tạo theo 2 giai đoạn được bãi bỏ. Ngày 14 tháng 07 năm 1998 Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 220/QĐ thành lập Ban Kinh tế - Luật trên cơ sở Ban Đại học đại cương và bộ phận Luật - Kinh tế của Ban Công nghệ - Luật - Kinh tế.

Sự lớn mạnh của đội ngũ GV và sự gia tăng nhanh về số lượng SV các ngành QTKD, QTKS, Kế toán, Kinh tế... đã thể hiện xu hướng phát triển khách quan của các ngành kinh tế nói chung.

Ngày 27 tháng 03 năm 2002, Bộ GD&ĐT ra quyết định số 1247/QĐ - BGDDT-TCCB về việc thành lập Khoa Kinh tế và QTKD. Đây là bước khởi đầu giữ vai trò chuẩn bị điều kiện để đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường ĐHQN. Cũng trong năm học 2002 – 2003, Khoa Kinh tế và QTKD chính thức được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh tự đào tạo ngành QTKD (do Trường ĐHQN cấp bằng). Hai sự kiện này là bước ngoặt lớn, tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Khoa sau này. Những năm tiếp theo, các ngành Kế toán, QTKS và Kinh tế lần lượt ra đời.

Sau 26 năm xây dựng và phát triển (kể từ ngày thành lập trường: 21/12/1977), ngày 30/10/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường ĐHQN. Đây là một dấu mốc quan trọng khẳng định chiến lược phát triển đa ngành đa lĩnh vực của Trường ĐHQN, mở ra một thời kỳ phát triển mới cho các ngành ngoài sư phạm - các ngành Kinh tế & QTKD trong Nhà trường.

Ngày 14 tháng 10 năm 2009, Hiệu trưởng Trường ĐHQN ký Quyết định số 1231/QĐ-ĐHQN thành lập Khoa TC-NH & QTKD và Khoa Kinh tế và Kế toán trên cơ sở tách Khoa Kinh tế và QTKD. Khoa lấy ngày 27 tháng 03 hàng năm làm ngày truyền thống.

Đến nay, Khoa đã đào tạo và cung cấp cho tỉnh Bình Định, Khu vực Duyên hải Miền Trung và Tây nguyên, cung cấp cho đất nước hàng ngàn cử nhân kinh tế thuộc các chuyên ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Khoa hiện đảm nhận đào tạo 5 ngành đại học: Cử nhân TC-NH, Cử nhân QTKD, Cử nhân Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Cử nhân Quản trị khách sạn, Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Về đào tạo sau đại học, Khoa đang đào tạo 1 ngành Thạc sĩ QTKD. Hiện tại, Khoa TC-NH có hơn 3.000 SV hệ chính quy, 117 học viên cao học. Hầu hết SV, học viên tốt nghiệp từ Khoa đều đáp ứng tốt yêu cầu công việc và đòi hỏi của xã hội. Nhiều cựu SV, học viên giữ trọng trách với tư cách là nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nhân thành đạt và có uy tín.

Về kết quả đào tạo, qua gần 20 năm từ ngày thành lập, Khoa TC-NH & QTKD đã góp phần đào tạo hơn 2.500 cử nhân TC-NH, 3.500 cử nhân QTKD, 85 cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, 180 cử nhân QTKS và 146 ThS QTKD.

Về NCKH, chỉ tính trong 05 năm trở lại đây, Khoa TC-NH & QTKD đã có 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp tỉnh, 23 đề tài cấp trường đã nghiệm thu và đang được triển khai; đã công bố 81 bài báo trên tạp chí và hội thảo quốc tế, 78 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội thảo trong nước; có 7 giáo trình và sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy đại học được xuất bản ở các nhà xuất bản có uy tín.

Hoạt động NCKH của SV cũng ngày càng được chú trọng và phát triển. Với sự hướng dẫn của các GV giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao, phong trào SV NCKH của Khoa ngày càng đi vào chiều sâu, tăng về số lượng và chất lượng. Nhiều SV Khoa TC-NH & QTKD đã tham gia NCKH và đạt giải cao ở các cuộc thi SV NCKH cấp quốc gia được tổ chức hằng năm như giải cấp Bộ do Bộ GD&ĐT tổ chức và Giải thưởng Euréka.

Về hợp tác quốc tế, hiện Khoa đang mở rộng liên kết đào tạo trình độ đại học và NCKH với Đại học Prince of Songkla, Thái Lan.

Với những đóng góp to lớn đó, tập thể và cá nhân cán bộ GV Khoa TC-NH & QTKD đã được vinh dự nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

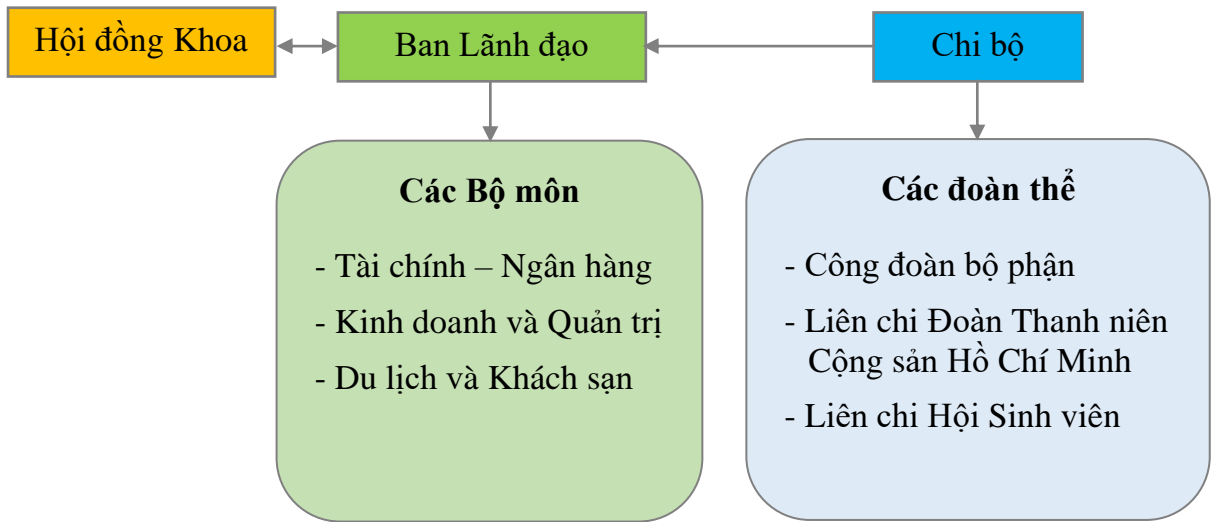
Trong thời gian tới, Khoa TC-NH & QTKD tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ GV, nâng cao chất lượng dạy học, NCKH của GV, SV và học viên; xây dựng, cập nhật CTĐT ở các bậc học phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng nhu cầu của xã hội; phát huy hơn nữa NCKH, đặc biệt các đề tài hướng đến ứng dụng phục vụ đời sống và chuyển giao công nghệ.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa TC-NH & QTKD



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1.	Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
3.	Phó Hiệu trưởng	Đình Anh Tuấn	1966	TS	0914046673	dinhanhtuan@qnu.edu.vn
4.	Phó Hiệu trưởng	Đoàn Đức Tùng	1975	PGS.TS	0905799386	ddtung@qnu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Trưởng khoa	Phạm Thị Bích Duyên	1983	PGS.TS	0379112626	phamthibichduyen@qnu.edu.vn
2.	Phó Trưởng khoa	Đặng Thị Thanh Loan	1981	TS	0394751359	dangthithanhloan@qnu.edu.vn
3.	Phó Trưởng khoa	Nguyễn Chí Tranh	1988	TS	0868444111	nguyenchitranh@qnu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Chi bộ	Phạm Thị Bích Duyên	1983	PGS.TS, ĐUV, Bí thư	0379112626	phamthibichduyen@qnu.edu.vn
2.	Công đoàn	Phạm Thị Hương	1988	TS, Chủ tịch	0965468348	phamthihuong@qnu.edu.vn
3.	Liên chi Đoàn	Nguyễn Hoàng Phong	1989	TS, Bí thư	0907083689	nguyenhoangphong@qnu.edu.vn
4.	Liên chi Hội Sinh viên	Nguyễn Thị Bé Phúc	2003	LCH Trưởng	0383536349	bephuc6349@gmail.com
III. Các phòng, ban						
1.	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	TS, Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn

2.	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiến	1962	ThS, Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuutien@qnu.edu.vn
3.	Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	PGS.TS, Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn
4.	Phòng Công tác chính trị và Sinh viên	Cao Kỳ Nam	1986	ThS, Trưởng phòng	0856259842	caokynam@qnu.edu.vn
5.	Phòng Cơ sở vật chất	Trần Thanh Thái	1972	TS, Trưởng phòng	0914682645	ttthai@qnu.edu.vn
6.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN, Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7.	Phòng Thanh tra – Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1971	ThS, Trưởng phòng	0935603630	nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn
8.	Phòng Tổ chức – Nhân sự	Hà Thanh Hải	1969	TS, Trưởng phòng	0983443902	hathanhhai@qnu.edu.vn
9.	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Ngô Anh Tú	1981	TS, Trưởng phòng	0935701288	ngoanhtu@qnu.edu.vn
10.	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang	1972	PGS.TS, Trưởng phòng	0979890009	hoxuanquang@qnu.edu.vn
11.	Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TS, Viện trưởng	0931906721	nguyenphihung@qnu.edu.vn
12.	Viện Nghiên cứu ứng dụng KH & CN	Lê Thị Kim Nga	1978	TS, Viện trưởng	0906555779	kimnga78@gmail.com

13.	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Nguyễn Thành Đạt	1980	TS, Giám đốc	0905139393	datnt@qnu.edu.vn
14.	TT. Đào tạo và Tư vấn Kinh tế và Kế toán	Trần Thị Cẩm Thanh	1976	PGS.TS, Giám đốc	0913499523	tranthicamthanh@qnu.edu.vn
15.	TT. Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	Nguyễn Khắc Khanh	1982	ThS, Giám đốc	0985554050	nguyenkhackhanh@qnu.edu.vn
16.	TT. Ngoại ngữ	Nguyễn Tiên Phùng	1977	TS, Giám đốc	0931906721	nguyentienphung@qnu.edu.vn
17.	TT. Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản	Võ Minh Hải	1981	TS, Giám đốc	0914035159	vominhhai@qnu.edu.vn
18.	TT. Tin học	Lê Xuân Vinh	1967	TS, Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
19.	Thư viện	Lê Thanh Hải	1982	ThS, Giám đốc	0987747378	lethanhhai@qnu.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1.	Tài chính – Ngân hàng	Phan Trọng Nghĩa	1986	TS, TBM	0989785738	phantrongnghia@qnu.edu.vn
2.	Kinh doanh và Quản trị	Lê Dzu Nhật	1982	TS, TBM	0934990488	ledzunhat@qnu.edu.vn
3.	Du lịch và Khách sạn	Trần Thanh Phong	1984	TS, TBM	0909135579	tranthanhphong@qnu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa TC-NH & QTKD:

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 05

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 06

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu			
I.1	Cán bộ trong biên chế	16	26	42
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	1	1
II	Các cán bộ khác			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	16	27	43

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	Ghi chú
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	2	0	0	2	0	
2	Tiến sĩ	22	12	0	10	0	
3	Thạc sĩ	16	16	0	0	0	
	Tổng số	40	28	0	12	0	

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 42 người

Tỷ lệ % GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93,02%.

32. Quy đổi số lượng GV của Khoa TC-NH & QTKD theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	3,0	2	0	0	2	0	1,8
2	Tiến sĩ	2,0	22	12	0	10	0	30
3	Thạc sĩ	1,0	16	16	0	0	0	16
	Tổng số		40					47,8

Cách tính: cột 9 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8)

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	2	5,0	1	1			1	1	
2	Tiến sĩ	22	55,0	7	15		13	8	1	
3	Thạc sĩ	16	40,0	7	9	3	11	2		
	Tổng số	40		15	25	3	24	11	2	0

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 37

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 24/40 ~ 60,0%

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 16/40 ~ 40,0%

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	18%	48%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	45%	39%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	23%	11%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	9%	2%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	5%	0%
	Tổng	100	100

V. SV (chỉ tính số lượng SV của CTĐT)

35. SV bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và NCS

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số SV trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2018-2019	430	256	1,68	246	14	18	0
2019-2020	852	329	2,59	318	14	16,2	0
2020-2021	629	270	2,33	262	15	19,3	0
2021-2022	198	155	1,28	143	15	18,2	0
2022-2023	222	145	1,53	143	17	18,3	0

36. Thống kê, phân loại số lượng SV của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	256	575	793	853	922
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

Các tiêu chí	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0%	0%	0%	0%	0%

38. SV của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số SV có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. SV có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	54	132	168	204	193
3. SV được ở trong ký túc xá (người)	35	68	77	84	53
4. Tỷ số diện tích trên đầu SV ở trong ký túc xá (m ² /người)	4	4	4	4	4

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) SV của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Số lượng (người)	0	9	14	23	30
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0%	1,57%	1,77%	2,70%	5,42%

40. Thống kê số lượng SV của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy				145	
Hệ không chính quy					
4. SV tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những SV đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

	Các tiêu chí	Năm học				
		2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1	Số lượng SV tốt nghiệp				145	
2	Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)				78,8%	
3	3. Đánh giá của SV tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1	3.1. Tỷ lệ SV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				77,9	
3.2	3.2. Tỷ lệ SV trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				19,0	
3.3	3.3. Tỷ lệ SV trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				3,1	
4	4. SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị					

	<p>thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
	4.1. Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
	- Sau 6 tháng tốt nghiệp.				75,41	
	- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
	4.2. Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành đào tạo (%).				18,03	
	4.3. Thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm (triệu đồng/tháng)				7,2	
	<p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
	5.1. Tỷ lệ SV đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).				62,5	
	5.2. Tỷ lệ SV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc,				25	

	nhưng phải đào tạo thêm (%)					
	5.3. Tỷ lệ SV phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).				12,5	

Ghi chú:

- SV tốt nghiệp là SV có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những SV chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- SV có việc làm là SV tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng quy đổi
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	1	0	1	0	4
3	Đề tài cấp trường	0,5	5	5	7	1	4	11
	Tổng							15

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 15

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 15/40 ~ 37,5%

43. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2018			
2	2019			
3	2020			
4	2021			
5	2022			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	12	22	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	12	22	

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	1	0	0	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	1	1	1	4	0	10,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	1	0	0	0	1
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng							13,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 13,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 13,5/40 ~ 33,75%

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		12	8	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		12	8	

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	8	5	2	3	1	28,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	7	16	14	11	2	50
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	1	0	0	0,5
	Tổng		15	21	17	14	3	79

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 79

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 79/40 ~ 1,975

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài	17	48	1
Từ 6 đến 10 bài	2	2	0
Từ 11 đến 15 bài	0	0	0
Trên 15 bài	0	0	0
Tổng	19	50	1

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	13	28	9	12	0	62
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	5	5	2	1	8,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	2	3	2	3	1	2,75
	Tổng							73,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 73,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 73,25/40 ~ 1,831

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	56	14	11
Từ 6 đến 10 báo cáo	6	3	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	62	17	11

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	

52. NCKH của SV

52.1. Số lượng SV của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng SV tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	190	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số SV tham gia	0	0	190	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích NCKH của SV:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	5	3	3	2	2
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	6	3	4	5	2

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: **240.112 m²**.

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: **130.610 m²**.

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

- Nơi làm việc: **6.855 m²**, Nơi học: **36.416 m²**, Nơi vui chơi giải trí: **18.905 m²**.

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: **25.748 m²**

- Tỷ số diện tích phòng học trên SV chính quy: **2,3 m²/người**

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại thư viện: **1.221**

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

Dùng cho hệ thống văn phòng: **04**

Dùng cho SV tập: **50**

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số GV cơ hữu (người): **40**

- Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $40/43 = 93,02\%$

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $24/40 \sim 60,0\%$

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 16/40 ~ **40,0%**

2. SV:

- Tổng số SV chính quy (người): **922**
- Tỷ số SV chính quy trên GV: 922/40 ~ **23,05%**
- Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào: **78,8%**

3. Đánh giá của SV tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ SV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: **77,9%**
- Tỷ lệ SV trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: **3,1%**

4. SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo: **57,38%**
- Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành đào tạo: **18,03%**
- Thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm: **7,2 triệu VNĐ**

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ SV đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: **62,5%**
- Tỷ lệ SV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: **12,5%**

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 15/40 ~ **37,5%**
- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: ...
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 13,5/40 ~ **33,75%**
- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 79/40 ~ **1,975**
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 73,25/40 ~ **1,831**

7. Cơ sở vật chất: Tỷ số diện tích ký túc xá trên SV chính quy: **4 m²/SV.**

Phụ lục 2. QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKS

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: 3541/QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 17 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách
chương trình đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 1788 /KH-ĐHQN ngày 04/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về Kế hoạch bảo đảm chất lượng năm học 2022-2023 và Quyết định số 3530/QĐ-ĐHQN về việc điều chỉnh nội dung trong Kế hoạch Bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trường khoa Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo. Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và các văn bản liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trường khoa Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh, các Trường đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KTBDCT



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ.

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

2



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**

(Kèm theo Quyết định số 3541/QĐ-ĐHQN ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Đoàn Đức Tùng	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà Phạm Thị Bích Duyên	TS, GVC, Trưởng khoa Khoa TC-NH & QTKD,	Phó Chủ tịch
4	Ông Nguyễn Chí Tranh	TS, PTK Khoa TC-NH & QTKD	Thư ký
5	Bà Trần Thị Cẩm Thanh	PGS.TS, Thành viên Hội đồng Trường, TK Kinh tế & Kế toán	Thành viên
6	Ông Nguyễn Doãn Thuận	TS, Trưởng khoa Khoa KHXH&NV	Thành viên
7	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, TP. Phòng Khảo thí & BĐCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Tiến Phùng	TS, PTP. Phòng Đào tạo Đại học	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Khánh Linh	ThS, PTP. Phòng Khảo thí & BĐCL	Thành viên
10	Bà Nguyễn Thị Kim Ánh	TS, PTP. Phòng Tổ chức – Nhân sự	Thành viên
11	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS, GD Trung tâm TVTS & QHDN	Thành viên
12	Ông Nguyễn Hoàng Phong	TS, GVC Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
13	Ông Trần Thanh Phong	TS, Trưởng Bộ môn Du lịch và Khách sạn, Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
14	Bà Phạm Thị Hường	TS, GV Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
15	Ông Phan Trọng Nghĩa	TS, Trưởng Bộ môn TC-NH Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
16	Bà Vũ Thị Nữ	TS, GV Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
17	Bà Phan Thị Quốc Hương	TS, GVC Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
18	Bà Đặng Thị Thơi	ThS, GV Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
19	Bà Nguyễn Lê Bích Ngọc	Sinh viên Lớp Quản trị khách sạn Khóa 43C, Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên

(Danh sách gồm có 19 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Kèm theo Quyết định số 3541/QĐ-DHQN ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Chí Tranh	TS, Phó Trưởng khoa Khoa TC-NH & QTKD	Trưởng Ban thư ký
2	Ông Nguyễn Hoàng Phong	TS, GVC Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên thường trực
3	Nguyễn Thành Chiến	ThS, Chuyên viên Phòng KT & BĐCL	Thành viên hỗ trợ
4	Nguyễn Thị Bích Liễu	ThS, Giảng viên Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
5	Trần Thị Diệu Hương	TS, Giảng viên Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
6	Phạm Thị Kiều Khanh	ThS, Giảng viên Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
7	Phạm Thị Thùy Duyên	ThS, Giảng viên Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên
8	Nguyễn Bá Phước	ThS, Giảng viên Khoa TC-NH & QTKD	Thành viên

(Danh sách gồm có 08 người). *7/12*




DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 3541/QĐ-ĐHQN ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1			
1.	Trần Thanh Phong	TS, TBM Khoa TCNH & QTKD	Trưởng nhóm
2.	Nguyễn Thị Bích Liễu	ThS, GV Khoa TCNH&QTKD	Thư ký
3.	Phạm Trần Trúc Viên	TS, GV Khoa TCNH&QTKD	Thành viên
4.	Trịnh Thị Thúy Hồng	TS, GVC Khoa TCNH&QTKD	Thành viên
5.	Đặng Nguyên Bảo	ThS, GV Khoa TCNH&QTKD	Thành viên
Nhóm 2			
1.	Phạm Thị Hường	TS, GV Khoa TCNH&QTKD	Trưởng nhóm
2.	Trần Thị Diệu Hường	TS, GV Khoa TCNH&QTKD	Thư ký
3.	Phạm Thị Thúy Hằng	TS, GV Khoa TCNH&QTKD	Thành viên
4.	Bùi Thị Thu Ngân	ThS, GV Khoa TCNH&QTKD	Thành viên
5.	Đặng Thị Thu Hằng	Kỹ sư, Trợ lý học tập Khoa TCNH&QTKD	Thành viên
Nhóm 3			
1.	Phan Trọng Nghĩa	TS, TBM Khoa TCNH&QTKD	Trưởng nhóm
2.	Phạm Thị Kiều Khanh	ThS, GV Khoa TCNH&QTKD	Thư ký
3.	Nguyễn Tiến Dũng	ThS, NCS, GV Khoa TCNH & QTKD	Thành viên
4.	Nguyễn Hữu Trúc	TS, GVC Khoa TCNH&QTKD	Thành viên
5.	Nguyễn Thị Huỳnh Nhã	ThS, GV Khoa TCNH&QTKD	Thành viên
Nhóm 4			
1.	Vũ Thị Nữ	TS, GV Khoa TCNH&QTKD	Trưởng nhóm
2.	Phạm Thị Thùy Duyên	ThS, GV Khoa TCNH&QTKD	Thư ký

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
3.	Đặng Trương Cát My	TS, GV Khoa TCNH & QTKD	Thành viên
4.	Đặng Thị Thơi	ThS, GV Khoa TCNH & QTKD	Thành viên
5.	Đặng Thị Ngọc Hà	ThS, GV Khoa TCNH & QTKD	Thành viên
Nhóm 5			
1.	Phan Thị Quốc Hương	TS, GVC Khoa TCNH & QTKD	Trưởng nhóm
2.	Nguyễn Bá Phước	ThS, GV Khoa TCNH & QTKD	Thư ký
3.	Phạm Ngọc Ánh	ThS, GV Khoa TCNH & QTKD	Thành viên
4.	Đặng Hồng Vương	TS, GVC Khoa TCNH & QTKD	Thành viên
5.	Phạm Thị Mỹ Hoàng	CN, Thư ký VP Khoa TCNH & QTKD	Thành viên

(Danh sách gồm có 25 người). 

Phụ lục 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKS

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2755/KH-ĐHQN

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

I. Mục đích tự đánh giá

- Giúp Nhà trường và Khoa Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh (TC-NH&QTKD) tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Quản trị khách sạn, từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động cụ thể nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT, điều chỉnh mục tiêu theo hướng cao hơn cho giai đoạn tiếp theo.

- Là điều kiện cần thiết để Trường đăng ký với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tiến tới đánh giá ngoài và đề nghị công nhận CTĐT cử nhân Quản trị khách sạn đạt tiêu chuẩn chất lượng.

- Thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT cử nhân Quản trị khách sạn của Khoa TC-NH&QTKD theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong giai đoạn 5 năm (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022).

III. Công cụ tự đánh giá

- Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá (TĐG) và đánh giá ngoài CTĐT;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc điều chỉnh một số phụ lục của công văn 2085 /QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020;

- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT (ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng).

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng TDG CTĐT cử nhân Quản trị khách sạn được thành lập theo Quyết định số 3541/QĐ-ĐHQN ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, Hội đồng gồm có 19 thành viên (danh sách kèm theo Quyết định).

2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 3541/QĐ-ĐHQN ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, Ban thư ký gồm có 8 thành viên, các nhóm công tác chuyên trách gồm có 5 nhóm, mỗi nhóm có 5 thành viên (danh sách kèm theo Quyết định).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký

- Viết dự thảo báo cáo TDG và lấy ý kiến hoàn thiện báo cáo. Thời gian thực hiện trong tháng 03-04/2023.

- Scan toàn bộ minh chứng kèm theo Báo cáo TDG, lưu trữ vào hệ thống BĐCL của Trường; Chuẩn bị Báo cáo TDG và các thông tin, minh chứng chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài. Thời gian thực hiện trong tháng 05-06/2023.

b) Các nhóm công tác chuyên trách

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1, 2, 3	Nhóm 1: - TS. Trần Thanh Phong (Trưởng nhóm) - ThS. Nguyễn Thị Bích Liễu (Thư ký), - TS. Phạm Trần Trúc Viên, - TS. Trịnh Thị Thúy Hồng,	12/2022 – 03/2023	

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
		- ThS. Đặng Nguyên Bảo		
2	4, 5	Nhóm 2: - TS. Phạm Thị Hương (Trưởng nhóm) - TS. Trần Thị Diệu Hương (Thư ký), - TS. Phạm Thị Thúy Hằng, - ThS. Bùi Thị Thu Ngân, - KS. Đặng Thị Thu Hằng	12/2022 – 03/2023	
3	6, 7	Nhóm 4: - TS. Vũ Thị Nữ (Trưởng nhóm) - ThS. Phạm Thị Thùy Duyên (Thư ký), - TS. Đặng Trương Cát My, - ThS. Đặng Thị Thơi, - ThS. Đặng Thị Ngọc Hà	12/2022 – 03/2023	
4	8, 9	Nhóm 3: - TS. Phan Trọng Nghĩa (Trưởng nhóm) - ThS. Phạm Thị Kiều Khanh (Thư ký), - ThS. Nguyễn Tiến Dũng, - TS. Nguyễn Hữu Trúc, - ThS. Nguyễn Thị Huỳnh Nhã	12/2022 – 03/2023	
5	10, 11	Nhóm 5: - TS. Phan Thị Quốc Hương (Trưởng nhóm) - ThS. Nguyễn Bá Phước (Thư ký), - ThS. Phạm Ngọc Ánh, - TS. Đặng Hồng Vương, - CN. Phạm Thị Mỹ Hoàng	12/2022 – 03/2023	

V. Dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động/cung cấp

Để chuẩn bị cho hoạt động TĐG, Hội đồng TĐG cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2, 3	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 1, 2 và 3; - Nhóm 1 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); - Trưởng nhóm 1 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 1, 2 và 3. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng (KT&BDCL), Phòng Hành chính tổng hợp, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (TT. CNTT & TT), Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu học viên, học viên.... - Thành viên quản lý Website của Khoa, của Trường. 	12/2022 – 03/2023	
2	4, 5	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 4 và 5; - Nhóm 2 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); - Trưởng nhóm 2 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 4 và 5. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng KT & BDCL, Phòng Công tác chính trị & Sinh viên, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Ban tuyển sinh Trường, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu học viên, học viên.... 	12/2022 – 03/2023	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
3	6, 7	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 6 và 7; - Nhóm 4 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); - Trưởng nhóm 4 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 6, 7. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Tổ chức – Nhân sự, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Giảng viên... 	12/2022 – 03/2023	
4	8, 9	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 8 và 9; - Nhóm 3 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); - Trưởng nhóm 3 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 8 và 9. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng KT&BDCL, Phòng Cơ sở vật chất, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu học viên, học viên.... 	12/2022 – 03/2023	
5	10, 11	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, thu thập và hoàn chỉnh các minh chứng theo Công văn số: 1669/QLCL-KĐCLGD 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng 	12/2022 – 03/2023	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
		ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu các tiêu chuẩn 10 và 11; - Nhóm 5 viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); - Trưởng nhóm 5 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn 10 và 11.	KT&BDCL, Giảng viên, Đơn vị tuyển dụng, cựu học viên, học viên....		

VI. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài Trường và Khoa

- Các CTĐT cử nhân Quản trị khách sạn của các trường, khoa trong và ngoài nước.
- Kế hoạch, số liệu tuyển dụng, hồ sơ đánh giá năng lực nhân viên từ các doanh nghiệp/khách sạn/Sở ban ngành trong khu vực và cả nước.
- Phòng vấn lãnh đạo các doanh nghiệp/khách sạn/Sở ban ngành, cựu sinh viên.

VII. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (in thành quyển riêng).

VIII. Thời gian và nội dung hoạt động


Thời gian	Nội dung hoạt động
15/12/2022 - 20/12/2022	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua:

Thời gian	Nội dung hoạt động
	<ul style="list-style-type: none"> • Kế hoạch TĐG CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của Khoa); <p>4. Trình Hiệu trưởng phê chuẩn kế hoạch TĐG.</p>
21/12/2022 - 28/02/2023	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 2. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 3. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
01/03/2023 – 31/03/2023	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết)
01/04/2023 – 30/04/2023	<p>Họp Hội đồng TĐG CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo, thống nhất các Kế hoạch hành động; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký và thành viên các nhóm chuyên trách chỉnh sửa báo cáo tiêu chuẩn theo ý kiến góp ý của Hội đồng.
01/05/2023 – 10/05/2023	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ban thư ký lập dự thảo Báo cáo TĐG 2. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 3. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý
11/05/2023 – 20/05/2023	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban) trong nội bộ Trường và Khoa TC-NH&QTKD.

Thời gian	Nội dung hoạt động
	2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến cho báo cáo TĐG.
21/05/2023 – 31/05/2023	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp ý; 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và trình Hiệu trưởng phê duyệt.
01/06/2023 – 30/06/2023	1. Trường gửi công văn báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hoàn thành Báo cáo TĐG CTĐT; 2. Lưu trữ minh chứng kèm theo Báo cáo TĐG vào hệ thống BĐCL của Trường; 3. Ký kết hợp đồng thẩm định báo cáo TĐG; 4. Hoàn thiện Báo cáo TĐG và các thông tin, minh chứng trước khi đánh giá ngoài.

Nhà trường đề nghị các đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Hội đồng TĐG CTĐT CN QTKS;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, KT&BĐCL. 

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS. Đoàn Đức Tùng